



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Xin dùng SẢN PHẨM do **VIỆT-TÂN HÓA PHẨM CÔNG-TY SẢN XUẤT**

Hiệu BẠCH-HOÀ

BỘT GIẶT (DÉTERGENT)
THUỐC GỘI ĐẦU
BỘT RỬA SẠCH
XÀ BÔNG "ÉPONGE" THƠM

HÀNG VẢI CẠC LOẠI ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
 KHÔNG GÁU KHÔNG NGỨA.
 CHÉN DĨA SẠCH BÓNG.
 DÙNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TẮM SANG NHƯ MỚI.

TỔNG PHÁT HÀNH **SANH-XƯƠNG** 98, LÊ-QUANG-LIỆM CHOLON Đ.T. 37096
 XƯƠNG: 415, LỤC-TỈNH CHOLON

GIÁ NHỨT ĐỊNH : 24\$
 CÔNG-SỞ : GIÁ GẤP ĐÔI

PHÁT-HUY VĂN-HÓA DÂN-TỘC

ĐỒNG-NAI

VĂN - TẬP

7

do Chánh-tri **MAI THỌ-TRUYỀN**
 Tuần-ly **HUỲNH KHẮC-DỤNG**
 BỮU CẦM
 Thân-văn **NGUYỄN VĂN QUI**
 LÊ NGỌC-TRỤ
 VƯƠNG HỒNG-SÈN
 Nữ-sĩ **THANH-LIÊN**
 Thuần-phong **NGÔ VĂN PHÁT**
 TRẦN VĂN QUẾ
 SƠN NAM
 TẠ QUANG-PHÁT
 Trọng-toàn **NGUYỄN VĂN KIÊM**
 BÙI HOÀNG-THU
 NGUYỄN VĂN HẦU
 NGUYỄN VĂN Y
 NGUYỄN NGỌC-HUY
 PHẠM LONG-ĐIỀN
 TIÊU THÁNH-THÁN
 NGUYỄN THỊ ĐỨC
 AN CƯ

cùng viết

Nhóm Đồng-Nai xuất-bản

Tháng Bảy và tháng Tám năm 1966

July / Aug 1966



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Trong tập 7 :

Số trang

3	Đề tưởng-niệm cụ Nguyễn-Đình-Chiều	BỘ BIÊN-TẬP
4	Nguyễn Đình-Chiều với văn-tế	Thuần-Phong NGÔ VĂN PHÁT
24	Đạo Phật của tôi	Chánh-trí MAI THỌ-TRUYỀN
35	Cường-đàm : Cái lưới điện-tử	NHỨT-CƯỜNG
38	Các bài vịnh Nguyễn Đình-Chiều	NGUYỄN VĂN Y
42	Các sách của Tuân-Lý	BỘ BIÊN-TẬP
45	Một đoạn di-vãng kịch-nghệ Miền Nam	Thuần-Phong NGÔ VĂN PHÁT
61	Mục Bóng-dáng thời-gian : Một tối, sau giờ chiếu bóng	AN CƯ
64	Nguyễn Đình-Chiều, một chiến-sĩ	PHẠM LONG-ĐIÊN
69	Bàn về hiện-tượng sách báo	SƠN-NAM
75	Một nho-sĩ Miền Nam : Lê Lương-Tri	NGUYỄN VĂN Y
81	Cảm-tưởng của một người ham sách. Câu-chuyện bắt quàng từ tác-phẩm của cụ Đồ Chiểu đến đĩa mó rận	VƯƠNG HỒNG-SÈN
93	Cổ-tích Đồng-nai : Ông Thần và Bà Hỏa	NGUYỄN THỊ ĐỨC
96	Mưa đêm nay (một chuyện thật)	PHẠM LONG-ĐIÊN
103	Vài nhận-xét về từ-ngữ Bắc Nam	Trọng-Toàn NGUYỄN VĂN KIÊM
106	Câu-chuyện lịch-sử : Thượng-công Lê văn Duyệt bắt-bình	TRẦN VĂN QUẾ
111	Một bài văn-tế có tánh-cách sử-liệu	LÊ NGỌC-TRỤ
128	Điền sách : Áo đỏ áo đen (Trần Thúc Linh)	BÙI HOÀNG-THƯ
136	Mục Bóng dáng thời gian : Nỗi niềm Việt-Nam Gợi hồng-lông Mong đợi Hò mái dầy	Thân-Văn NGUYỄN VĂN QUÍ Tuân-Lý HUỖNH KHẮC-DỤNG Nữ-sĩ THANH-LIÊN
137	Thơ văn nôm của Viên-Thành Đại-Sư trong « Lược-ước Tùng-Sao »	BỬU CẨM
142	Trên một giờ với Lê Thọ-Xuân	AN CƯ

An Cư chủ trương

PHÁT-HUY VĂN-HÓA DÂN-TỘC

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

7

KỶ-NIỆM NGUYỄN ĐÌNH-CHIỀU

Nhóm Đồng-Nai xuất-bản

Tháng Bảy năm 1966



THAY LỜI TỰA

**Đề Tưởng - niệm
CỤ NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỀU**

của **BỘ-BIÊN-TẬP**

Chiến-tranh đã mở trương lịch-sử chánh-thức cho đất nước Đồng-nai trong bộ sử dân-tộc, từ hồi Nguyễn Ánh bôn-tàu vào đây, và chiến-tranh cũng đã mở một kỷ-nguyên mới trong lịch-sử văn-học với cuộc chống giặc Pháp. Chiến-sĩ tiên-phong là cụ Nguyễn-Đình-Chiều (1822-1888). Vì mù-lòa, cụ không cầm tầm-vông được đề xông ra trận-mạc trong hàng-ngũ nghĩa-quân, cụ chỉ có một khả-năng chiến-đấu và chỉ có cây khả-năng ấy đề chống xâm-lãng : Cụ làm văn đề đánh giặc. Bằng văn-chương, cụ đã tham-gia tích-cực vào cuộc chống xâm-lãng, cảnh-tình những ai làm-lạc, thúc-giục những ai lưng-chùng và cõ-võ những nghĩa-binh xông-pha ngoài mặt trận. Ngoài ra Lục-Vân-Tiên là áng-văn tuổi trẻ sáng-tác trong thời-bình, cụ đã lưu-truyền lại hai truyện dài bằng thơ lục bát, Dương-Từ Hà-Mậu, Ngư-Tiêu Văn-Đáp Y-Thuật, ba bài văn-tế và rất nhiều bài bát cú, mà mỗi lời là một giọt huyết, mỗi hàng là một mảnh gan. Tác-phẩm văn-chương của cụ và công-tác kháng-chiến của cụ đã nêu cao tâm lòng thương nước thương dân, tinh-thần bất-khuất và khí-tiết cao-cả của cụ, đã được toàn-thể Đồng-nai nói riêng và Việt-nam nói chung tôn quý tột bực và đáng được tôn quý trong khắp cõi giang-sơn.

Với một bút-pháp linh-diệu tuyệt-vời, cụ đã lưu-hạ một kỹ-thuật có một không hai ; với một sự-nghiệp đấu-tranh bằng văn-nghệ, cụ đã nêu cao một gương yêu nước tích-cực sáng-rỡ.

Gọi là « thả cây nhang nghĩa-khí » dựng lên anh-linh bực chiến-sĩ văn-nghệ tiên-phong, chúng tôi xin thành-tâm tưởng-niệm đến cụ và xin niệm lại hai câu của cụ đã khóc Trương tướng-quân :

« Xưa còn làm tướng, dốc rạng giời hai chữ bình Tây ;

Nay thác theo thần, xin dựng hộ một câu phúc-thái ».

BỘ BIÊN-TẬP

NHÀ THƠ CỦA NÔNG-DÂN
VÀ CHIẾN-SĨ

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

với Văn-Tề

● của THUẦN-PHONG Ngô-Văn-Phát

Biết Nguyễn-Đình-Chiêu xuyên qua *Lục-vân-Tiên* là chẳng qua biết một mặt, gương mặt thiết-thà của chàng trai mới lớn lên, nặng lòng vì đạo tam cương ngũ thường, mà đau lòng vì bị từ hôn bởi mù mắt và công-danh lỗ-hội. Biết Nguyễn-Đình-Chiêu xuyên qua *Dương-Từ Hà-Mậu* cũng là chỉ biết một mặt, gương mặt cương-trực của môn-đồ đạo Nho, nóng lòng vì nước non, mà tức lòng vì bàn môn tả đạo, hiểm vi đạo Giê-su và đạo Thích-Ca. Biết Nguyễn-Đình-Chiêu xuyên qua *Ngư Tiều vấn-đáp Y-Thuyết*, cũng là chỉ biết thêm một mặt, gương mặt ưu-tư của một bậc danh-sư, nản lòng vì thế nước nạn dân mà dốc lòng cứu dân độ thế. Biết Nguyễn-Đình-Chiêu xuyên qua những bài thất-ngôn bát cú cũng chỉ là biết thêm một mặt, gương mặt ưu-ái của một bậc nho-làm, phiền lòng vì non-tâm quốc-sự, mà bền lòng tin-tưởng ở dân-tộc và tương-lai. Biết Nguyễn-Đình-Chiêu ở bốn mặt đó, tựu-trung cũng biết Nguyễn-Đình-Chiêu chưa tròn đầy. Phải biết thêm Nguyễn-Đình-Chiêu xuyên qua văn-tề mới gọi là biết tròn đủ bậc tôn-sư ấy của đất Đồng-Nai. Phải nhìn thấy và phân-tách giọt nước mắt trào ra từ hai

tròng mắt mù lòa, phải nghe lọt và cảm-thông tiếng khóc nước-nở, nghẹn-ngào, uất-hận của đất nước Đồng-Nai hòa-âm vào giọng kể ai-oán não-nùng của điệu văn mới biết được con người khi-khái hào-hùng của Nguyễn-Đình-Chiêu. Với những tác-phẩm bằng lục-bát và thất-ngôn, Nguyễn-Đình-Chiêu là một thi-sĩ nho-gia. Với ba bài văn-tề *Quan Lớn Định*, văn-tề dân-mộ-nghĩa, và *Điều Lục-Tĩnh Nam-Kỳ sĩ-dân-văn* (1), Nguyễn-Đình-Chiêu là một thi-sĩ của dân-tộc, của nông-dân, của chiến-sĩ.

Trong những thế-kỷ trước, từ áng văn tuyệt-tác *Đoạn-Trường Tân-Thanh* đến hai truyện ngụ-ngôn bình-dân *Trình-Thử* và *Tré Cóc*, các nhà văn tiền-bối, dầu là viết bằng văn nôm theo thể lục-bát của bình-dân, cũng chẳng hề tạo-dựng một nông-dân nào, trong khuôn-cảnh bình-thời của dân-tộc hay trong mưa tên gió đạn chống xâm-lãng. Những tác-phẩm tuyệt-vời nhưt cũng chỉ phản-ảnh một cách lập-lòe bóng dáng của dân-tộc xuyên qua lăng-kính của tục-ngữ, ca-dao và cảm-nghĩ vụn-vặt bời-rời, không có hệ-thống. Nguyễn-Đình-Chiêu là nhà thơ tiên-phương đã mở cửa đèn văn-chương cho những tay « chỉ biết ruộng trâu... việc cuốc, việc cày » tiến vào, mạnh dạn như họ đã tiến vào mặt trận chống xâm-lãng. Nhà vua phong-kiến thì nêu công danh-trưng ở gác Khôi đài Lân. Nhà thơ dân-tộc đã ghi ơn nông-dân trong bài văn-tề. Văn-tề theo quan-niệm và truyền-thống ở Đồng-Nai là một loại văn thiêng-liêng, đề cúng dung, đề tế-diêu, không ai dùng để mỉa-mai như Nguyễn-Du đã từng làm đề tế sống hai cô gái, Uy và Sạ ở Trường-Lưu, tỏ lòng tiếc rẻ « nhân duyên xưa chưa hết ngõ lia tơ » (2) Nguyễn-Đình-Chiêu là một tay sành nghề, đã từng biết « ứng-dụng các thể văn văn

(1) Cụ còn có mười hai bài liên-huyền *Điều Quan Lớn Định*, mười bài liên-huyền *Điều Ông Đốc Tông* bằng thơ thất-ngôn Đường-luật và một bài văn-tề trong *Dương-Từ Hà-Mậu*.

(2) Văn-tề sống Trường-Lưu Nhị-nữ.

trong những tác-phẩm của mình một cách hợp-lý » (1) đã hết lòng thành-kính thỉnh nông-dân vào văn-tế, ngang hàng với bực tướng quân, — họ là chiến-sĩ tinh-nguyên, là nghĩa-binh, « vì nước rủ nhau chết ngất » ! Nông-dân đã được tôn lên thành thần, trên ngọn bút Nguyễn-Đình-Chiều, xứng-dáng với sự-nghiệp xương máu của họ chống xâm-lãng.

Họ, thời Nguyễn-Đình-Chiều, cũng như thời nay, vốn là những kẻ tay lấm chơn bùn, lặn-lóc trong nước mặn đồng chua, chẳng sỡn vì dãi nắng dầm mưa, chỉ mong có miếng cơm manh áo, có biết đâu còn quyền mác giáo, mà dám mong dấy động can-qua. Con người củi lứt ấy hiện nguyên dưới ngòi bút cụ Đồ Chiểu :

Cui củi làm ăn

Riêng lo nghèo khó :

*Chẳng quen cung ngựa, đưa tới trường nhung,
chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng hộ.*

*Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tuy vốn quen
làm*

*Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa
từng ngó.*

Tuy họ sống trong cõi Đồng-Nai, xa hẳn triều-đình, chưa hề biết mặt vua chúa, song họ noi theo truyền-thống đạo nghĩa luân-thường, nên cụ Đồ Chiểu đã ca-tụng họ :

Tiếng đồn trung-nghĩa đến xa,

Thói giữ cương thường làm chắc.

Truyền-thống đạo-nghĩa đó đã từng được cổ-vô ở đầu truyện *Lục-vân-Tiên* :

Trai thời trung hiếu làm đầu,

Gái thời tiết-hạnh là câu trau mình.

(1) X. x. Thuận-Phong, Nguyễn-Đình-Chiều với những thế văn-oán trong tạp-chí *Hiện-Đại* số 8, tháng 11 năm 1960.

Mà năng đạo-nghĩa là năng tinh dân-tộc, năng nợ giang-son, cho nên các giai-cấp đều chẳng sỡn đồ khổ :

*Bọn tam-giáo quen theo đường cũ, riêng than bất
hạnh làm nghèo ;*

*Bầy cửu-lưu cứ giữ nghề xưa, thâm tui vô-cô chịu
cực.*

Tiểu thay quân ngoại-dương ò-ạt đến xâm-lược nước ta lại không biết dân-tâm dân-tri của ta, cầm nhơn-dân ta là man-di mọi rợ, chúng tự xưng là đạo-đức văn-minh và tự-phong cho chúng cái thiên-chức là đem ngọn đuốc Âu-Tây đến soi rọi khai-hóa. Nhơn-dân ta đã biết tâm-lý của bọn cướp quốc-tế, đã biết âm-mưu thâm-độc xâm-lãng của chúng và cũng đã biết luận-điều giả nhân giả nghĩa phỉnh gạt dê hèn ; nhơn-dân ta tin chắc rằng trời không dung, đất không tha quân cướp nước xảo-trá ấy, nên họ cũng không thể bó gối khoanh tay trước cuộc xâm-lãng bạo tàn :

*Một mối xa-thơ đồ-sộ, há để ai chém rắn đuổi
hươu ?*

*Hai vừng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê
bán chó ?*

Treo đầu dê mà bán thịt chó, bán cho ai, nếu không bán cho bọn độc-quyền buôn dân bán nước ? Nhưng bọn xâm-lãng treo dê bán chó đã độn-nhập vào đất nước quá đông, tạo ra một cảnh hỗn-loạn khác thường, mà cụ Đồ Chiểu mô-tả bằng một màn khói :

*Binh tướng nó nhóm sông Bến Nghé, làm cho bốn
phía khói đen
trong lúc một nhà nho khác, khuyết-danh, trình-bày rõ-rệt :*

*Từ Bến-Thành, trải qua Chợ Đũi, loài tanh-hối
la-liệt biết bao nhiêu*

*Nơi Chợ Lớn, khắp tới Cầu-Kho, quán mọi rợ lầy-
lùng, nên quá lắm.*

*Cầu Thị-Nghè cùng nơi Chợ-Quán, Chúa Di-Du
người ấy vinh rầu,*

Chùa Cầm-Đệm trải đến Cây Mai, Phật Bồ-Tát
phải nghèo ôm bụng.

(Gia-Định phú)

Trong lúc « quân mọi rợ », « loài tanh-hôi » nghinh-
ngang ở Saigon thì binh-đội của ta đã rút về Biên-Hòa :

Ông cha ta còn ở đất Đồng-Nai, ai cứu một phương
con đỡ.

Ở Saigon như chỗ không người, nên quân xâm-lược
mặc tình mùa rỗi :

Ăm-ạt súng rền cửa Bắc, hãi-hùng trăm họ dứt
câu ca ;

Tò-te kèn thổi trời Nam, man-mác năm canh không
tiếng trống.

(Khuyết-danh — Gia-Định phú)

Súng đạn nhiều, hỏa-lực mạnh, quân xâm-lãng mở
liên tiếp những trận càn-quét, gây khủng-bố triền-miền
cho nhơn-dân ta :

Tiếng phong-hạc pháp-phòng hơn mười tháng,
trông tin quan như trời hạn trông mưa ;

Mùi tinh-chiến vấy-vá đã ba năm, ghét thói mọi
như nhà nông ghét cỏ.

Bắn giết, đốt phá, cướp của, hãm người, đã ngày
ngày đình-chánh những lời tuyên-truyền lão-xược tự-do,
binh-đẳng, hữu-ái, văn-minh. Dưới chiêu-bài khai-hóa và
đưới nhãn-hiệu « tân trào », chúng đã xây-dựng ở đây một
hỏa-ngục, khủng-khiếp không thua hỏa-ngục của quân
Minh, mà Nguyễn-Trãi đã mô-tả trong *Bình-Ngự Đại-Cáo* :

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ.

Cho hay quân xâm-lược không hề thay đổi phương-
pháp cướp nước giết người, trải qua không-gian và thời-
gian, nên hỏa-ngục quân Pháp vẫn y như hỏa-ngục quân
Minh, dẫu sau hơn năm thế-kỷ :

Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng « Tân-Trào »
gây nợ oán-cừu

Chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cừu chúa mang
lời phản-trắc

Các bực sĩ, nông, công, cò, liền mang tai với súng
Song-tâm ;

Mấy nơi lỏng, lý, xã, thôn, đều mắc hại cùng cờ
tam sắc.

Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay
treo ;

Tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.

Kề mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo, bị tù, bị
đày, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên !

Đem ba tấc hơi mỗn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển,
hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

Dân sa nước lửa chầy ngày,

Giặc ép mỡ dầu hết sức.

Quân xâm-lãng những tưởng dùng tàn-bạo, khuất-
phục được nhơn-dân ta. Lầm ! Nhơn-dân Việt-Nam đã
sống hùng với bốn ngàn năm lịch-sử trong tinh-thần bất-
khuất và nhơn-dân Đồng-Nai đã nổi tiếng hào-khí kiêu-
hùng : cây tầm vông là biểu-tượng nhơn-dân Đồng-Nai ;
đè nó càng mạnh nó quật lên càng mạnh và quật trúng
càng đau. Những quân xâm-lãng đi trước đã học được
mấy bài sát-đát diệt thù. Vậy mà quân xâm-lãng tới sau
vẫn chưa tổn, còn cả gan chọc tức nhơn-dân ta :

Bữa bữa thấy bóng bong giăng trắng lốt, muốn tới
ăn gan ;

Ngày ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra
cắn cỏ.

Ăn gan thù, cắn cỏ giặc, chắc là « ngon » ; nhưng ăn
làm sao, cắn làm sao, trong tay không có một tấc sắt é ? Ủ,
trong tay không một tấc sắt, mà trong người có một tấm
lòng ; toàn dân có một chí quyết, cho nên mặc dầu là :

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, mà theo dòng ở
lính diễn binh ;
Gốc thiết ròng dân ấp dân lân, ra tăng-nghĩa làm
quân chiêu mộ.

Mười tám ban võ-nghệ, chưa kịp tập rèn ;

Mấy mươi trận binh-thơ, khôn chờ bày-bố.

Ngoài cột che một manh áo vải, nào đợi mang bao
tấu bầu ngòi ;

Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chỉ nài sắm dao
tu nón gô ?

Trang-bị thật là thô-sơ, mà chuẩn-bị lại không có, vậy
mà nhơn-dân, nóng vì căm hận xâm-lãng, hăng-hải đứng
lên tiến tới :

Chi đợi ai đòi, ai bắt phen này xin ra sức đoạ kinh,
Chẳng thêm trốn ngược, trốn xuôi, chuyển này
quyết ra tay bỏ hồ.

Một ngọn tầm vông và một tấm lòng đối chọi với một
lực-lượng hùng-hậu gồm quân viễn-chinh Pháp, Tây-Ban-
Nha và bọn lính đánh giặc mướn Phi-luật-Tân và Mã-Lai,
tức là bọn lính Ma-Ni, ma-tà :

Sức giặc Lang-Sa,

Nhiều phen quĩ-quái ;

Giăng dưới nước tàu đồng tàu sắt, súng nổ quá
bấp rang ;

Kéo trên bờ ma-ni ma-tà, đạn bắn như mưa vải.

Đành rằng lực-lượng bất đồng, nhưng tinh-thần cao-
trỗi nên nhơn-dân ta không nao-núng, cứ xung-phong và
đã lập được chiến công đáng kể :

✕ Hỏa mai đánh bằng rom con cú, cũng đốt xong
nhà dạy đạo kia ;

↘ Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém
rót đầu quan hai nọ.

Chi nhọc dinh quân, giồng trống kỳ trống giục, đập
rào lướt tới, coi giặc cũng như không ;

Nào sợ thằng Tây, bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa
xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho ma-tà
ma-ni hồn kinh ;

Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiết tàu đồng
súng nổ.

Nhờ ý-niệm nghĩa-vu một cách đúng-dẫn và tinh-
thần hy-sanh tuyệt-vời, đạo binh nhơn-dân không nài gian-
khổ, không quân hiểm-nguy, dùng mưu-trí sáng-tạo đã
đánh thắng nhiều trận làm cho quân xâm-lược kinh-hồn :

Rạch-Lá, Gò-Công mấy trận, người thấy đã kinh ;
Cửa Khâu, Trại Cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.

Những chiến công thâu đoạt ở Rạch-Lá, Gò-Công,
Cửa Khâu, Trại Cá với Trương-Định, trận tấn-công Cần-
Giuộc với Đốc-binh Là và Nguyễn-Đình-Huân, em ruột
của Nguyễn-Đình-Chiều, và trận hỏa-công của Nguyễn-
Trung-Trực đốt tàu Espérance trên sông Nhựt-Tảo ở
Tân-An, đã làm cho xâm-lược hải-kinh và nghĩa-quân
« ngàn năm tiết rỡ », ghi vào lịch-sử một đoạn vàng son :

Muôn dặm giang-san triều thánh đó, giang-san
còn hơi thánh hầy còn ;

Ngàn năm hồn-phách nạn dân này, hồn-phách mất
tiếng dân nào mất !

Thành-phần căn-bản trong kháng-chiến vốn là nông-
dân ; hiệp với phần đóng góp chủ-yếu của họ, còn có
những bậc tri-thức, chẳng hạn như cụ Đồ Chiểu, và những
nhà hăng sắn, cùng nhau kẻ tiền của, người máu xương,
chung lưng đấu cật trên mặt trận chống xâm lược :

Gồm ba tỉnh dựng cờ phản nghĩa sĩ-phu lắm kẻ
vui theo ;

*Tóm muốn dân gây số mộ binh, luật-linh nào ai
dám trái.*

Mặc dầu quân kháng-chiến ta đông-đảo và nhiệt-liệt,
song đối với quân cướp nước thì chẳng qua là trùng chọi
đá, chấu chống xe; cụ Đồ Chiểu đã nhận thấy nhược-diểm
của mình nên đã cất tiếng than :

*Dầu những đại-đồn thuở trước, cũng khó toan đề
trúng ngàn cân ;*

*Hướng chi cơ-lũy ngày nay, đâu dám chắc treo
mành một dải !*

Bởi vậy thất-bại đã đành :

*Một chắc sa-trường rằng chữ bạnh, nào hay da
ngựa bọc thầy !*

*Trăm năm âm-phủ ấy chữ qui, nào đợi gươm hùm
treo mộ !*

*... Thấp-thoáng hồn hoa bóng quế, lòng cố-hương
gợi lại bóng trắng thu ;*

*Bơ-vơ nước quỉ non ma, hơi âm-sát về theo luồng
gió bắc !*

Đã đành thất-bại, song thất-bại vì đâu ? chắc có nhiều
lý-do, mà cụ Đồ Chiểu chỉ nhắc lại một vài :

*Binh-trưởng nó hãy còn đông sông Bến-Nghé, làm
bốn phía mây đen ;*

*Ông cha ta còn ở đất Đồng-Nai, ai cứu đặng một
phương con đỏ ?*

Đó là một sự thật lịch-sử. Sau khi thất trận Chi-Hòa
(26-2-1861), đạo binh triều, tức binh chánh-qui, của Nguyễn-
Tri-Phương rút về thủ ở Biên-Hòa, để mặc tình quân cướp
nước tự-do ruộng bở. Đạo-binh chánh-qui của triều-đình
gởi từ Huế vào đánh đuổi xâm-lãng, nay bại trận rút về ở
Biên-Hòa biệt tăm biệt tích, bỏ phẫn dân đen cho lửa đỏ của
giặc đốt thiêu ; nhơn-dân Đồng-Nai đã khác nào như gà

mất mẹ, chẳng được chiếu-cổ, mặc tình « tử phạm biên-
manh » bởi ở xa mặt trời, ở cõi biên-cương, can gì đến quân
quốc ! Ở Biên-Hòa tàn-binh chánh-qui có lẽ chính-bị hàng
ngũ lại để chuẩn-bị phản-công chăng ? Ở Gò-Công đạo
binh nhơn-dân của Trương-Định dường như nghe cuộc
chuẩn-bị ấy :

*Ngon khỏi Tây-bang đóng đó, cõi Biên còn trống
đánh sơn lâm,*

Trong thật-tế đạo binh triều đã có làm chi hay không,
nhơn-dân Lục-Tĩnh vẫn đợi chờ ngon cò điều-phạt, trong
lúc bị lũ cướp nước giết sạch, đốt sạch, cướp tài-sản, hãm
đàn-bà :

*Tiếng phong-hạc pháp-phòng hơn mười tháng,
trông tin quan như trời hạn trông mưa.*

*Nhớ phận áo cơm đất nước, trọn mấy năm ngóng
cỏ trồng quan !*

Hơn mười tháng đợi chờ, hơn mười tháng trông tin
quan, hơn mười tháng trông cho triều-đình tiếp-viện.
Nhưng hồi ơi ! triều-đình đã hàng đầu, đã ký hòa-trước.Nhâm-
tuất (5-6-1862) cắt ba tỉnh miền đông cho quân xâm-lãng !
Triều-đình Huế không có công tạo-dựng đất nước Đồng-Nai,
nên hạ tay cắt đất giao cho xâm-lược dễ-dàng. Nhưng
nhơn-dân Đồng-Nai đã tái-bồi đất nước bằng xương trắng
máu đào ; đất nước Đồng-Nai là xương máu của nhơn-dân
Đồng-Nai, là thân-thể của nhơn-dân Đồng-Nai, là linh-hồn
của dân-tộc ; đất nước bị cắt chia là xương máu của nhơn-
dân Đồng-Nai bị cướp giật, sao khỏi gây oán hờn :

*Vì ai khiến đưa chia khấn xé, nhìn giang-san ba
tỉnh lũng thêm buồn*

*Khóc là khóc cơn nước nhà bán-loạn, hôm mai
vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nôi ;*

*Than là than bờ cõi lúc qua-phân, ngày-tháng trông
vua ngự-ngàn một phương tờ đại.*

Đất nước Đồng-Nai là tài-sản của nhơn-dân Đồng-Nai, là Quê-Hương, là Tổ-Quốc, nên nhơn-dân Đồng-Nai quyết sống chết giành lấy lại, bất luận với giá nào :

*Chi đốc đem về non nước cũ, ghe phen hoạn-nạn,
cây thương phá lỗ chừa lia.*

Đó là chánh-nghĩa. Toàn thể nhơn-dân Đồng-Nai đã một lượt ứng theo. Không còn trông cậy triều-đình nữa, nhơn-dân tự-lực đứng lên, họ truyền hịch :

*Chữ «đức dân vi bản», sợ chi mà đành cắt đất
nhường man di ?*

*Lòng dân nghe trời nọ cũng nghe, dạ ta quyết ai
mà chẳng quyết.*

(Khuyết-danh, HỊCH)

Đã tự lực thì nhơn-dân tự túc, kẻ vai sát cánh dưới ngọn cờ phẩn-nghĩa binh Tây :

*Binh thì chốn làng đóng, xã cả, một kẻ theo ngàn
kẻ đều theo ;*

*Lương thì nơi phú hộ lực-điền, một người nghĩa
muôn người cũng nghĩa.*

(Khuyết-danh, HỊCH)

Nhơn-dân là nạn-nhân trực-tiếp của xâm-lãng, họ quyết-tâm giết giặc, họ nhứt-định không tuân lệnh bãi-bình của triều-đình, họ chỉ nguyện kháng-chiến cho đến cùng, họ đồng thể chết sống theo Trương-Định, nên khi có chiếu vua phong tướng cho Trương-Định, họ không đồng ý để lãnh-tụ của họ về theo vua, họ cầm lại quyết-hệ. Cái cảnh bịn rịn :

*Ba phen lên ngựa mà về,
Cầm cương anh lại, xin để câu thơ ;
Câu thơ, năm bảy câu thơ,
Câu đọi, câu chờ, câu nhớ, câu thương.*

(Ca dao)

đã được cụ Đồ Chiểu mô-tả một cách cụ-thể giữa chốn ba quân :

*Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên-tử chiếu, đôn
ngăn mấy dặm mã-tiền.*

Cụ Đồ Chiểu còn cất tiếng hiệu-triệu :

*Ở các làng ơi ! Chớ thấy chín trùng hòa-nghị, mà
tám lòng địch khái nở vội quên ;*

*Chớ rằng ba tỉnh trọn vong, mà cái việc báo cứu
đành ngờ bỏ !*

(NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU, Từ-Chiến)

Khi-lực nhơn-dân hăng mạnh, tiếc thay binh của triều-đình đã chẳng tiếp tay cho, mà chánh triều-đình đã hàng đầu xâm-lược, vậy là sự-nghiệp chống xâm-lược kẻ đã thua gần trọn rồi. Lại thêm trong nhơn-dân có chỗ bất đồng lý-tưởng ; tuy phần chủ-yếu là theo đạo tam-cang ngũ-thường, nhưng vẫn có phần tôn-thờ một đạo mới, mà bấy giờ cụ Đồ Chiểu kêu là đạo Huè-Lan và cho là « tả đạo » :

*Sống làm chi theo quân tả-đạo, quăng vùa hương,
xó bàn đọc, thấy lại thêm buồn !*

Ngoài ra còn một hạng người phẩn nước, chạy theo giặc mà phẩn lại dân, tức là bọn Việt-gian mà tên đầu dọc là Đới Tấn, đã làm tay sai cho giặc, đã gây tổn-hại cho kháng-chiến và đã bị toàn-dân nguyện rửa nát tan :

*Bực tri nhơn-dân, giận thẳng tà, mắng thẳng tà,
om sòm như nhái.*

Trong những điều-kiện thất-thể về võ-khí và chánh-trị như vậy, nhơn-dân ra sức kháng-chiến cầm cự chịu :

Kẻ mười mấy năm trời khốn-khổ.

Mười mấy năm trời là giai-đoạn kịch-chiến, nhưng trong thật-tế, cuộc kháng-chiến tiếp-tục không ngừng, từ Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực, Thủ-khoa Húan dẫn

đến Lê-văn-Thạnh, Phạm-văn-Đông, Âu-dương-Lân, Lâm-văn-Lê ở Vĩnh-Long, Long-Xuyên, Cần-Thơ; Nguyễn-xuân-Phụng, Đào-công-Bửu ở Cầu Ngang (Trà-Vinh); Lê-tân-Kế, Trần-Bình ở Ba-Động (Trà-Vinh); Quản-Hán ở Mười Tám Thôn Vườn Trầu (từ Bà-Điền đến Hốc-Môn, Gia-Định); Phan-công-Tông, Phan-Liêm và Phan-Tôn ở Ba-Tri (Bến-Tre); Thiên-hộ Dương, Đốc binh Kiều, Đỗ-Trình-Thoại và Ngô-Chí-Cường ở Đồng Tháp Mười; Tổng-binh Luạn và Thống-Tiến đi phát bằng cấp và vận-động nhơn-dân ở Gò-Công (1867, 1894).

Trong bài *Gia-Định Phú*, một tác-giả khuyết-danh đã hòa-lệ với nghĩa-quân và cụ Đờ Chiêu :

*Ngậm ngùi thay ba bốn lần Gò-Vấp, cây cỏ khó
thân thể cũng khó ;*

*Bát-ngát nhẽ Mười Tám Thôn Vườn Trầu, hoa trái
rụng người đời cũng rụng !*

*Mấy dặm Gò-Đen Rạch-Kiến, ngọn lửa thiêu sự-
nghiệp sạch không ;*

*Đòi nơi Rạch-Lá Gò-Công, trận gió quét cửa nhà
trống lờng,*

*Tiếng kêu oan, oan này vì nước, hồn nghĩa-dân biết
đưa vào đâu ?*

*Thân liều thác, thác vậy (?) cùng vua, xương nghĩa-
sĩ chất đá đầy đồng !*

Quân xâm-lãng cố tận-dùng sách-lược giết sạch, đốt sạch và phá sạch, còn sót lại những gì ? Đây, bức tranh hậu-chiến với những mẹ già khóc trẻ, vợ yếu tìm chồng :

*Đau-đớn mấy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya
leo-lét trong lầu ;*

*Não-nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế
dật-dờ trước ngõ,*

Với oan-hồn dật-dờ khắp Lục-Tĩnh, âm-khi bao trùm cõi Đồng-Nai :

*Trời Gia-Định ngày chiều rắng rắng, âm-hồn theo
con bóng ác dật dờ ;*

*Đất Biên-Hòa đêm vắng sao lờ, oan-quỉ nhóm ngọn
đèn thần heo hắt.*

*An-Hà quận đương khi bạch-trú, gió cây vụt thổi,
cát xoáy bay, con trốt dật bên thành ;*

*Long-Tường-giang mỗi lúc huỳnh-hôn, khói nước
xông mù, lửa đóm nháng, binh ma chèo dưới vực.*

với cả đất trời nhuộm màu tang-tóc ;

*Kiêng Nam-thồ phơi màu huê-thảo, động tình oan,
nửa úa, nửa tươi ;*

*Cõi Tây-thiên treo bức vân-hà, kết hơi oán, chặng
thưa chặng nhạt.*

*Ngày gió thổi lao-xao tin dã-mã, thoát nhóm, thoát
tan, thoát lui, thoát tới, như tuồng bán dạng
tin linh ;*

*Đêm trăng lơ dẹo-dắt tiếng đê-quyên, dường hờn,
dường mến, dường khóc, dường than, đòi đoạn
tỏ tình oan-khuất.*

với hình bóng của nghĩa-bình phượng-phất :

*Nhìn mấy chặng cờ lau trống sấm, mĩa mai trận
nghĩa gởi bình tinh ;*

*Thảm đòi ngàn ngựa gió xe mây, mừng-tượng
vong-linh vì chiến-luật.*

*Người lạc-phách theo miền giang-hải, cung ngao
lầu thán, đánh một câu thân-thể phù-trầm ;*

*Kẻ du-hồn ở cõi Sơn-Lâm, lũy kiến đồn ong, còn
lớn chữ âm dung phượng-phất.*

Chết là hết, chết là thua ? Không ! Cụ Đờ Chiêu không chịu thua, hồn nghĩa-bình ắt cũng không chịu thua, nên trong cảnh thê-lương hậu-chiến, vong-hồn âm-tướng hiện về trong ngọn đèn trời, trong cơn trốt xoáy, tiếp-tục chiến-đấu phục-thù, sống cũng như thác :

*Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu
tỉnh chúng đều khen ;
Thác mà ung đền miếu đê thờ, tiếng hay trải muôn
đời ai cũng mộ.
Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh-hồn theo
giúp cơ-binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;
Sống thờ vua thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã
đánh rành, một chữ ẩn đủ đền công đó.*

Cụ Đồ Chiểu không chịu thua, nên với nghĩa-sĩ đã đền
xong nợ nước, cụ chiêu-hồn về phò-hộ cơ-binh, với những
kẻ toan đầu hàng, cụ thiết-tha hiệu-triệu :

*Ó các làng ơi !
Ơn thủy-thổ thủy đều mang nặng.
Việc thần dân chớ khá lổi nghi.
Khá che đậy nhau rón ở mà chờ thì,
Đừng xúi giục nhau mà ra đầu thú !
Chớ thấy đồng-bào dưới Gò-Công thất-thủ, mà trở
mặt hại nhau ;
Đừng rằng phường-phổ trên Bến-Nghé an-cư, mà
đánh lòng theo mọi.
Dầu ai muốn hỏi (...) có sao rằng nịnh, coi cái bảng
trên mã Ngụy-Khôi ;
Dầu ai muốn coi có sao rằng họa, có sao rằng tai,
ngó tấm bảng tại làng Đa-Phước.
Hỡi ôi !
Oan đường ấy ! hèn đường ấy ; cừ-thù đường ấy,
tính làm sao trả được mới hay ?
Cóng bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao-khổ bấy lâu, đâu
nỡ bỏ đi sao phải ?
Dầu có lỡ sát thời tâm nơi sơn trại, mà tụ-tập anh-
hùng...*

(NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU, TỬ-CHIỂU)

Tinh-thần bất-khuất và tấm lòng yêu nước của nông-
dân và của cụ Nguyễn-Đình-Chiểu hãy còn « ngàn năm tiếng
rõ », sau khi « một trận khói tan ». Nông-dân đã viết trường
liệt-sử kháng-chiến oai-hùng ; Đồ Chiểu đã viết trường
liệt-sử văn-chương rực-rỡ. Họ đã cùng mở một kỷ-
nguyên mới cho đất nước Đông-Nai, cho cả dân-tộc Việt-
Nam ta, kỷ-nguyên chống xâm-lãng bằng du-kích và bằng
bút mực. Với Đồ Chiểu, nông-dân đã có mặt trong văn-
chương lần đầu tiên, và lần đầu tiên, theo nông-dân, một
nhà thơ đã có mặt trong kháng-chiến. Ngòi bút với ngọn
tâm vông đã sáng rực trong lửa đấu-tranh và còn chiếu-
diệu qua nhiều thế-hệ.



Ngòi bút của cụ Đồ Chiểu còn chiếu-diệu qua nhiều
thế-hệ và lần-át ánh-sáng của những áng-văn-tế được khen
tụng như từ xưa đến nay, như bài *Tế Phò-mã Chương hậu-
quân Võ-Tánh* và *Lễ-bộ Thương-thor Ngô-Tùng-Châu* của
Đặng-Đức-Siêu và bài *Tế trận-vong tướng-sĩ* của Nguyễn-
văn-Thành. Ngòi bút của cụ Đồ không phải chiếu-diệu chỉ
bằng ánh sáng của ngọn lửa chống xâm-lãng, mà còn chiếu-
diệu, bằng ánh sáng của đỉnh thép văn-chương, chiếu-diệu
bằng văn-khi.

Văn-khi của ba bài văn-tế là kết-tinh của hào-khí
Đông-Nai đã sôi ùn-ục trong tim thi-sĩ mù lòa và nỗi đùng-
đùng trong đấu-tranh chống xâm-lược. Hào-khí Đông-Nai
trần đầy trong đó và truyền qua bất kỳ là ai, ở bất kỳ đất
nào và thời nào. — ngoại trừ Việt-gian và xâm-lược !

Hào-khí đó đã truyền qua một đám mặt trắng đầu
xanh ở lớp nhưt trường tỉnh Bến-Tre hồi bốn mươi bảy
năm trước, nghĩa là gần sáu mươi năm sau trận nghĩa-quân
tấn công quân xâm-lãng ở tại Cần-Giuộc (14-12-1861); hào-
khí đó đã truyền mạnh và sâu cho đến đôi ấn-tượng còn
đậm nồng trong một « trò » nội cuộc, khiến « trò », nay đã

quá lục tuần đương ở trong cảnh khói lửa như cụ Đồ Chiểu xưa kia, bỗng sống trở lại giờ học sử Việt thuở nào, hồi Pháp còn ngự-trị, và lại khiến «trò» ấy truyền sang chúng ta thứ diên-linh kia, thứ diên thắm đậm trong bài văn-tế vong-hồn mộ-nghĩa mà ông thầy đã lên ông Đốc Tây đọc cho cả lớp nghe.

Ông thầy đã đọc bài văn-tế ấy, không phải bằng giọng tế-thần của hương-lễ trong đình, mà bằng một giọng thế nào, khiến lòng Mai, «trò» đó, bắt đầu xao-động và cái xao-động trong lòng Mai đã trở thành một sức nóng mà mức độ lên dần, lên dần, theo đà phần-uất của lời văn.

... Ngoài cật có một manh áo vải...

(.) liều mình như chẳng có.

Lời văn và có lẽ thêm giọng đọc của ông thầy đã gây thêm « một tiếng động, hai tiếng động... cả lớp đều động... mấy chục cặp mắt chim non sáng lên hãnh-diện. Giá đừng sợ Ông Đốc, có lẽ tất cả đã vỗ tay. Thầy chúng tôi ngưng đọc, miệng xuyt xuyt vài cái, mắt liếc ra cửa. Chúng tôi hiểu ý, làm êm.

«Thầy chúng tôi lại tiếp đọc, tiếng dứt nổi khó-khăn hơn trước :

...Những lăm lòng nghĩa sau dùng,

Đâu biết xác-phàm vội bỏ...

...Đoái sông Cần-Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ;

Nhìn chợ Trường-Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ...

«Trước là một vài tiếng sụt-sùi kin-đáo, bây giờ là những tiếng khóc thật, khóc to. Thầy chúng tôi cũng khóc. Nhẹ rút chiếc khăn lau lệ, thầy chúng tôi ra dấu bảo im. Nhưng nào phải khóc dỗi mà muốn nín là nín ? Phải một chập lâu, tiếng hỉ mũi vang dội giữa bốn tường, mới dứt.

Tặng hăng mấy cái như để nuốt hết niềm đau thương chèn cổ, thầy chúng tôi lại đọc, giọng thắm-thương hơn:

...Tác đất ngọn rau ơn chúa, tài-bồi cho nước nhà ta,
Bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó ?

.....

Sống làm chi theo quân tả-đạo, tung vùa hương, xô
bàn đọc, thấy lại thêm buồn,

Sống làm chi ở linh mã-tà, chia rượu ngọt, gặm
bánh mì, nghe càng thêm hổ.

.....

Đau đớn bầy mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn xanh
leo-lét trong lều,

Não-nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế
đật dờ trước ngõ.

«Trận khóc tái-diễn, nửa thương nửa giận. Giận ai đã
nổi giáo cho giặc, như bọn lính mã-tà, như những người
đã mắc mưu (tiền giáo hậu binh) của quân Pháp mà không
biết.

« Những trận mưa lệ này không dai.

...Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn
sáu tỉnh cũng đều khen,

Thác mà ung đền miếu đê thờ, tiếng hay trải muôn
đời ai cũng mộ.

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh-hồn theo
giúp co-binh, muôn kiếp nguyện được
trả thù kia ;

Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã
rành rành, một chữ ám đù đền công nợ.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai
chữ thiên dân,

Cây nhang nghĩa-khi thấp nên thơm, cám bởi một
câu vương-thổ.

« Không ai bảo ai, chúng tôi tươi hẳn lại. Lóng lánh đôi mắt còn ngấn-lệ, những tia sáng của khi-hùng đang chỗi dậy: Phải chứ, sống cũng đánh mà thác cũng đánh...» (1)

Khi hùng chỗi dậy trong lòng bạn trẻ, bắt theo đốm lửa thiêng của « cây nhang nghĩa-khi » chấm dứt bài văn; khi hùng ấy đã truyền từ áng-văn, nó truyền sức nóng của cảm-thù, nó truyền hãnh-diện của hăng say, nó truyền cái khóc sụt-sùi, nức-nở của buồn giận, nó truyền cái tươi sáng-lóng-lánh của hào-hùng, nó kích-động mãnh-liệt.

Tôi cũng đã từng bị kích-động mãnh-liệt, khi tôi đến viếng bãi chiến-trường, cách đây bảy năm, bãi chiến-trường tại « chợ Trường-Bình », bên « sông Cần-Giuộc », là chỗ nghĩa-quân đã « đốt xong nhà dạy đạo kia » và đã « chém rớt đầu quan hai nọ ».

Lúc đó tôi đi tìm tài-liệu về cụ Đồ Chiểu. Duyên may cho tôi gặp được một anh, đã trên tứ tuần, ở trần trụi-trụi, đương ngồi bán trầu tại chợ Cần-Giuộc. Người ta nói anh ở tại ấp Thanh-Ba, gần nhà cụ Đồ Chiểu, chắc có thể giúp cho tài-liệu ít nhiều. Tôi chờ tan chợ, đến làm quen với anh rồi mở đầu hỏi thăm về cụ Đồ. Anh liền dẹp trầu lại, rồi tiếp chuyện với tôi. Anh thuật lại cho tôi nghe những chuyện xưa và đọc những thơ văn của cụ Đồ. Anh đọc bài văn-tế nghĩa-sĩ Cần-Giuộc. Giọng đọc và nét mặt anh cứ đổi thay, dễ lộ tấm lòng anh và kích-động tấm lòng tôi. Bồn thân tôi đã đọc đi đọc lại bài văn-tế đó trước đây không biết bao nhiêu lượt, mà bữa nay tôi cảm thấy như mới được nghe đọc lần đầu: hình bóng cũ dường như đã sống lại, vong-hồn xưa dường như hiện ra, tử-sĩ và cụ Đồ lảng-vảng đâu đó, bên mình người con của đất đai Cần-Giuộc, người con của nông-dân Cần-Giuộc, đương bỗng trầm tung đọc bằng một giọng ai-oán, hăng-say, náo-nùng, nhiệt-liệt.

(1) Chánh-TRI Mai-Thọ-Truyền, GIỜ SỬ VIỆT, Đồng-Nai Văn-Tập, tập 6, tháng 5 và tháng 6 năm 1966.

Rồi chúng tôi nin-lặng, một lòng thành kính tưởng niệm đến người xưa. Chúng tôi đã bị kích-động mãnh-liệt, mà anh Ba bán trầu đó đã bị kích-động hơn tôi nhiều, anh đã bị kích-động từ lúc mới lớn lên, khiến anh học nằm lòng bài văn để làm như kinh-kệ.

Anh Ba bán trầu này và lớp học-sanh kia đã nhiễm được hào-khí trong bài văn. Hào-khí ấy đã chứa-chan trong nội-dung và còn được nẩy-nở dưới ngòi bút thần-diệu của cụ Đồ Chiểu.

KỶ TỚI : Kỹ-thuật làm văn-tế của cụ Đồ Chiểu.

THUẦN-PHONG NGÓ-VĂN-PHÁT

ÁI HUÊ

ĐẠI TỬ LẦU

414, Đại lộ ĐỒNG KHÁNH (Chợ lớn)
Điện-thoại : 37.161

40 năm danh tiếng về các món ăn Quảng Đông.

**Lãnh làm tiệc và lãnh tiệc dọn tại nhà của
Quý Khách.**

Phòng rộng-rãi và có phòng máy lạnh.

**Mùa Trung Thu : Bánh Trung thu ngon nhất
Việt-Nam.**

Tiếp-đãi vừa lòng Quý Khách.

ĐẠO PHẬT CỦA TÔI

● của Chánh-trí MAI-THỌ-TRUYỀN

Cách nay 35 năm, tôi có quen thân với một công-chức trung cấp. Vào tuổi 26 xuân xanh, bạn tôi lúc ấy sống cuộc đời của đa số : lo giàu, lo nghèo, ham vui, thích sướng, nuông chiều xác thịt và biếng đời trí-thức. Gặp những cơn phong-ba bão-chướng, bạn tôi, như cộng sậy, nép mình dưới cơn gió lốc, để rồi cất đầu ngao-nghe, nhìn đời với đôi mắt lạc-quan, một khi vận rủi qua rồi. Tình-trạng ấy có thể kéo dài không biết đến đâu là cùng, nếu trên bước đường công-chức của bạn tôi không xảy ra một sự thay đổi quan-trọng : bạn tôi thi đậu lên cấp trên. Không còn là thầy nũa mà sẽ là Ông, lại thêm lương cao bổng hậu, cả một chân trời mới ánh lên huy-hoàng, như thế mà bảo bạn tôi không hãnh-diện thích-thú đến mất ngủ suốt đêm thi đậu sao được ? !

Nhưng chính trong cái đêm thành-công mà bạn tôi cho là rực rỡ ấy, vào lúc gần sáng, bạn tôi đã phải giật mình sửng-sốt trước một khám-phá chua cay. Sau khi tự so-sánh với bốn bạn đồng khoa và bất-mãn ở chỗ bị liệt vào « bảng vàng » sau hai cái tên mà bạn tôi nghĩ là không có gì xuất-sắc, bạn tôi xét qua trường-hợp của những thí sinh xấu số, ý-định đo lường, một cách khóai-trá và kiêu-mạn, bậc cao mức thấp giữa kẻ đậu người rớt. Xem xét từng người, như một ông đội diêm binh, bạn tôi mê-mạn với những lời phê-bình : « Anh này trượt là phải, vì ít học quá mà », hoặc « bác này không hơn gì, hỏng là đáng ! » bỗng bạn tôi dừng lại, im lặng. Bạn tôi vừa chạm trán, trong tư-tưởng, với một thí-sinh mà bạn tôi thầm biết là văn hay, chữ tốt, học nhiều, nhất nhất đều hơn bạn tôi. Thế

mà anh ấy đã rớt, lại rớt keo thứ hai. Một hồ-thẹn vụt lên, làm nóng bừng mặt bạn tôi và trong chốc lát, cái kiêu-hãnh của bạn tôi tan rã như thủy băng gặp ánh nắng thái-dương. Rồi như tỉnh một cơn mộng-mị, bạn tôi bừng mắt tự nhủ : thi đậu là một việc còn thực tài là một việc khác, thảo nào cõ-nhân không bảo « học tài thi mạng ».

Phút thức-tỉnh ấy len-lỏi đi sâu vào tâm-hồn bạn tôi, rồi dần dần bao nhiêu bồng-bột, ấm-áp ở đây đã nhường chỗ cho một bình-tĩnh, một giá-lạnh, khiến bạn tôi càng lúc càng sáng. Bạn tôi khám-phá nhiều sự-thực trần-trường, bí-đi của cái « ta » tham danh, thích khen, thích đến quên dốt, dốt ở nghề-nghiệp, dốt ở thuật xử-thế, dốt ở đức hạnh, dốt ở tất cả những gì cao đẹp, đáng quý không thể tìm ở cuộc đời vật dục, dù có đầy-đủ đến đâu.

Khám-phá, kiểm-xét xong, bạn tôi thấy cái học kiếm ăn bấy lâu, với kết-quả vừa thu lượm được, có thể kể là đủ, bây giờ cần phải học làm người. Bạn tôi tự bảo : cái « thuật gà bươi gốc chuối » có thành-công đến đâu cũng bắt quá đem lại cái giàu cái sang là cùng, sao bằng cái « thuật làm người » của thánh hiền. Từ đó bạn tôi quyết-tâm trút hết thời-giờ nhàn rỗi vào chỗ tự học chữ Hán, hy-vọng tự vạch một con đường xử-thế tu-thân theo đạo Khổng Mạnh mà lúc bấy giờ bạn tôi cho là cao hơn hai con đường Lão, Thích.

Hai năm, sự tình-cờ đặt vào tay bạn tôi một quyển « Phật Học Dị Giải » bằng chữ Hán của Cõ-phong-Trần. Đọc đi đọc lại hai ba lần, bạn tôi phải một phen ngỡ người : « Phật-giáo là thế này sao ? » Tôi cho bạn tôi ! Sinh-trưởng trong một gia-đình Nho giáo, bạn tôi, từ nhỏ đến lớn, có biết Đạo Phật là gì, hoặc có biết đi nữa, là biết qua những việc làm của những ông « thầy chùa » của thời bấy giờ. Tự nhận mình có lỗi vì đã đánh giá sai một nền giáo-pháp mà bạn tôi cảm thấy tuyệt-luân, bạn tôi một mặt tiếp-tục học Nho, một mặt khác sưu-tầm những kinh sách Phật, bất-luân là Việt, là Hán, là Pháp-văn, đem về tích-trữ và lần-lượt khảo-cứu. Sau 12 năm học đạo, lòng sùng-bái giáo-lý chân-chính đầy-đủ, mạch-lạc, thâm-huyền của Đức Phật ngày một nặng thêm,

nhưng bạn tôi chưa nghĩ đến việc nhập môn cầu đạo, bởi lẽ lòng phàm chưa thắng nổi và nhất là vì chưa có một xúc-động mãnh-liệt nào để làm cơ-duyên kích-thích.

Thật vậy, kinh-nghiệm chỉ rằng, trong lúc nhắm mắt chạy theo danh lợi tài sắc, mê cuồng, như những đứa bé đuối bắt bướm-bướm, chuồn-chuồn, một vài cái té nhẹ, trầy da là gối, đầu đủ sức làm cho con người đứng lại. Phải đứng đầu với những thử-thách thực chua-cay, gánh chịu những thất-bại thực nặng-nề, tương-đồng với những cái ngã lợi chân gãy tay của trẻ con bắt bướm, người đời mới thức-tỉnh. Biến cố ngày 9 tháng 3 năm 1945 xảy ra. Sau một năm tản-cư, bạn tôi trở về thành, trở về để nghe hoặc chứng-kiến tận mắt biết bao sụp-đổ tang-thương, biết bao mạng sống ra ma, biết bao cái tôn sùng bị dày đập... Chợt nhớ lại hai chữ vô-thường, cái lẽ có sinh có tử và nhất là luật nhân-quả nghiệp-báo nghiêm-minh, bạn tôi cảm thấy như đứng trước cuốn sách Chân-lý bấy lâu khép chặt, nhưng nay đã lật ngửa. Câu : « Nào ai có tai hãy nghe ! » của Phật trước khi quyết-định « chuyển Pháp-luân » trở lại và vang-đội trong ký-ức của bạn tôi với một ý-nghĩa thâm-thúy. Quyền Nhật-ký của bạn tôi, vào khoảng giữa năm 1946, có ghi đoạn sau đây :

« Trước nạn chung mà mình sống sót yên thân, chắc chắn không phải nhờ một cái may vô cớ, càng không phải là một cơ-hội để thừa nước đục thả câu, mua sang làm giàu trên xương máu tang-tóc của đồng-bào, mà là một điều đáng lo nghĩ. Nếu bảo rằng chết chóc, đau khổ là trả quả, thì ra đây hồi mồ gõ tai ngo; bằng nhận ra khỏi vạ gió tai bay là nhờ ở căn lành, thì há chẳng phải đây là hồi-chuông bừng mắt híp. Cuộc xoay vần đã thấy, đường giải-thoát nên lo, vì : cửa Từ Bi rộng mở đón chờ, đèn Trí huệ sẵn soi u-ẩn... »

Cái duyên sơ phát-tâm của bạn tôi là thế.

Tiến lên và tự ví mình như khách bộ hành lạc-hướng lại nhận rõ mình lạc-hướng, bạn tôi nhất-định quày đầu, không hện, mai hện một. Nhưng làm thế nào đây khi cảnh loạn-ly không cho phép đi xa tìm chùa tìm thầy, phần lại chưa được biết ai là minh sư để thọ giáo. Thôi thì, theo lời kinh-sách dạy, ngộ biến phải

tùng quyền. Đêm 17 tháng 11 năm 1946, nhân ngày vía Đức A-Di-Đà, bạn tôi thượng tượng Phật và phát nguyện quy-y và trường trai giới sát. Kể từ đây, sự tu-học mỗi ngày mỗi tiến thêm lên, bạn tôi mới ngộ được cái lý có nhẹ gánh phong-trần, lòng mới bình-thản, và có bình-thản là có sáng-suốt, cho nên đọc đầu hiểu đó, càng hiểu càng say-mê.

Đức Khổng than chưa thấy ai hiểu Đạo như hiểu sắc. Bạn tôi có lẽ tránh được phần nào lời trách móc này. Bạn tôi thường bảo không say-mê thì không thành-tựu, bất cứ trong một việc gì ; say-mê tự nó đâu phải là một tội, chỉ sợ cái làm cho ta say-mê không phải là cái cao-quí, vị-tha. Say-mê là mê cương-nghị, không cương-nghị thì nội cái việc ăn chay để như bốn kia chưa chắc là làm được. Chỉ có thay đổi thức ăn mà kham không nổi thì đừng mong nói tới việc dưỡng tánh tu tâm, khó-khăn hơn muôn ngàn lần.

Đến lối tháng 4 năm 1947, tự thấy mình bất-lực trước cảnh lính Lê-dương say máu, giết người cướp của diễn ra gần hằng ngày, bạn tôi then thâm và đau xót quá, bèn đưa đơn xin hưu-trí non. Nhưng kiếp-trần còn nặng-nợ, sau 1 tháng ở nhà thương « làm máy », Hội-đồng bác-sĩ bảo xe còn tốt, cho nghỉ một tháng rồi bắt chạy lại. Mà lại chạy xa, đến tận Hà-Nội. Lưu lại đây 9 tháng, bạn tôi có dịp lui tới chùa Quán-Sứ tham vấn Thượng-Tọa Tổ-Liên, lắm khi cũng đến chùa Hòe-Giai, kết giao với lão cư-sĩ Tuệ-Nhuận. Một dịp hiếm-có đề học-hỏi thêm về giáo-lý cũng như về cách phụng-sự Phật-Pháp, phục-vụ chúng-sinh. Hội Việt-Nam Phật-Giáo vừa phục-hưng là bắt đầu hoạt-động mạnh : nào lập Viện cô-nhi, nào xây-dựng tư-thục, nào tái-lập nhà in Đuốc-Tuệ bị cướp sạch-sành-sanh. Ở chùa Hòe-Giai của Hội Phật-Tử Việt-Nam, thì không chiều thứ bảy nào là không có buổi giảng kinh nghiêm-chỉnh và hào-húyng. Các nỗ-lực trong cảnh hồi-cư chân ướt chân ráo ấy làm cho bạn tôi suy-nghĩ và cảm-phục nhiều. Có như thế, bạn tôi tự bảo, Phật-giáo mới xứng-đáng với sứ-mạng ứng thế của mình chứ ! Tiếp theo đó là những giờ trầm-tu về hai lẽ xuất-thế, nhập-thế, và cầu-nguyện « địa ngục thế tiên nhập ».

« Tam đại thiết vi », ba cái ngục lớn, thành cao vách sắt thấy nói trong Kinh Địa-Tạng, ở đâu? Thừa ở ngay đây, trên mặt đất này và tội-nhân không ai lạ hơn là toàn-thề những ai còn tự giam mình trong tham, giận, si-mê. Thế mới biết, phạm người tu hành chân-chính, trước phải xuất-thế để rèn luyện thân-tâm, sau đó phải nhập-thế, xông vào địa-ngục trần-gian để thực-thi đức Từ-Bi hóa-độ. Ý nghĩ này, về sau, đã đưa bạn tôi tới một nhận-xét, mới nghe qua tưởng như trái đời: ai ơn ai, giữa kẻ cho và người nhận? Theo thế tình, người nhận phải ơn kẻ cho, nhưng bạn tôi lại nghĩ ngược và giải-thích như sau. Trong sáu phép tu giải-thoát gọi là Lục-độ, bồ-thí đứng đầu và Phật dạy có bồ-thí mới diệt được lòng tham, lòng tham diệt xong mới mong giải-thoát. Vậy rõ-ràng: người tu hạnh bồ-thí phải cảm ơn người nghèo khó, đói rách, tật nguyền, bởi vì không họ thì mình không có cơ để diệt tham và giải-thoát.

Ý-nghĩ ngược đời này đã làm nguồn cho một bài báo mà bạn tôi đã viết cho Bồ-Đề tạp-chí, số 17, xuất-bản ngày 17-2-1950. Xin trích đoạn chót: « Ta ngồi trên sập thì hai chân lốt dưới vế, các sư lại tréo lên trên, một cái ngược. Ta mở mắt mà thấy không thực không đúng, các sư nhắm mắt mà thấy rõ thấy chân, hai cái ngược. Ta ăn ngày ba bữa, thịt cá ê-hề, chưa cho là đủ, các sư lê hoát một lần vẫn bảo là thừa, ba cái ngược. Ta mặc sô nhiều mà cho là thô, các sư bỏ vải vẫn cho là quá, bốn cái ngược. Sớm mai, bây giờ, ta chưa xuống khỏi giường, các sư, đồng hồ chưa điểm năm là đã thức giấc công-phu, năm cái ngược. Ta lấy nhà làm chỗ an vui, các sư lấy chỗ không nhà làm nơi tự tại, sáu cái ngược. Thân yêu của ta là cha mẹ, vợ con, rộng hơn là họ hàng nội-ngoại. Gia-đình của các sư là tất cả nhân-loại, là tất cả chúng-sinh. Thay vì khép chặt hay thu hẹp, như ta, cái vòng thương xót, các ngài lại mở nó ra đến mức độ vô-cùng vô tận, bảy cái ngược. Rõ-ràng những bậc xuất-gia chân-chính là những người ngược đời nhất, nhưng nhờ có ngược với đời các ngài mới thuận với đạo ».

Một đêm, ở Hà-Nội, trước khi chấm dứt khóa lễ Tịnh độ tối, bạn tôi, như thường-lệ chấp tay nhắm mắt, tụng nhỏ bài «*Nguyện sinh Tây-phương Tịnh-độ trung, Cửu-phàm liên-hoa vi phụ mẫu...*»

Tới đây, bạn tôi bỗng bật tiếng và đứng trầm-ngâm giây lâu mới tiếp đọc hai câu chót. Cái sung-sướng nhất đời của bạn tôi là cái sung-sướng rất khó tả hưởng được đêm ấy. Nên nhớ đã trên một năm rồi, không buổi tối nào mà bạn tôi không tụng bài ấy và ít khi khỏi thắc-mắc với câu « Cửu-phàm liên hoa vi phụ mẫu ». Chín từng sen báu làm cha mẹ là nghĩa gì? Lạ thay, đêm nói trên, chính vào lúc bạn tôi không đề ý, cái thắc-mắc kia lại được giải-quyết một cách dứt-khoát, lạ-làng và thâm-diệu vô-cùng. Câu Cửu-phàm... xướng gần hết, một ánh-sáng đột-nhiên bùng lên trong tâm-trí bạn tôi, và bạn tôi đã thấy... Thấy một đầm sen to lớn trong có những ngó sen còn đang nằm yên dưới đất cái, có những ngó khác đang nỗ lực xoi đất vệt bùn mà lên, lại có những ngó đã thành cộng, vượt khỏi đáy hồ và đang xông-pha trong các lớp nước đục nước trong, lại có những cộng khác đã phóng mình khỏi nước, cao thấp đủ hạng, cộng thì chưa, còn cộng đã kết nụ, trong khi đó đây nhiều nụ khác của những cộng khác, đã to, đã nở, tỏa ra trong không-khí một mùi thơm thanh-khiết vi diệu. Ngay đó, bạn tôi đã hiểu, cho nên đã dừng tụng và trầm-ngâm đề tận hưởng cái thâm-thúy vừa bắt gặp. Bảo cảnh đời là địa-ngục, đúng. Nhưng muốn nói là đầm sen cũng không sai. Mỗi người trong nhân-loại là sen, sen trong nhiều trạng-thái, trong nhiều hoàn-cảnh, trong nhiều giai-tầng. Nhưng ở chỗ căn-bản, ai cũng là ngó cả, mà hễ là ngó thì nhất-định phải thành cộng thành cây, phải vượt khỏi cảnh bùn nhơ của trần-thế, đề chường mình trong tự-do quang-đăng của giải-thoát và giác-ngộ. Chân trong bùn mà đầu thanh-khiết, hoa sen đúng là biểu-hiệu của những người xử-thế mà không nhiễm thế, mà ta quen xưng tụng là Thánh Hiền, là La-Hán, Bồ-Tát. Những con người ấy, ngoài là phạm mà trong là thánh, mà thánh phải do thanh-tịnh mà ra, thì quả các ngài là sản-phẩm của thanh-khiết, là con của hoa sen. Nguyện được chín phẩm hoa sen làm cha mẹ, phải chăng là nguyện được chết với nhiễm ô, sinh vào thanh-tịnh (naitre à la pureté)?

Theo sau cái kinh-nghiệm tâm-linh đêm vừa nhắc lại, còn nhiều kinh-nghiệm khác trong những giờ tụng niệm say-mê khiến bạn tôi nhận chân cái hay cái diệu của việc tụng kinh, gõ mõ, đánh

chuông. Không biết Tồ nào đã bày ra cái phương-tiện thần-diệu này ngoài tuồng như phi-lý, nhưng hiệu-lực bên trong không sao đo, lường được. Áp-dụng đúng pháp và đúng mức, sự trì-tụng kinh chú là một phương-thức liềm thân tâm, giữ mình sửa tánh có kết-quả chắc-chắn. Chẳng những thế, cái định bất giác trong lúc trì-tụng còn khai thông trí-huệ, khiến hành-giả lâu lâu mới bắt gặp được nhiều tia sáng trong nghĩa lý mới, đột-nhiên mà tới, của những câu kinh bài kệ quá quen nên trước kia đã bị xem thường. Bạn tôi đã hiểu, tại sao phải trì-tụng công-phu, nghĩa là phải ngày đêm đọc đi đọc lại chỉ một bộ kinh mà thôi. Muốn xoi đá, nước cần nhỏ từ giọt tháng này năm nọ; muốn đóng một cây đinh ăn sâu vào vách người cầm búa phải đánh nhiều nhất.

Êm đêm, nhẹ-nhàng, bạn tôi cứ theo chiều ấy mà lúc thì nhập nội đề quan-sát những động-tĩnh và thâm giải Phật-ngôn, khi lại hướng ngoại, dùng ngọn đuốc kết bằng những tia sáng lẽ-tẻ đã bắt gặp mà soi xét mọi hóc hiềm của thế tình, thế sự. Nhờ sống luôn với Đạo trong đi đứng nằm ngồi, bạn tôi đã nhận ra cái chí lý của câu: « Đạo giả, bất khả tu du ly Đạo dã ». Mang cái Đạo canh cánh bên mình, thay cho gánh thế sự trước kia, bạn tôi có lúc như người chẳng ngông thì cũng cuồng. Gặp lúc phải nói, đáng nói, là thao-thao bất-tuyệt, nói cả ngày cả đêm không biết đói, biết mệt, như thác đổ, như suối reo, nhưng khi gặp người gặp cảnh không hợp với hoài-bào của mình, thì bạn tôi là ông phỗng đá. Từ đây, có thể nói đời sống hằng ngày của bạn tôi thay đổi nhiều. Mỗi sự, mỗi vật, dầu hay dầu dở, dầu thuận dầu nghịch, bạn tôi không để chúng trôi qua mà không xét nét, bạn tôi đem ánh-sáng Đạo vào cả nhà đá tối-tăm của đời, và đây là những khám-phá kỳ-thú của bạn tôi suốt mười lăm năm. Tôi xin kể lại một ít, không theo thứ tự tháng ngày.

Trước nhà bạn tôi, có một khoảnh đất trống, bạn tôi trồng vài thứ hoa. Tự thân chăm nom vun tưới, bạn tôi một hôm nhận thấy ở thân cây hoa hồng vài mục mỗi ngày mỗi thêm to, thêm dài, dễ rồi bị một tọt non xé tét đầu vượt ra. Ngồi ngắm, bạn tôi tự hỏi: sức mạnh nào đã banh da xé thịt cội hồng để cho tọt nọ đâm ra? Huyền-diệu và vạn-năng thay sức mạnh của sự sống ẩn núp

trong cây. Đi sâu vào nội-giới của cây hồng, bạn tôi thấy bằng đôi mắt trí, mạch nhựa đang lưu-thông trong gốc trong cành, trong lá nhỏ lá to, khắp cùng, bắt từ dưới phún lên như bị thúc đẩy bởi một chiếc « bơm » vô hình mạnh-liệt. Bạn tôi tỉnh-ngộ: À! Ngoài thì sai khác, có cội, có cành, có lá, có hoa, mà trong chỉ có một giòng nhựa sống mà thôi. Và bạn tôi đã hiểu thêm câu: « Nhất bản vạn thù ». Một là Tất-Cả, Tất-Cả là Một. Có như thế, bạn tôi nghĩ, mới hiểu được tại sao đức Phật dạy phải thương tất cả, kể cả người thù. Đến đây, bổ-thí, đối với bạn tôi, không còn là một công đức hay một phương-tiện diệt tham nữa, mà là một bản-phận của mỗi người đối với tất cả chúng sinh chung giòng máu « Chân-như, Thề-tánh » với mình.

Một hôm, bạn tôi lái xe trên đường Trần Hưng-Đạo, bên phải và trước mặt có một chiếc xích lô đạp, cùng chạy một chiều. Khi đôi bên còn cách nhau độ 5 thước, bác phu xích-lô bung tay ra hiệu rồi rẽ sang phía trái ngay đầu xe hơi. Bạn tôi đạp hăm « phup » một cái, bạt qua tay mặt và bọc hậu chiếc xe xích-lô. Hứ hờn! Chỉ một chút lơ-đang hay không tỉnh trí là chết! Máu nóng đã xông lên mặt, mồm đã chực thét, nhưng ngó sang bên kia là, bạn tôi thấy một bà đang đứng chờ chiếc xích-lô. Bạn tôi hiểu ngay: bác phu xe không thấy cái chết mà chỉ thấy cái lợi một « cuốc xe » không mau chân là bị người khác tranh mất. Và Nguyên-nhân sợ thất lợi ở đây là cảnh nghèo túng... Bạn tôi hết giận ngay và thâm thương, thương cho bác phu xe ít, thương cho những ai không thiếu, không nghèo, mà cũng cầm cò chạy theo những cái lợi nhỏ, lợi to, bất kể chết.

Trên máy bay, giữa bữa cơm, tay cầm nĩa, tay cầm dao, bạn tôi chợt tự hỏi thăm: có 2 tay mà một bên nắm lợi, một bên cầm danh, thì còn tay nào mà lãnh đạo-đức? Lại thêm một nhận-xét giúp bạn tôi hiểu sâu hơn chữ « xả » của nhà Phật. Muốn lên cao mà thân tâm nặng trĩu thế tình, thế sự thì làm sao được? Phải xả, phải bỏ bớt, phải « délester » như người Pháp nói. Đến lúc ăn tráng miệng, tay bốc một trái chuối chín muồi, ruột no vỏ mỏng, bạn tôi lại học thêm một bài đạo-lý. Phải mỏng vỏ mới có ruột dày. Cái vỏ xác thịt của con người lúc nào còn dày nhờ ăn ngon ngủ kỹ, thì

đừng trông bên trong có một cái ruột tinh-thần to lớn. Và hình bóng của các Tồ thân gầy mắt sáng hiện ra trong tâm trí bạn tôi.

Hai đứa cháu gái chơi « búp-bê ». Con chị ôm mãi vật chơi vào lòng, ai động đến cũng không cho, thử giựt, nó khóc la như bị banh da xẻ thịt. Con em khác: chơi một lát chán, nó đặt con búp-bê lên mặt một chiếc bàn con rồi đứng dang ra xa ngắm. Bỗng nó vỗ tay la: « Á! Em cũng có đồ đồ như má! », nó vừa nói vừa chỉ ở má, ở môi nó. — Hay quá! Việc đời có chán mới buông tha; có buông tha và đứng xa mà nhìn, mới biết cái mặt đời có đồ đồ, đen đen ở chỗ nào. Ôm sát nó vào mình thì nó với mình là một, thấy gì đâu! Thảo nào, những người quyết tâm tu hành đều xa lánh đời một thời-gian để nhìn cho rõ và sửa cái thấy của mình? Sửa như thế, phải chăng là một phần của cái mà Phật-giáo gọi là Chánh kiến?

Lại một bài đạo-lý khác học với đám trẻ con chơi trò che chòi bán bánh. Chúng chia nhau kẻ mua người bán, mặc cả khoe hàng nhõn-nhíp như cánh chợ thật của người lớn. Ai cũng bảo trẻ con giàu tưởng-tượng, mà nói như thế là cho mình, người lớn, thực-tế hơn. Nhưng thử xét: chúng ta làm gì đây ở buổi chợ đời, chúng ta mua danh bán lợi, tranh giành xâu xé hơn gấp trăm lần những đứa trẻ kia, để rồi, cũng như chúng, chúng ta chỉ là những trẻ con — trẻ con lớn đầu to vóc — đang chơi cái trò lập quán bán hàng mà không hay, nhưng chúng ta sẽ thấy khi chúng ta trở nên « người lớn », bậc « đại nhân » thấy nói trong kinh, là hàng Bồ-tát sáng-suốt.

Tại một quán nhỏ cạnh đường, ba bốn bác Lưu-Linh đang ngồi quanh một tiệc rượu. « Mời bác xơi! Mời bác xơi! » họ cứ mời nhau như thế, không bác nào chịu xơi trước bác nào. Sao họ tốt bụng với nhau như thế? Và tại sao, trong tiệc đời danh lợi tài sắc đầy bàn, ít người làm được như các bác kia mà lại cứ xơi trước và còn muốn giữ phần to cho mình? « Mời bác xơi » là quên mình, là diệt ngã. « Mời bác xơi » còn là nghĩ đến người, là vị tha.

Ai cũng tưởng có lo nghĩ nhiều mới ra việc, và nghĩ ra việc, đúng là người sáng-suốt, thông-minh. Bạn tôi không đồng-ý và nói: tham mà nghĩ ra việc, cái tham càng dày và có thể trở nên bất nhân; giận mà nghĩ ra việc, thì oán hận chất chồng mà oan gia càng cố kết; si mê mà nghĩ ra việc, cái say càng thêm men. Lòng động mãnh-liệt chỉ để ra có một cái mà thôi, cái... tối om. Đây là một bài học khác nhân một vấn đề tương. Trong ba người, hai người đánh và người xem, chỉ có anh thứ ba là sáng nước, vì anh vô sự, không mong ăn mà cũng không sợ thua.

Một hôm bạn tôi bệnh, anh em đồng hội đến thăm và đề nghị thiết-lễ cầu-an tại chùa. Bạn tôi cảm ơn nhưng từ-chối, nghĩ mình không tự cầu-siêu, cầu an cho mình, thì không ai cầu cho mình được. Bạn tôi đã nhớ đến câu chuyện đức Khổng bịnh. Đáp lời các học-trò xin phép làm lễ cầu an cho Ngài, đức Khổng nói: « Không cần, ta đã kỳ đảo cho ta lâu rồi ». Thật vậy, Ngài đã lâu sống trong nếp khắc-kỷ, phục lễ, chánh tâm, tu thân là cái thuật cầu an cao cả nhất, hiệu-quả nhất, thì nay còn cầu gì nữa và cầu với ai chứ? Người Phật-tử cũng thế, nếu thường nhật không hành chánh đạo đề tâm bình thân an, thì còn cách cầu an nào hay hơn mà mong? Đến như cầu siêu, thì cũng thế. Trọn một đời, hành-lý, lương-thực không lo cụ bị, đến lúc chết, thân-nhân rước thầy cầu cho mình về Tây-phương. Thí như lời cầu kia được ơn trên chứng giám, thì đường xa diệu viễn, lấy gì chu toàn cho cuộc hành trình đây? Vì vậy mà mỗi người, theo ý bạn tôi, phải tự cầu siêu cho mình, ngay đây, lúc còn sống còn mạnh, bằng cách tích-trữ cho thật nhiều những đồng tiền phúc đức, những bị gạo niệm Phật « nhất tâm ». Kinh A-Di-Đà há không dạy: « Bất khả dĩ thiêu thiện căn phúc đức nhân duyên đắc sinh Tịnh-độ »?



Đạo ở đâu? Đạo rất gần ta, Đạo ở trong ta. Phật-Pháp bất ly thế-gian pháp, Phật-Pháp nằm trong mọi sự mọi vật của thế-gian này. Nhờ học ở kinh sách thì ít mà học ở việc mình, việc người, việc đời nhiều hơn, cho nên bạn tôi cảm nhận sâu sắc những lời

dạy trên của đức Khổng và đức Phật. Lấy Lý chiếu Sự, dùng sự chứng Lý, bạn tôi lắm khi tự thương mà sa nước mắt, có lúc lại cảm thâm ân của Phật mà giọt vắn giọt dài. Đạo-lý nằm ngay trong mình, trong mọi sự mọi vật quanh mình, có sao mình tối mắt không thấy? Thương mình ở chỗ đó. Nhưng giá Phật không ra đời chữa bệnh mù quáng cho mình, phỏng mình có thấy được chăng? Cảm ân Phật ở chỗ này.

Vì tự thương cho nên bạn tôi không nhớ « tự bạo, tự khí » như xưa. Vì mang trọng ân giác-ngộ, nên không giờ phút nào bạn tôi dám lãng quên phận-sự báo ân đức Phật bằng cách đem hết sức lực của ngày tàn mình ra phụng-sự và xương minh Chánh Pháp.

Người bạn chí thân của tôi ấy, chắc quý vị đã nhận ra là ai rồi. Do đây, Đạo Phật của bạn tôi cũng là Đạo Phật của tôi, chúng tôi hai mà một.

Trình bày cái Đạo Phật của chúng tôi, tôi không có ý nào khác hơn là minh chứng rằng Đạo Phật rất là thực-tiện và nếu áp-dụng công-phu, đứng-đắn kết quả có ngay ở đây, không đợi lên Thiên đường hay về Cực-lạc, Niết-bàn. Huống chi, tất cả đã là Một rồi, như Đại-Thừa chủ-trương và cả quyết, thì địa-ngục ở đây mà Thiên đường cũng ở đây. Xử Đạo là Thiên đường, không biết xử Đạo là địa-ngục.

« Kiếp này nếu chẳng độ thân,
Thân này muốn độ, chờ luân kiếp nào? »

Chánh-trí MAI-THỌ-TRUYỀN



CƯỜNG ĐÀM

CÁI LƯỚI ĐIỆN TỬ

● bài của NHỨT CƯỜNG

VAI LỜI NÓI ĐẦU : Đồng-Nai Văn-Tập tập 6 bắt đầu đăng loạt bài « Cường đàm » của Nhứt cường. Trong bài thứ nhứt đó, Bộ Biên-Tập không nói gì hết, đề Quý Vị Độc-giả thường-thức thử một cách tự-nhiên món ăn tinh-thần đó do Nhứt cường dọn ra.

Bây giờ chắc Quý Bạn Đọc muốn biết món đó là gì? Thì đây xin giới-thiệu :

— Trước hết hãy nói rõ : « Mặc dầu mang tên « cường », mà lại rêu-rao là cường « số dách », thiệt ra con người của Nhứt cường không cường một chút nào hết, có cường chăng là các nhơn-vật thời-đại được Nhứt cường thỉnh vào những bài Cường đàm mà thôi. Có lẽ Nhứt cường là người « sáng-suốt cái thể », phải nói với cái giọng nửa nôm nửa nho như vậy mới hình-dung được Nhứt cường cho Quý Bạn Đọc thấy.

— Đã là sáng-suốt cái thể như nói ở trên, Nhứt cường nhìn ra những cái cường của những con người đầy cường vọng trong trạng-huống hỗn-loạn đã kéo dài ở cái nước « vô phước » của chúng ta từ năm 1945, tính ra có trên hai mươi năm ; Có lẽ câu nói « cứu-cánh biện-minh cho phương-tiện » không có thời nào được thể-nhơn ứng-dụng nhiều hơn bây giờ... Phương-tiện nào cũng tốt, miễn là đạt được nguyên-vọng, không phải của quốc-gia dân-tộc mà là của cá-nhơn mình hoặc đoàn-thể mình, nhưng luôn luôn đặt dưới chiêu-bài quyền-lợi quốc-gia dân-tộc ; bởi vậy, người sáng-suốt nhứt đời như Nhứt cường cũng dám ra phát cường.

— Mặc dầu đã phát cuồng, Nhứt cuồng không nhiễm một chút cuồng vọng của thế-nhơn, nên Nhứt cuồng không động đến tên tuổi riêng của bất-kỳ cá-nhơn nào ; Nhứt cuồng chỉ đem bộ mặt « ngộ-ngộ » của những cuồng vọng trong một cá-nhơn hoặc trong một nhóm cá-nhơn... để chuốc cho Quý Bạn Đọc của Đông-Nai Văn-Tập vài phút vui hiếm-có giữa thời-đại lo-âu này... và cũng để bồi-ích cho chính những cá-nhơn được mục Cường đàm chiếu-cổ đến, bởi vì nhờ vậy thình-thoảng họ có những phút bừng tỉnh và suy-nghĩ lại...

— Vì lòng tốt của Nhứt cuồng phân-minh như vậy, nên không dễ gì được Nhứt cuồng thình vào mục Cường đàm đề « lưu phương bách thế » ; muốn được vào mục bất-tử đó, phải được cặp mắt xanh của Nhứt cuồng nhìn tới.

— Vậy xin Liệt Vị cùng cảm ơn Nhứt cuồng và đọc bài « Cái Lưỡi Điện-Tử » dưới đây, tin chắc được sự hài lòng.

BỘ BIẾN-TẬP



CÁI LƯỠI ĐIỆN-TỬ

Khoa-học Âu-Mỹ phát-minh được « con mắt điện-tử », nhưng chưa có cái « lưỡi điện-tử ». Vậy mà nước Việt mình có, cái mới số dách chớ.

Con mắt điện-tử, tiếng Pháp gọi là « ơ-ê-lét-tờ-rô-nít-cờ ». Một trong nhiều tác-dụng : Gắn nó vào tường ga-ra, hễ xe hơi vô, có hình trong con mắt là cửa ga-ra mở tự-nhiên và khi xe vô rồi cửa khép lại, không cần người ta mở đóng chỉ cả.

Đó là vật vô-tri-giác điều-khiển vật vô-tri-giác. Coi thì hay mà không mấy hay đâu, nghe bõ. Cái lưỡi điện-tử (lăng-gờ ê-lét-tờ-rô-nít-cờ) hay hơn nhiều, vì cái lưỡi có tri-giác điều-khiển vừa vật tri-giác, vừa vật vô-tri-giác. Lại thêm cái vật vô-tri-giác mà lưỡi điều-khiển đó, nó lại điều-khiển được một vật vô-tri-giác khác, mới là lạ cho chớ.

Thằng Nhị cuồng nghe cắt-nghĩa nôi dóa, bảo : « Ê, đơn phân-tách cho rành-mạch chớ nói bao-đồng như vậy sao được »

Thì đây nói toạt móng heo cho rồi : « Những vị tu-sĩ, được hàng vạn tin-đồ ủng-hộ, đều đã luyện được cái lưỡi điện-tử.

Lưỡi điện-tử uốn xuống là a-lê húp, thiên-hạ rần-rần xuống đường. Cái lưỡi đưa lên là thiên-hạ đứng im, ngóng lên, lóng nghe thuyết-pháp. Cái lưỡi đưa qua lại là người ta hợp mít-tinh phản-đối. Lưỡi đưa qua mặt thì hoan-hô, còn đưa qua trái thì đá-đào.

Có phải tri-giác điều-khiển tri-giác không. Nói theo đạo-giáo thì rõ là tự-giác nhi giác tha.

Rồi đây : Tri-giác điều-khiển vô-tri-giác nè. Lưỡi điện-tử bảo « bàn thờ xuống đường » thì a-lê húp, bàn thờ rột-rạt xuống đường, can hông nôi, nằm cái bên « lây », cái bên « kê », xe chạy không được.

Xe là vật vô-tri-giác. Vậy há không phải nó bị cái bàn thờ là một vật vô-tri-giác khác điều-khiển sao ?

Nói khôn cùng : Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Nói đến bàn thờ xuống đường, diên này bỗng nhớ đến « mộc ngư lưu mã » của ông Khổng Minh chế ra, đi được chạy được, dùng chuyên chở lương thảo từ Kim-các về Kỳ-sơn. Cái bí-mật của mộc ngư lưu mã là cái lưỡi : rút đi thì mộc ngư lưu mã hết chạy được, gắn lại thì vận-động như cũ. Lưỡi điện-tử đó đa.

Muốn cho bàn thờ nghỉ xuống đường, diên này hiến kế : Quý Ngài hãy vái van cầu khẩn cái lưỡi điện-tử, chỉ có cách đó mà thôi, chớ đừng chia sủng ba-tay-dơ cạch cái bàn thờ vô-ích, vì nó vô-tri-giác, không biết đau.

NHỨT CUỒNG

13-6-1966

VỊNH NGUYỄN ĐÌNH-CHIÊU

NGUYỄN VĂN Y sao lục

Bài thứ nhất :

Nặng vì chủng-tộc nặng giang-sơn,
Khởi lửa xâm-lãng dạ chẳng sờn.
Hiếu-nghĩa lệ tràn đôi mắt hạc,
Trung-thành chí giữ một lòng đơn.
Y-nho sử-dụng tùy thời loạn,
Thi-phú đề ngâm tỏ nỗi hờn.
Tài-đức thông-minh gồm vẹn cả,
Một mù mờ sáng chắc chưa hơn.

LÊ NĂNG-Y



Bài thứ nhì :

Danh tiếng lưu-truyền đã mấy thu,
Tiếc thay đôi mắt chịu đui mù.
Trời xanh nở lấp trang hào-kiệt,
Đất trắng đành chôn đấng trượng-phu.
Cách-mạng dám nêu cùng kẻ nghịch,
Văn-chương miệt thị bọn quân thù.
Việt-nam ta được bao anh-dũng,
Danh tiếng lưu-truyền đã mấy thu.



Đã mấy thu dư tiếng tợ cồn,
Đất trời bao nở lấp vùi chôn.
Sử kinh bia tạc thiên niên cổ,
Sách vở duy lưu vạn đại tồn.
Hán-học đôi theo gương thánh-đức,
Cống-đồ nổi nghiệp bậc nho-tôn.
Người không hiểu thấu càng khi thị,
Hiền-triết kính thờ Khổng Mạnh môn.

VÕ TRỌNG-VIỄN



Bài thứ ba :

Sống thời khởi lửa khắp non sông,
Chia xẻ cùng dân cảnh khổn cùng.
Tức-lộc không lay lòng chí-sĩ,
Nho-y nguyên giữ nếp gia-phong.
Bao thẳng quỷ trắng, bao quân cướp,
Một tấm gan vàng, một bút lông.
Ai bảo ông đui ? Ai mới sáng,
Sáng mà như thế sáng bằng không.

(Trích báo Bình-Dân)



Bài thứ tư :

Gặp buổi nước nhà lúc loạn-ly,
Khen ông Đờ Chiêu chẳng ai bì.
Hết ngay cùng nước thanh bia tạc,
Trợn thảo vì nhà sử chép ghi.
Mấy lượt thỉnh-cầu lòng chẳng đoái,
Lầm phen khuyến-dụ dạ đâu vì.
Nho-phong bền giữ gan anh kiệt,
Đề lại cho đời mấy quyền thi.



Bài thứ năm : AN NGUYỆT-NGA

Sanh nhà danh-giá làm thối trắng hoa,
Lúc ruồi-dong bị gã Phong-Lai,
Cơn nguy-biến gặp chàng Lục-thị,
Ơn giải-cứu đã đành là ơn nặng,
Lẽ đền bồi gẫm lại ấy lẽ thường,
Việc ngẫu-nhiên đang lúc giữa đường,
Một lời tạ anh-hùng cũng đủ.
Cớ đâu duyên cắc-cớ trong khi bán lộ,
Mấy khúc tình gái thực-nữ khéo khai trêu.
Ân-tình lẫn-lộn nhơn-nghĩa xà-ngầu,
Đã trao trâm chàng lại lắc đầu, sao không biết hồ.
Còn đề vịnh nàng thêm gắn bó, lại lấy làm khôn
Thả giọng bướm ong, bỏ quyền cha mẹ,
Hạnh cầm đáng mấy, hiểu giá là bao.
Hưởng chi cha đòi đến Hà-kê mà định bề gia-thất
Lại dám đang nơi lộ thượng mà hứa nghĩa loan

Có biết đâu Vân-Tiên có vợ hay là chưa vợ
Mà dám học đòi hoa nguyệt
Ai chồng mà gọi rằng chồng ?
Vẽ tượng thề trắng, trắng nào có chứng,
Hẹn biển thề trời, trời há dễ thương.
Lại mắc tội Phiên địa cống Hồ,
Đầu giang đề tiếng vua trên bội ước.
Làm cho cha Tây-xuyên lưu thú,
Oan-uổng mang điều tội dưới bắt-trung
Nhớ đến lúc Thúy-Kiều bán mình chuộc cha
thương đã chẳng xiết,
Nghĩ lại đoạn Nguyệt-Nga vì tình bỏ hiếu chề
lại không cùng.

Kiều thương ngàn cân chưa đáng,
Nga phạt trăm roi mới vừa.

Nhưng mà : Cũng có khi giúp Lục ông, khi gạt
Bùi lão,

Khi nổi trôi nơi đất khách,
Sóng đời gió dập tượng còn mang.
Khi nường-náu chốn Ô-sào,
Đêm đợi ngày mong tình chẳng phụ.
Tình là tình vô-lý, nghĩa là nghĩa cao-sâu
Xét cho hết đuôi đầu,
Cũng đáng cho làm chánh-hậu.
(TRƯƠNG-DI CHÁNH-ĐẠO)

HÃY ĐỌC

nhật báo MIỀN TÂY

Chủ-nhiệm : An Khê. Chủ-bút : Hồng-Sơn

Tổng-thơ-ký tòa-soạn : Ty Ca

Tin-tức mau, đúng, đủ. Tiểu-thuyết hay.

Xã-luận sắc bén.

Xin nồng-nhiệt giới-thiệu cùng độc-giả

TỜ ĐUỐC TỪ-BI hiện phát-hành đến 20.000
(hai chục ngàn) số mỗi
tháng và đang tăng lên hơn. Ra cả ngoại quốc.

Cuốn

« TÌM HIỂU LUẬT LAO ĐỘNG »

và tác-giả Tuần-Lý HUỖNH-KHẮC-DỤNG

Chúng tôi vừa nhận được cuốn « TÌM HIỂU LUẬT LAO ĐỘNG » của Ông Huỳnh-Khắc-Dụng, bút hiệu Tuần-Lý.

Sách soạn-thảo công-phu, lối viết giản-dị, ai cũng hiểu được. Tất cả mọi vấn-đề lao-động được giải-thích một cách tường tận. Sách dày trên 300 trang, in đẹp, giấy tốt, giá bán 140\$00 mỗi cuốn.

Có thể nói đây là một công-trình nghiên-cứu đầy-đủ nhất, lần đầu tiên giúp cho đồng-bào các giới hiểu rõ về Luật Lao-Động. Chúng tôi đặc-biệt nhấn mạnh đây là một cuốn sách quý cho đồng-bào các giới. Đã hay rằng luật-lệ Lao-Động chỉ chi-phối liên-hệ chủ và công-nhơn. Nhưng xác-định được khi nào một khế-ước là khế-ước lao-động, nhiều khi không phải là chuyện dễ-dàng.

Ngoài cái giá-trị toàn bộ, cuốn sách của Huỳnh tiên-sinh còn có một giá-trị đặc-biệt nằm trong mục « Phân biệt khế-ước lao-động và các khế-ước khác » (từ trang 76 đến 147). Bạn là công-nhân tại gia, kịch-sĩ, nghệ-sĩ, nài đua ngựa, cầu-thủ, ký-giả, y-sĩ, dược-sĩ, võ-sĩ, tài-xế tắc-xi, quản-lý xí-nghiệp, đại-lý bảo-hiêm, thợ uốn tóc, thợ sửa sắc đẹp v.v... bạn hoạt-động dưới nhiều hình-thức, bạn có biết trong trường-hợp nào bạn sẽ bị luật-lệ Lao-động chi-phối không? Nếu bạn không trả lời ngay được tức là bạn đã nhận thấy sự nhấn mạnh của chúng tôi không phải là quá đáng.

Lại nữa, có đọc cuốn « Tìm Hiểu Luật Lao-Động » của Huỳnh-Quân, bạn mới thấy rằng nhiều người đã có quan-niệm sai lầm rằng máy « nhà luật » bị ảnh-hưởng nghề-nghiệp nên câu văn cứng nhắc, ý-tứ khô-khan. Quan-điểm ấy ngày nay không

mấy đúng vì có nhiều luật-gia đã thoát ra ngoài định-lệ đó mà Ông Huỳnh-Khắc-Dụng là một.

Thực vậy, tuy là một vị thẩm-phán lão-thành các tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm (Huỳnh Tiên-sinh gia-nhập ngành Tư-Pháp từ 20 năm nay, từng làm Dự-Thẩm, Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Saigon và từ 1961 đến nay, tiên-sinh đảm-nhiệm chức-vụ Chánh-Án dự-khuyết Tòa Sơ-Thẩm Saigon kiêm Chánh-Án Tòa Lao-Động Saigon), Ông Huỳnh-Khắc-Dụng còn là một nhà học-giả kiêm văn-sĩ và thi-sĩ mà đồng-bào trong nước đều biết tiếng dưới bút hiệu « Tuần-Lý », qua các bài đăng-tải trên các nhật báo và đặc-san như « Tinh-Thần », « Sông Hương », « Phồ-Thông », « Tiếng Chuông », « Văn-Hóa », và hiện nay trong « Pháp-Luật Bán Nguyệt San » này.

Tác-giả cuốn « Tìm Hiểu Luật Lao-Động » đã từng sáng-tác gần 10 tác-phẩm, Việt có, Pháp có, nổi tiếng nhất là các cuốn sau đây :

— Les plaintes d'une Odalisque (Cung-Oán Ngâm-Khúc dịch ra Pháp-văn — Vinh-Bảo Saigon xuất-bản 1951, Bộ Q.G.G.D. tái-bản 1960).

— Femme de Guerrier (Chinh-Phụ Ngâm dịch ra Pháp-văn — Société des Etudes Indochinoises xuất-bản 1955, Bộ Q.G.G.D. tái-bản 1960).

— Sử-Liệu Việt-Nam (Bộ Q.G.G.D. xuất-bản 1960) v.v...

Tác-giả cũng sẽ xuất-bản nhiều tác-phẩm khác như :

L'Art au Vietnam, Le Théâtre au Vietnam, L'Humour au Vietnam, Mục-Lục Hình-Sự, Án-Lệ Lao-Động, v.v...

Ngoài ra theo chỗ chúng tôi biết, Ông Huỳnh-Khắc-Dụng lại còn là một thi-sĩ nổi tiếng trên quốc-tế. Ngoài thơ Việt, Tiên-sinh cũng làm cả thơ Pháp. Sau Đại-Hội-Nghị Thi-Thơ Quốc-Tế tại Ba-Lê (1er Congrès International de Poésie de Paris) năm 1952, Ông được vinh-dự ghi tên trên danh-sách các thi-bá thời danh trong cuốn « Liste Salon de Poésie » (số 70, từ 24-6 đến 7-7-1952) xuất-bản tại Pháp. Hiện nay Ông là Phó Chủ-Tịch « Hội Nhà Văn » Việt-Nam.

Bấy nhiêu đủ đảm-bảo cho cuốn « Tìm Hiểu Luật Lao-Động » mà tác-giả vừa cho xuất-bản. Chúng tôi nhiệt-liệt giới-thiệu cuốn sách quý này, rất bổ-ích cho công, thương, kỹ-nghệ gia và công-nhơn cần có luôn bên tay để tránh khỏi vấp-vấp hay bỡ-ngỡ khi xảy ra tranh-chấp chủ và thợ. Và xin chân-thành cảm-tạ tác-giả.

P. L. B. N. S.

(Trích trong « PHÁP-LUẬT BẢN NGUYỆT-SAN » số 7, ngày 15-12-1962)

Sau những lời giới-thiệu nồng-nhiệt trên đây, thiết nghĩ viết thêm về thi-sĩ Tuần-Lý là thừa.

Hai năm sau khi quyền « TÌM HIỂU LUẬT LAO-ĐỘNG » ra mắt độc-giả và được rất hoan-nghinh, Huỳnh-quân lại được Kim-Lai Ấn-quán, một ấn-quán lừng danh về kỹ-thuật ấn-loát tại thủ-đô, xuất-bản quyền « AN-LỆ LAO-ĐỘNG », dày trên 700 trang, bìa màu mỹ-thuật. Đây là một quyển sách soạn rất công-phu, tập-trung nhiều án-lệ lao-động, sắp như tự-điền, theo thứ-tự ABC, lại có lời chú-giải rành-rẽ, chẳng những của soạn-giả, mà còn của nhiều nhà phê-bình luật-học lỗi-lạc của Pháp-quốc.

« TÌM HIỂU LUẬT LAO-ĐỘNG » và « AN-LỆ LAO-ĐỘNG » là hai quyển sách quý, rất cần cho chủ xí-nghiệp, thuộc-viên thợ-thuyền, luật-gia, thẩm-phán.

Thật vậy, muốn tranh-chấp có hiệu-quả, muốn binh-vực lợi-quyền của thân-chủ mình, muốn xử đoán cho công-minh, không thể bỏ qua hai quyển sách luật này. Điều đáng chú-ý, là cách viết lưu-loát, không cầu-kỳ lập-dị, không khô-khan, người đọc không chán vì dễ hiểu.

Chúng tôi ân-cần giới-thiệu cùng quý bạn đọc của ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP vậy.

Giá bán : TÌM HIỂU LUẬT LAO-ĐỘNG. . . . 140\$

AN-LỆ LAO-ĐỘNG. 250\$

Nơi bán : 3, đường Nguyễn Siêu, Saigon

291, đại lộ Cách-Mạng, Phú-nhuận

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

ĐỀ GÓP VÀO BỘ VĂN-HỌC ĐỒNG-NAI :

MỘT ĐOẠN DĨ-VĂNG KỊCH - NGHỆ MIỀN NAM TỪ HÁT-BỘI đến Thoại-Kịch

(Tiếp theo).

của Thuận-Phong NGÕ-VĂN-PHÁT

III. — Sở đoản, sở trường của hai sân-khấu

CHƯƠNG-TRÌNH HỒI THỨ NHỨT

(Ca tứ đại oán và bình bán)

LỚP THỨ NHÌ. — Gả con rồi vợ chồng Lý-Nương không nói đến chuyện lo cho rẻ làm quan. Thái-Hòa viết thơ nhắc nhiều phen cũng không thấy trả lời, túng thế phải đi làm việc mướn cho người ta mà chờ vận. Thấy cực khổ mà không bao nhiêu tiền, Thái-Hòa buồn lòng mới tính đi xuống Kinh-thành học thêm dạng thi lấy chức cao, phòng dễ bề làm quan.

(Ca hai bài hành-vân và 1 bài Lưu-thúy khúc)

LỚP THỨ BA. — Tuy phiền cha mẹ vợ, chờ Thái-Hòa cũng dễ-huê với vợ trở về mà tỏ công chuyện cho nhạc đường nghe và đôi lời bá biệt. Thấy chuyện khó cản được, vợ chồng Lý-Nương bắt đắc-đĩ phải tính xuôi theo, mới đưa cho Thái-Hòa chút phí lộ gọi là, họa may ngày sau rẻ có nên danh thì ơn ấy không mất.

(Ca cổ bản và hành-vân)

HỒI THỨ NHÌ

LỚP THỨ NHỨT.— Đương học xa rũi việc nhà sanh biến : cha mẫn-phần, đề thiếu đủ lại cũng nhiều ; chủ nợ không nghe ; Thái-Hòa phải bỏ học trở về, xuống lay lục năn-nỉ với cha mẹ vợ xin thương gỡ rối. Thấy người chặt lòng, không khứng giúp đỡ, Thái-Hòa mới trở ra kinh-thành, quyết răn học đặng thi cho đậu hầu để bề lo việc nhà.

(Ca tứ đại oán và tứ đại cảnh)

LỚP THỨ NHÌ.— Bên vợ thấy bị suy-vi, nên không ngó tưởng đến, chẳng giúp tiền bạc ăn học, cũng không thơ từ thăm viếng Thái-Hòa. Rũi thay thời vận còn diên-đảo nên khiến Thái-Hòa thi rớt. Đến chừng về, xuống thăm song nhạc thì bị Ngọc-Thơ nhiều tiếng nặng nề. Thái-Hòa giận bỏ đi ; Ngọc-thơ kéo lại, buộc làm tờ tự-thuận đặng lấy chồng khác.

(Ca hành-vân)

LỚP THỨ BA.— Thái-Hòa bán nhà cửa và đồ-đạc mà trả nợ cho cha xong rồi, mới đi kiếm cha mẹ và mấy em tá-túc. Yên được một phía, chớ Thái-Hòa còn nhớ chuyện của mình, nên không ngọt buồn rầu, mới bỏ đi linh-dinh mà khuây-lãng. Vào quán, gặp Đoàn-Thế-Trung là bằng-hữu ngày xưa, mới tỏ hết sự nhà. Thế-Trung khuyên lơn hơn thiệt và giúp tiền bạc cho Thái-Hòa đi học nữa.

(Ca kiem tiền và tứ đại-oán)

HỒI THỨ BA

LỚP THỨ NHỨT.— Ngọc-Thơ có chồng khác tên là cậu Hai Vận. Cậu Hai, nguyên là tay phú hộ, song tánh lưỡng chơi bời : chẳng những theo cờ-bạc điểm đàng hoài, lại còn uống rượu say-sưa về hàn-hủi vợ. Đêm kia thua

hết tiền bạc, bèn tính về lấy vòng vàng của Ngọc-Thơ đặng đi cầm bán. Ngọc-Thơ rầy-rà lớn tiếng, cậu Hai nổi giận mới đánh đập tung-bùrng. Minh không, Ngọc-Thơ chẳng dám về với cha mẹ, bèn đánh liều xuống kinh-thành mà tìm chồng cũ.

(Ca hành vân)

LỚP THỨ NHÌ.— Gặp thẳng Quýt hỏi thăm thi hay chồng cũ mới thi đậu, đương chờ ngày bái tổ vinh-qui. Ngọc-Thơ dùng dằng không muốn bước tới, song lỡ rồi, nên đánh liều than-thở với Thái-Hòa, thuật hết các chuyện mình lao-khổ. Thái-Hòa thấy vậy cũng động lòng, song nghĩ « nước đổ rồi khó hốt lại » mới khuyên Ngọc-Thơ trở về với cha mẹ. Cần-kiệm còn được một ít bạc tiền, Thái-Hòa mới đưa cho Ngọc-Thơ sắm đồ-đạc và làm lộ-phi trở về. Ngọc-Thơ xét lại thấy tình-cảnh như vậy thì ăn-năn, song đã muộn ; nghĩ tức tối thẹn thua, mới gieo mình xuống giếng.

(Ca tứ đại oán)

Bồn tuồng gồm ba hồi, phân ra làm tám màn, đặt ra vấn-đề tham phú phụ bần mà chủ-động là một cô gái nhà giàu và nạn-nhơn là một hàn-sĩ. Vấn-đề quả là một vấn-đề của muôn thuở và có thể là của mọi nhà. Thật cũng là gây cần và hấp-dẫn. Nếu đặt đúng tiêu-chuẩn sân-khấu, tuồng này cũng có thể xuất sắc như tuồng hát bội « Kim-Thạch Kỳ-Duyên ».

Để xem coi tiêu-chuẩn sân-khấu đạt tới đâu và nhứt là để làm tài-liệu, chúng ta nên đọc qua màn đầu của hồi thứ nhứt bồn tuồng « Tỏi độc phụ-nhơn tâm » :

HỒI THỨ NHỨT

LỚP THỨ NHỨT.— vén màn lên thấy thơ phòng của nhà họ Phan, có bộ ván, ghế, bàn và bàn viết.

PHAN THẾ-HÒA (ngồi nơi bàn viết ngẫm) :

« Tôi tên là Phan-Thái-Hòa,

« Tuổi ngoài hai chín vốn giòng nho gia.

« Vì chung bản chắt trong nhà

« Nên chưa chọn kẻ đặng mà xe tơ.

Công mấy năm đèn sách, may bản hổ danh đề ; may là may như vậy, chớ nghĩ cũng còn khó : tổn hao của cha mẹ đã nhiều, nay mới được chút công danh với đời ; tuy vậy công danh thì có, chớ chức phận cũng chưa. Thiệt là khó, hễ trong nhà khiếm khuyết, dẫu thi đậu rồi thì cũng còn lo, chẳng biết chừng nào mới được vinh diệu với người.

(Ngâm) « Chớ chi có kẻ sẵn sàng

« Giúp đày cho được vô vòng văn quan.

« Nghĩa ơn ấy đáng ngàn vàng,

« Nghĩa đền ơn trả đày mắng sá chi.

Minh đâu có được dư giả mà lo việc quan quyền ; tuy có công ăn học, ngặt không người giúp của, thì cũng khó bề liệu tinh. Nếu ở không như vậy hoài thật rất uổng công cha mẹ lo lắng cho ăn học từ nhỏ đến bây giờ. Còn làm quan phẩm nhỏ, thì không được bao nhiêu tiền, làm sao cho đủ mà trợ giúp chút đỉnh cho cha mẹ và đoàn em. Rồi đây còn phải lo việc đời bạn nữa, sao cho khỏi tổn hao, nặng lo thêm cho cha mẹ, khó cha chả là khó !

(Thằng Quýt đương lau bàn ghế, nghe có tiếng người gõ cửa lật-đật chạy ra mở ; Lý-Nương bước vào).

THÁI-HÒA : Chào bác ; bác ở đâu tôi quên ?

LÝ-NƯƠNG : Mỹ-xuyên là quê-quán, ta vốn thiệt Lý-Nương nhà giàu to, theo đám ruộng vườn ; chồng diều chủ, trong làng làm hương cả.

THÁI-HÒA : Dạ, thưa phải, tôi nhớ rồi ; nay bác đến có chuyện chi chẳng ?

LÝ-NƯƠNG : Nhơn việc quan nên ghé, thăm linh phụ tại đàng, chẳng biết người có được binh-an, còn đày phải Thái-lang, con thứ hai không ?

THÁI-HÒA : Dạ thưa bác, song thân tôi đi vắng, tôi vốn thiệt con nhà, xin bác vào ngồi nghỉ tại gia, dùng trà nước đặng mà giải khát ?

LÝ-NƯƠNG : Để mặc tôi... Đoái nhìn thấy vắng người sau trước, sao cháu chưa ước chuyện phụng-loan, sẵn có người giúp việc gia-đàng, tư bề khỏi quạnh-hiu bậu bạn đó cháu.

Cháu ơi ! « Nữ bất giá như tư diêm phạm thủ, nam bất hôn như liệt mã vô cương » ; ai cũng vậy, hễ lớn lên thì phải lo việc vợ chồng ; vợ nhờ chồng, chồng nhờ vợ mới lo sự ở đời được ; chớ ở một mình như cháu thế này, đã buồn bực mà lại can-hệ lắm ; cháu cũng nên lo cho rồi, nhứt là rồi thi đậu như cháu, mới dễ bề lo đời bạn lắm a cháu !

THÁI-HÒA : Lời bác nói cháu đã suy-liệu, cũng muốn nơi cho khỏi thiệt trong ngoài ; nhưng mà :

« Gặp người bàn tiện, đực hiền cũng lo.

« Còn người của cái giàu to,

« Thấp hèn đâu dám, sợ đồ không đưa !

Thưa bác tôi nghĩ cũng khó lắm : hễ nghèo, cưới vợ nghèo, ắt phải nghèo thêm ; còn muốn chỗ có của cải, thì cũng không dễ, sợ người ta chê lắm a bác.

LÝ-NƯƠNG (ngâm) :

« Nghe lời tha thiệt trong lòng,

« Thương người danh sĩ loan phòng rào sớ

« Qua đày còn một con thơ

« Nếu chàng chẳng kén, xin chớ xe tơ.

THÁI-HÒA (nói một mình) : Chà chả ! nói chuyện sao mau quá, tính thế coi bộ dễ, song le không biết lòng người ở lẽ nào. Để tôi hỏi uớm vài lời coi ra làm sao.

(Ca tứ đại oán)

Thưa tai cháu nghe sao dạ khiến ngáp-ngừng,
Vi lòng nửa ngại nửa mừng.
Mừng thấy người hữu tình nên muốn vưng
Để đâu chọn kén tung-bưng,
Nhưng ngại một điều, ngại chừng ngày sau,
Lúc xong bề kết giao ;
Gái về trai, sợ e quên lời nguyện.
Vi tôi thấy nhiều chuyện truán chuyén.
Tuồng gặp chỗ phủ gia, hễ chồng sang thì vợ đẹp.
Nào mắc phải ông tơ già,
Khéo khuấy rối mối duyên ta ;
Khổ cho phận làm chồng lắm a !

◁ LÝ-NUƠNG : Cháu ôi, chớ mệt trí lo xa,
Nghĩ hoặc lòng người, sao hay nghĩ cha chả.
Giống nhau một đôi người, giống hết rày hày
chẳng hủ ?
Tốt xấu hai thứ người, có chi mà cho rằng lạ ?
Qua đây ai cũng biết,
Năng thuyết hay năng hành.
Giàu góp nhóp để dành,
Nhà cửa được nên thành ;
Dầu rách lành cũng để dành cho con
Đầy mấy lời sắc son,
Này Thái-Lang cháu ôi hãy nhớ ;
Lời bác phân tường,
Nếu chẳng vậy thì làm người ích chi ?
Đến việc rồi mới biết vàng hay xỉ !

THÁI-HÒA : Cháu đâu có dạ đa nghi,
Xin mặc tình bác xét suy,
Tinh lẽ nào, tinh lẽ nào cho tròn chung-thủ ;

Tôi sợ, là sợ những người sao mà chẳng nghĩ,
Thấy gương trước mắt,
Nên nghĩ qua bắt giựt mình !
Đó, trước cũng tỏ cặn tình,
Hứa giúp đỡ chuyện gia-đình,
Đến khi đưa con rồi lại sanh chứng làm thình,
Chẳng nhớ mấy lời đình-ninh,
Trối kệ rẻ con, mặc tình người lo liệu,
Thảm-thiết chữ oan tình,
Bị một gánh nặng hoẵng nơi vai ;
Nông-nổi vầy cũng tại nơi ai ?

LÝ-NUƠNG : Ôi thôi, dẹp chuyện khó gay,
Lo việc bây giờ mới đáng nghe vào tai ;
Đầy này, đầy này,
Lấy chút đây làm tay chọn,
Rán cho đẹp trong việc hôn-nhơn,
Có thiếu, hỏi thêm, ta để sòn ?
Thưa thưa với song thân,
Đặng cậy người mai nhân,
Hễ chừng nào thành thân,
Ta nguyện bao gồm,
Cho đó được hiển-vang,
Con đẹp mặt cũng nhờ rẻ sang ;
Ta để đâu sợ tổn bạc ngàn ?

THÁI-HÒA : Cháu xin vưng, song chờ lệnh thung đường,
Rồi đây sẽ cho bác hẳn tường,
Quyết thân đây gửi cho người khác họ.
Vái cùng trời chớ biết làm sao ?
Nhắm mắt coi, để coi con tạo,
Nó xây trở thế nào ;
Hễ trảm chuyện cũng nhờ tại thiên,

Vài cho được mọi việc bình yên.

LÝ-NUƠNG : *Thôi ta trở lại Mỹ-Xuyên,*

Mà lo việc đất điền.

Cháu dòi chơn, bước tới gia tiên.

Lời sau trước tỏ liền cùng từ thân.

THÁI-HÒA (nói một mình) : Cha chả, thiệt mình làm bất tử quá, hứa ngang như vậy, không biết ngày sau có đều gì phải ăn-năn chẳng ? Đã biết cha mẹ có cho phép mình chọn lựa, hề bằng lòng chỗ nào thì người cũng chịu chỗ nấy, song lẽ, ngặt một điều là con của bà Lý-Nương đó, không biết tánh hạnh thế nào, công ăn chuyện làm và bề hiền đức vừa lòng mình chẳng ?

Nhan-sắc thì không cần chi, vì nhan-sắc thì hay ác đức ; vả lại vợ chồng được thuận-hòa thương yêu nhau trọn đời thì cũng nhờ tánh nét, chớ nhan-sắc thì vẫn được đôi hồi mà thôi. Mình nói thì nói như vậy chớ chuyện cũng lỡ rồi ; thôi, nhắm mắt nhờ trời chuyện tới-đâu hay tới đó.

Ngâm : « Ôi thôi phú thạc lượng cao

« Mặc tình con tạo xây vào chỗ mô ?

(Thằng Quýt bước vào hỏi sao cậu nó than-thở ; Thái-Hòa tỏ công chuyện, nói rằng buồn là vì bây giờ thấy người tử-tế, song không biết ngày sau đời đời thế nào).

THĂNG, QUÝT : Cậu ôi ! Muốn việc cũng nhờ trời, chớ có ai biết trước được. Nếu lo lắng như cậu vậy, thì cứ buồn-bực trong lòng hoài chớ có ích chi. Cậu cứ tí như có phước, may được vợ hiền mà vui phứt cho rồi ; con người ta ở đời vui được lúc nào thì hay lúc nấy. Như tôi cứ vui cười hoài như vậy mới chắc sống lâu chớ !

THÁI-HÒA : Mày nói cậu nghe cũng phải, nghĩ cũng không nên lo buồn làm chi. Còn mày vui cười hoài tại sao, nói cậu nghe coi ?

(Ca bình bán)

THĂNG QUÝT : *Vui lòng tôi khoái vui,
Vì bởi lòng muốn chuyện cười vui ;
Vui khoái vui phỉ lòng,
Vì tới ngày của cậu ước trông...
Ước trông rồi còn lại mong,
Mong tới ngày hiệp vầy đôi họ,
Hiệp đôi họ ấy mới thiệt vui,
Vui vì tình mặc tình hân-hoan,
Hân-hoan vì gái sắc trai tài,
Hiệp cùng nhau phỉ-chí bình sanh,
Kết tóc nhau lo việc lợi danh.*

THÁI-HÒA : *Vàng có đó khó chuộc gái thanh,
Lòng ta ước mơ đành rành :
Ước làm sao đức hạnh được thành,
Hiệp lực lo việc tần tảo,
Thì mới phỉ lòng ta ước trông !*

THĂNG QUÝT : *Cầu nguyện, nguyện cầu nguyện,
Xin có về như cậu nói chuyện,
Thì đây tôi hết dạ hân-hoan.*

THÁI-HÒA VÀ QUÝT : *Hân-hoan, hân hoan nhờ trời
Vài trăm năm chồng vợ ở đời,
Niềm phu phụ trường dạ keo sơn (1).*

HẠ MÀN.

Màn trên đây cũng như bảy màn sau đều diễn ra trong xã-hội ta, với tham-vọng là đặt sát thật-tế. Nhưng sát thật-tế là xa tiêu-chuẩn sân-khấu, cho nên diễn-xuất tài ba đến đâu, giọng điệu và âm-nhạc thế nào cũng khó lòng làm sôi-sục hỉ, nộ, ái, ố, cũng khó lòng phóng lớn tình-cảm,

(1) Tối-độc phụ nơn tâm của Phạm-công-Bình, do Triệu-văn-Yên xuất-bản Saigon, tháng 9 năm 1922.

mà chỉ có thể gây được một mối buồn thương nhẹ nhàng phơn-phớt thoáng qua. May là tác-giả đã rón phân-phối nhiều bài ca : 5 hành-vân, 4 tứ đại oán, 1 tứ đại cảnh, 1 cổ bản, 1 bình bản, 1 lưu-thủy, 1 kiếm tiền, 2 bài thất-ngôn tứ tuyệt và 17 khúc ngâm lục bát, nhưng tinh-sắc của tuồng cải-lương này hãy còn xa tiêu-chuẩn sân-khấu.

Bồn tuồng cải-lương « Tỏi độc phụ nơn tâm » đã có nhiều cố-gắng, tiếp theo đó, nhiều bồn khác vẫn cố-gắng thêm lên, mong thỏa-mãn một lớp khán-giả thanh chuộng lạ, một lớp khán-giả sẵn lòng để trái tim mình hòa-nhịp với trái tim của đào kép trên diễn trường, một lớp khán-giả muốn thấy diễn-tả cuộc đời tinh-cảm của chánh mình trên sân-khấu, xuyên qua nghệ-sĩ trứ danh. Rồi cải-lương xây đi tìm nguồn hứng trong xã-hội và đến trong văn-ngệ Tây-phương. Trong gần bốn mươi năm (1912-1945), nhiều tuồng dựng lên xã-hội trên sân-khấu được thành-công rõ-ràng, có thể nói là thỏa-mãn về phương-diện vật-chất. Nhưng về phương-diện tinh-thần, phương-diện kịch-ngệ thuần-túy, những tuồng đó vẫn còn nhiều sở-đoạn, bị những đầu óc tiến-bộ theo văn-minh Âu-Tây chỉ-trích kịch-liệt, chẳng hạn như tuồng « Tơ vương đến thác » của Ngô-vĩnh-Khang (1) đã bị phê-bình như dưới đây :

« Tôi thú-thật không thích xem hát « cải-lương », không phải ghét âm-nhạc ta, không phải không biết mền cái tiếng hát ca réo-rắt của cô Năm-Phỉ hay là cô Phùng-Hà... Cũng không phải tôi không ưa xem mấy bộ « đồ màu » phất-phơ trên sân-khấu. Nhưng ngoài những tiếng đờn, giọng hát êm tai, ngoài những gương mặt áo quần đẹp mắt,

(1) Tuồng hát cải-lương xưa nay đã diễn trên sân-khấu mà không hề đem xuất-bản thành sách, chỉ trừ những trường-hợp của các soạn-giả Mộng Trần Lê-chơn-Tâm (Bắc-Liêu), Trịnh-thiên-Tư (Bắc-Liêu), Ngô-vĩnh-Khang (Saigon ?) và hai tuồng thủy-tử đã dẫn trên tựa của Trương-kế-An, Trần-quang-Hiến và Phạm-công-Bình.

tôi còn ước ao được xem một tấn tuồng có ý-nghĩa thú-vị... Tiếc thay ! — không hiểu có phải tại tôi khó chảng ? — nhiều khi ngồi xem hát, tôi phải bực mình, vì tuồng diễn những tình-trạng lạ đời, không dinh-dấp gì cả với nhân-tình thế-thái.

« Tôi đối với hát kim-thời như vậy. Thế mà khi nghe tại rạp hát Tây Saigon sẽ diễn tuồng « Tơ vương đến thác », tôi không dụ-dự chi cả, muốn đi xem cho biết hát « cải-lương » hiện thời cải-lương ra làm sao. Vả lại bồn tuồng « Tơ vương đến thác » đặt ra là do quyền tiểu-thuyết « La Dame aux Camélias » của văn-sĩ trứ danh Alexandre Dumas fils : nếu có ban ủy-viên mỹ-thuật Việt-Nam sắp đặt trong ban có nhiều ông « thượng-lưu tri-thức » như ông Bùi-quang-Chiêu, ông Lưu-văn-Lang, ông Trần-văn-Khá, thì biết đâu ta không được xem một đêm hát đặc-biệt, gặp nhiều cảnh cực-kỳ lý-thú, làm cho trái tim ta trong khoảng hai ba giờ phải nhẩy chung một nhịp với trái tim cô Ngọc-Hương (Marguerite Gautier) trong tuồng vậy.



« Đi xem diễn tuồng « Tơ vương đến thác », tôi có công ngồi coi trót năm giờ rưỡi đồng hồ, nhưng khi ra về không được toại-chi cho lắm...

« Tôi xin mau mau nói rằng bình-phẩm tuồng này, tôi không đứng về phương-diện luân-lý, lấy đạo-đức hẹp-hòi, buộc tội soạn-giả đã lảm công-phu « bàu chữa cho một con diêm ». Sự tích cô Ngọc-Hương chắc ai cũng biết rồi. Cô là một tay quen nghề buôn hượng bán phẩn. Thế mà gặp anh Liên-Châu, cô lại lấy ái-tình thành-thật nồng-nàn mà đối-đãi. Hai người thương nhau, có hạnh-phúc nào bằng ! Nhưng cha của Liên-Châu năn-nỉ cô phải vì danh-giá Liên-Châu mà lia bỏ người tình. Cô dằn lòng, viết thơ để lại, rồi ra đi. Liên-Châu tưởng cô phụ-tình, sỉ-nhục cô trăm điều làm cho cô rầu buồn mà thác.

« Sự-tích như vậy, mà ngày xưa (1860) bên Pháp, có người trách ông Alexandre Dumas fils có ý « minh oan cho ky-nữ (réhabilitation de la courtisane) làm đổi pho ng bại tục ! Ở xứ ta, ai đã biết chuyện Thúc-Sinh cưới Túy-Kiều, thì chắc không quở nặng về việc Liên-Châu dan-diu cùng Ngọc-Hương ! Tôi cũng vậy, tôi không muốn lên mặt đạo-đức.

« Tôi chỉ bàn về cách sắp-đặt lớp-lang và cách diễn tuồng mà thôi.

« Về cách sắp-đặt có cái-lương một chút ít. Trong tuồng hát-bộ cùng hát kim-thời ta, soạn-giả thường đem hết các sự hành-động của vai tuồng để diễn trên sân-khấu. Ông Ngô-Vĩnh-Khang, soạn-giả tuồng « Tơ vương đến thác », không làm như thế : gặp cảnh nào khó diễn, ông mượn các vai tuồng thuật lại cho ta hiểu rõ. Tôi xin lấy một vài tí-dụ :

« Màn thứ nhất, ta cần phải biết cái đời « ăn chơi » với cái tâm-lý của Ngọc-Hương là thế nào. Lúc dở màn, Ngọc-Hương còn trang-điểm trong phòng, để cho một cô bạn rước khách giùm. Đó là một dịp cho khán-giả biết cái hoàn-cảnh ăn chơi, mà đó cũng là cái khéo của soạn-giả mượn lời các khách làng chơi cho ta biết trước tánh tình của Ngọc-Hương vậy. Màn thứ ba, sau khi bỏ Liên-Châu ra đi, Ngọc-Hương về Sài-gòn làm gì, còn thương nhớ tình-nhân nữa chăng ? Ta cũng nhờ các tay « ăn chơi » thuật rõ lại.

« Trong tuồng có hai « lớp » thật là lý-thú. Màn thứ nhất Liên-Châu ngồi kề Ngọc-Hương, nắm tay cô, kể những nỗi thương thầm nhớ trộm thì trong rạp hát phẳng-lặng như tờ, trước mặt tôi, hai cô gái đương ngồi ngẩn-ngơ người, chắc là cảm-xúc những tiếng « ru » của Liên-Châu nhiều lắm...

« Màn thứ nhì, cha Liên-Châu đến nhà Ngọc-Hương, ban đầu khinh-bĩ, mắng nhiếc, sau lại dịu lời, có hơi

kinh-phục. Tiếc vì người đóng vai cha Liên-Châu chột không hay, nên không tả ra được tâm-lý của ông đối với một ả buồn hương, thay đổi thế nào.

« Đoạn này Ngọc-Hương gặp tình-cảnh đau-đớn, nói nhiều câu thật là cảm-động. Tôi còn nhớ câu này : « Cháu nghĩ coi, con gái bác với cháu có thù-hận gì đâu, mà cháu đành làm hại nó : nếu nó xa người chồng nó, chắc là nó chết mất.

Ngọc-Hương : « Thưa bác, xin bác nghĩ giùm cháu, con của bác còn biết thương người chồng chưa cưới, huống chi cháu đây, cháu không biết tiếc người chồng cháu đã ăn ở lâu ngày hay sao ?

« Lời nói tự-nhiên mà nó đau-đớn làm sao ! Tôi phải vỗ tay khen hay !

« Màn thứ ba, Ngọc-Hương bỏ Liên-Châu, có người không hiểu cử-chỉ cao-thượng của cô, nên trách cô, trách cả đàn-bà là bọn hay phụ-rẫy chữ-tình ! Cô Thanh-Nguyệt hết sức bình-vực phụ-nữ. Cả nhau nói qua nói lại, chớ không có « đit cua » dong-dài, thật là một cuộc tranh-luận lý thú.



« Nãy giờ tôi khen mấy chỗ hay một cách thành-thật. Bây giờ tôi xin phép tiếc... Trong tuồng hát cải-lương đã cải-lương này, vẫn còn nhiều cái lưu tệ lắm. Mà nhất là các vai tuồng nói chuyện nhiều quá ; vui cũng nói, buồn cũng nói, hết nói thì ca, hết ca thì lại nói : ca nói hoài... hình như soạn-giả quên rằng tình-tình không phải chỉ có lời nói tiếng hát mới tỏ ra được, mà lại còn nét mặt, khoe mắt, miệng cười, lại còn cách đứng, cách ngồi cũng hình dung đáng bao nhiêu tâm-sự ! Đây tôi xin chỉ rõ mấy chỗ nhược-điểm :

« Ngọc-Hương đãi khách giữa cuộc tiệc, đương lúc vui cười, cô than chóng mặt, tức ngực. Một ông khách làng chơi lật đật xin... cô ba, cô tư đỡ giùm Ngọc-Hương lại

ghế nằm. Sao mấy ông không đỡ ? Hay là mấy ông còn nhớ câu : Nam nữ thọ thọ bất thân ? cũng có lẽ ! Mà như vậy, sao phải là khách làng chơi ?...

« Ngọc-Hương nằm thềm-thiếp bỗng tiếng nhạc nghe rền : cộ đèn đi ngang trước nhà, ai nấy đều chạy đi xem, chỉ có anh Liên-Châu ở lại chăm-nom Ngọc-Hương. Đoạn này nhiều người khen có nhạc binh, có cộ đèn xem ngộ ; tôi lại chê vì tiếng người rần-rộ, tiếng kèn in-ỏi, làm cho khán-giả phải ngó theo cộ đèn mà quên hai vai tuồng chánh là Ngọc-Hương và Liên-Châu. Mà quên như vậy mất hay nhiều lắm ! Tháng trước ở hội-chợ phụ-nữ, cô Ngọc-Thanh đương diễn-thuyết, bị cộ đèn đi qua, cô phải ngừng một lúc. Trong tuồng «Tơ vương đến thác» không lẽ vì có cộ đèn, mà Ngọc-Hương chận cái tức, hay là Liên-Châu chận cái đau-đớn của mình lại được ! Theo ý tôi, phải bỏ cộ đèn, cho mấy người khách đi ra ngoài vườn ; trong phòng chỉ còn Ngọc-Hương nằm. mẹ và Liên-Châu đứng gần một bên, có vẻ lo-lắng...

« Ngọc-Hương đau, thì phải nằm, cho im lặng, đừng nói, đừng ca, đừng đờn chi cả, đau-đớn chỉ một hai tiếng rền... và tỏ trên nét mặt mà thôi... Cái này không có, Ngọc-Hương rên siết, tôi vừa mới động lòng, thì cô lại cất tiếng lên ca «chuồn-chuồn» ! À, cô ca được mà ! Thì cô có tức ngực bao nhiêu đâu, thì anh Liên-Châu cần gì phải lo phải khóc ! Mất cả tự-nhiên ! Lòng cảm-động của tôi nó đã tiêu-tan hết rồi...

« Mạn nhi, Ngọc-Hương ngồi viết thơ, từ biệt Liên-Châu. Ôi ! Tình cảnh đau-thương biết mấy ! «ai đi». Quá xót bạn phải đành cam phụ bạn ! Bối thương chông mà đi nỡ bỏ chông ! Thế mà tôi không cảm-xúc chi cho lắm ! Sao vậy ? Vì trong lúc đau-đớn nhiều, khóc tức tưởi, nói không ra lời mới phải ; ông soạn-giả lại bắt Ngọc-Hương và viết thơ và ca một bài vọng-cổ hoài-lang ! Tôi không muốn kiếm hiểu cô ca những gì ; tôi thấy cô đương lú-lo trên sân-khấu, thì đủ cho trái tim tôi nó bớt nhảy nùng-

nàn với cái sầu của cô vậy... Tôi tiếc lắm..., tôi nhớ năm xưa còn ở Paris, hai ba lần đi xem diễn tuồng « La Dame aux Camélias », đến đoạn này phần đông khán-giả đều mũi lòng, phải lấy mouchoir mà chấm nước mắt. Cô Marguerite Gautier có hỏi chỉ nhiều đâu ! Sau khi cha Armand Duval ra về, cô Marguerite nét mặt thật buồn, không nói năng gì, chậm chậm bước lặn đến bàn viết, kéo ghế ngồi lấy giấy mực ra, cầm viết rồi buông xuống, khóc tức-tưởi ; cầm viết lại, rần viết một hàng, rồi ngừng : « Không ! Không đâu ! Tôi không nở lòng... » Nói bấy nhiêu, rồi xé thơ gục đầu trên bàn khóc rống lên ! Trước cái cảnh bi-thương ấy, ai cầm lòng choặng ? Đó là chuyện bên Tây. Còn đêm thứ bảy 11 Juin, ở rạp hát Tây, tôi ngó cùng rạp, ít thấy người lau nước mắt quá...

« Đến màn thứ tư, cái «hại bài ca» càng thấy rõ-rệt hơn nữa ! Ngọc-Hương đương lúc hấp-hối, «mặt hết tinh-thần, không thông hơi thở», thế mà ông soạn-giả lại buộc cô phải rần-gân cổ mà ca «vọng cổ», ca «chuồn-chuồn». Thật là tội-nghiệp cho cô ! Mà cũng tội-nghiệp cho bọn tuồng ông quá ! Trong nhà có người bệnh đau nặng thì phải làm sao cho êm lặng ! Cái này không ! Cô Thanh-Nguyệt thì nói mếu máo như mèo kêu (Tôi xin lỗi phải nói sự thật) cha Liên-Châu thì nhảy cà-tửng ca rùm nhà ! Tôi biết cô và ông vì thương Ngọc-Hương mà nóng lòng, bối-rối, nhưng bối-rối thế nào, chớ làm theo trong tuồng coi sao được ? Cảnh thì phải buồn, thế mà cô và Ông làm cho cả rạp đều cười !... Như vậy thì cái màn thứ tư còn gì là giá-trị ?

« Nếu Ông Ngô-Vĩnh-Khang cho lời chỉ-trích tôi là đúng, thì dễ sửa bọn tuồng lắm, vì chỉ có bớt nói chuyện, bớt ca nhiều thôi... (1).

(1) Bà-Lê (tức Lê-Bá-Cang) trong tạp-chí Đồng-Nai, số 9, ngày 15-6-1932 và sao lại trong tập *Kỹ-giáo Hội Khuyết-n-Học Nam-Việt*, Saigon, Janvier 1952.

Sân-khẩu cải-lương đã có tham-vọng sao lại sân-khẩu xã-hội, muốn hết sức gần thật-tế, nhưng bị bài ca lời kéo mà xa lẩn thật-tế, mới bị chỉ-trích. Soạn-giả cải-lương vốn thấy khuyết-diểm ấy, rán sức tránh né cho hoàn-hảo hơn, nhưng không dễ gì, cũng như Ô. Ngô-vĩnh-Khang, đã phục-thiện trước chỉ-trích của Bá-Lê, đã sửa-chữa từng « Tơ vương đến thác » viết lại thành vở « Đoạn tơ lòng » (1940) nhưng vẫn còn bị Ô. Đoàn-Quan-Tấn phê-bình :

« Cũng bỏ luôn nhiều bài ca : Ngọc-Hương mệt, cứ nằm nghỉ cho khỏe ; Ngọc-Hương đau, cứ nằm yên mà dưỡng-bệnh. Tuy vậy chớ nạn bài ca chưa tuyệt-hẳn... » (1).

Hai nhà phê-bình đó là hai khán-giả của kịch nói, đã từng xem diễn-kịch ở Paris. Hai người có thể đại-diện một lớp khán-giả học trường Pháp, là hạng khán-giả nghiêng hẳn về kịch nói, muốn cho cải-lương phải gần thật-tế nhiều hơn. Soạn-giả cải-lương đồng-ý như vậy và nhận thấy bài ca là yếu-tố làm cho cải-lương xa thật-tế ; vì vậy nhiều bài ca rán đặt thành lời nói, chỉ cần hạ giọng thành bài ca ở chỗ nhịp. Cố-gắng đó cũng không phải là một bảo-đảm hoàn-toàn, vì bao giờ còn bài ca là còn thiếu tự-nhiên, còn xa thật-tế. Phải nói rành-rã mới tự-nhiên ; vậy là cần Kịch nói. Khuynh-hướng kịch nói đã tỏ lộ từ lối năm 1930, ngày càng hiện rõ hơn, cho đến lối năm 1935 thì mạnh hẳn, dám tỏ ra quyết-định, nên mở màn cho thoại-kịch.

(CÒN TIẾP)

Thuần-Phong NGÔ VĂN PHÁT



(1) Tập ký-yếu Kt.

MỤC « BÓNG DÁNG THỜI-GIAN »

MỘT TỐI, SAU GIỜ CHIỀU BÓNG

☒ bài của AN CƯ

Ở rạp Rex ra, đầu tối còn mang nặng những ý-nghĩ do từng phim vừa chiếu tạo ra ; tôi tự thả theo những cơn tư-tưởng miên-man ; nói rằng tôi đang suy-nghĩ lung lăm, không phải ; nói rằng tôi đang không suy-nghĩ gì hết, cũng không phải ; dường như hai trạng-thái này đồng thời đang lẫn-lộn trong tôi.

Tôi bước theo những khán-giả khác một cách máy-móc... Ra đến công-trường trước Nhà Văn-Hóa, tôi lại chỗ gửi xe lấy lại chiếc Mobylette... Bấy giờ khoảng 23 giờ 40 phút, gần tới giờ giới-nghiêm. Những người không có phương-tiện di-chuyển riêng lo đón xe một cách rộn-riếp.

Tôi không ra về vội, dựng chiếc xe gần máy bên mé lộ, đứng nhìn cái cảnh thiên-hạ giành với nhau kêu xe...

Tại góc đường Lê-Lợi—Nguyễn-Huệ, trước Nhà Ngân-Hàng Saigon, một chiếc xe díp màu ngà mang số xe nhà trời tới ; ba người Mỹ chạy a lại, nói chuyện với người lái xe, dường như họ nói giá với nhau ; trong lúc đó, một chiếc díp khác, cũng mang số xe nhà sơn màu xanh đậm, chạy vụt tới, đậu ngay trước đầu xe của chiếc díp màu ngà ; có lẽ nói giá không xong, ba người Mỹ khi nãy bỏ chiếc díp đầu, chạy lại chiếc díp sau, ra đầu vội-vàng, người lái xe gật gật đầu rồi mấy người Mỹ nhảy lên xe ; chiếc díp màu xanh đậm phóng mình chạy tới. Tôi đang thom-thóp sợ chứng-kiến cái cảnh giành mỗi cái-vã với nhau của hai

người lái xe đíp... Cũng ngay lúc đó, ba bốn người Mỹ sầm-sập chạy tới kéo theo hai á gái Việt, đầy mạnh lên xe, không nói giá, chiếc đíp màu ngà phóng mình biến mất...

Tôi cảm thấy nhẹ-nhàng, không phải nhìn cái cảnh giành mỗi « không tốt lành » trước mặt ngoại-kiều; vừa khi ấy, một chiếc xe Vespa hai bánh chạy tới chậm-chậm, có vẻ như đi hứng mắt; hai người Mỹ trai-tráng chộp cái yên ngồi, lôi chiếc xe ngừng lại, người cỡi Vespa lắc đầu dường như ra dấu « không rước khách »; hai ba chiếc Vespa hai bánh đồ xô tới một lượt, rồi mỗi chiếc chở một người Mỹ mở máy chạy bon-bon; tôi chợt nhận ra trong số người rước chở Mỹ-kiều có một người là chủ-sự trong một cơ-quan hành-chánh, tôi quen biết ông ấy lắm. Tôi nghĩ-ngợi lôi-thôi và vợ-vần. Có lần, tôi tỏ ý với anh bác-sĩ T., đả-kích việc làm đó như trường-hợp của ông chủ-sự, tôi cho là không được đẹp-đẽ lắm đối với một người công-chức. Nhưng anh bác-sĩ T. lại cho là coi được, vì thả kiếm tiền bằng cách dùng Vespa hai bánh hay xe gắn máy chở Mỹ-kiều, còn hơn bằng những cách bắt-chánh khác như ăn cắp của công, hối mại quyền-thế, hối-lộ...v...v... Tôi thầm nghĩ: « Dầu sao một công-chức có « hạng » làm như vậy coi làm sao ấy ». Tôi miên-mạn suy gẫm: « Giá như Huê-kỳ mắc vào chiến-tranh trong nước họ, Việt-nam chúng ta đem binh và đem tiền viện-trợ họ, rồi người Mỹ dùng xe đíp, xe Vespa hai bánh hoặc xe gắn máy mà đón, mà rước chở người Việt chúng ta trên đất họ, thì hay biết mấy... Làm người trao viện-trợ bao giờ cũng hơn là làm người ngửa tay nhận viện-trợ... »

Tôi đang mê-mẩn theo đuổi những ý-nghĩ xa-xôi và, có lẽ, điên-rồ, đặng-độn, thì trước mặt tôi cũng còn nhiều người chưa kêu được xe. Những người chờ đón xe càng rối-rít hơn, vì giờ giới-nghiêm càng gần kề.

Tôi thấy một cặp ba, một gái Việt mỹ-miệu đứng giữa hai ngoại-kiều da trắng, có vẻ lóng-nhóng: Trong lúc chờ đợi như vậy một người đưa tay tần-mẩn dưới lưng của cô gái, còn người kia thì choàng tay lên vai cô gái nắn bóp; tôi chăm-chú nhìn nét mặt của người gái Việt, thì thấy cô ta có vẻ phớt-tĩnh; tôi liên-tưởng

đến những câu-chuyện mà người ta kể về những trường-hợp hai ba ngoại-kiều cùng mượn một nàng đề làm cái « máy thỏa dục ». Ba người này kêu được chiếc cyclo máy; người con gái ngồi vào lòng một ngoại-kiều, thì ngoại-kiều kia giành lại và đặt người con gái vào lòng mình...

Nghe tiếng kêu xe dồn-dập, tôi quay qua nhìn, lại thấy một bộ ba khác, một cô xinh-xinh nhỏ-thó với hai ngoại-kiều đen-thui có cái thân hình « hộ-pháp ». Một trong hai người có vẻ nóng-nảy, lụp-chụp ghì chặt hai bàn tay trên ngực cô á, làm cô ta cười ngật-ngheo; thỉnh thoảng có một chiếc cyclo máy nổ máy rền trời chạy tới, anh chàng đen kia nãy giờ đứng yên vừa cười đưa hai hàm răng trắng toát ra vừa đỡ bồng người con gái nhảy vào xe, anh đen nọ mắt mờ cũng nhảy theo; chiếc cyclo máy xả máy chạy. Tôi lại ngăn người nhìn vợ-vần và nghĩ lôi-thôi...

Những ý-nghĩ vụn-vặt, đứt-khoảng và rối-bời quay cuồng trong đầu óc tôi theo nhịp lăn của hai bánh chiếc Mobylette trên đường về: Chiến-tranh, cảnh oái-oăm và tiền. Tiền, cảnh oái-oăm và chiến-tranh. Bao nhiêu tư-tưởng đó càng lúc càng xoay tròn với một tốc-độ nhanh hơn trong tâm-tư rã-rời và đau-chối của tôi.

AN CƯ

Trại của máy

HUNG - ĐẠO

393B, Đại-lộ Trần - Hưng - Đạo

— SAIGON —

GỖ XẼ BÀNG LĂNG

CHUYÊN MÔN ĐÓNG THÙNG ĐỦ CỠ

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU, một chiến sĩ

★ Bài của PHẠM LONG ĐIỀN

Nguyễn Đình Chiểu lớn lên giữa lúc nước nhà gặp nhiều nỗi khó khăn trước sức bành trướng càng ngày càng lớn mạnh của thực dân Pháp. Năm Nguyễn Đình Chiểu đậu Tú tài cũng là năm triều đình Huế ngậm đắng nuốt cay nghe những tiếng nô long trời lở đất của hải thuyền Pháp bắn vào Cửa Hàn. Tiếng vọng đại bác làm chấn động từng lớp sĩ phu lúc bấy giờ. Giữa hoàn cảnh ấy, cậu Tú Nguyễn Đình Chiểu những mong chiếm khoa bảng đề mai sau đem cái tài học ra giúp dân cứu nước.

Lòng của Nguyễn Đình Chiểu nun nấu bởi cao vọng nhưng hoàn cảnh quá ư khắt nghiệt : năm ra Huế thi, mẹ mất nên đôi mắt từ đó phải mù lòa. Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu rẽ sang ngã mới. Bao nhiêu hy vọng đắm chìm vào cõi thâm u. Những ánh sáng bên ngoài đóng kín lại. Nguyễn Đình Chiểu quay về với lòng mình, sống với nội tâm vốn phong phú của người trai Bến Nghé đã bao lần « chí những mong xẻ núi lấp sông ». Có lẽ vì mù lòa, Nguyễn Đình Chiểu đã để lại cho đời một tấm gương sáng, chuộng thanh bần giữa cơn khói lửa mất nước.

Sự đời thà mất đôi tròng mắt

Lòng đạo xin tròn một tấm gương.

Nguyễn Đình Chiểu khóc lần thứ nhất về cái chết của mẹ. Nhưng cái tang ấy chưa lâm ly bi đát bằng cái tang mất nước,

cái tang toàn dân phải gánh chịu, bụi ngùi nhìn thấy một phần đất miền Nam lọt vào tay thực dân.

Bụi ngùi thương tiếc nhưng vẫn còn hy vọng ngày đoàn tụ.

Chợt thấy cánh buồm lai sứ

Cuộc giảng hòa những tưởng rằng xong.

Nhưng hy vọng biến thành thất vọng. Thực dân đã lấy ba tỉnh miền Đông, tiến chiếm ba tỉnh miền Tây đề rồi mảnh đất Đồng Nai màu mỡ lọt trọn vào tay đế quốc.

Bến Nghé của tiền tan bọt nước

Đồng nai tranh ngôi nhuộm màu mây.

Công lao cực khổ của ông cha ngày trước từ miền Trung khô cằn di cư vào khai phá, biến vùng đất sinh lầy thành vựa lúa miền Nam, công lao ấy phút chốc tan thành bọt biển.

Nguyễn Đình Chiểu cũng như từng lớp sĩ phu lúc bấy giờ không thể ngồi khoanh tay chờ một cuộc nghị hòa mới. Từng lớp sĩ phu đón đầu nhận thức cái yếu hèn của một nước thua kém về đủ mọi mặt. Nhưng đón đầu nhứt, chua xót nhứt vẫn là cái nhục của một sứ bộ phải đi cầu xin một cuộc giảng hòa.

Tan nhà cảm nỗi câu ly hận

Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa.

(Cử Trị)

Giảng hòa sao được trong khi bọn thực dân muốn nuốt trọn vựa lúa miền Nam ? Cho nên, triệu người như một, từ một thằng bé con để chòm đến một anh học trò khó, từ một anh tráng đinh đến một ông đồ đạo mạo, từ một cô gái chuyên lo việc bếp núc tầm tang đến một bà già nhai trầu tằm tằm, đều tham gia vào phong trào chống xâm lăng. Đâu đâu cũng thấy phát phơ ngọn cờ Cần vương cứu quốc. Nhứt là từng lớp sĩ phu phải đứng lên hàng đầu, khởi xướng và kêu gọi lòng yêu nước của toàn dân. Trong lớp sĩ phu kháng chiến ta thấy có Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, Thủ Khoa Huân... Những người đã được huấn thụ từ thuở bé giáo lý Khổng Mạnh, đã thở bầu không khí yêu nước, yêu nhà, yêu dân tộc.

*Thà thua xuống Láng, xuống Bưng,
Kéo ra đầu giặc lối chưng quân thần.*

(Cử Tri)

Dựa theo cảm nghĩ của từng lớp sĩ phu kháng chiến lúc bấy giờ, thực dân thẳng còn có nghĩa là một đạo mới có cơ áp đảo và nẩy nở trên mảnh đất miền Nam. Những nhà Nho tiết tháo nhận thấy trọng trách bảo tồn đạo Khổng, giữ vẹn lòng tiết nghĩa trung trinh đối với nhà với nước, với vua với dân. Đạo mới ấy là đạo Gia tô do thực dân mang đến.

Dân mà mê đạo tây rồi

Nước người muốn lấy mấy hồi phòng lo.

Cho nên, người sĩ phu không bỏ lỡ một cơ hội nào, dầu nhỏ nhất đến đâu, để góp chút ít công lao, xương máu vào công cuộc giữ gìn đất tổ quê cha. Nguyễn Đình Chiểu cũng cùng ý nghĩ ấy. Mặc dầu đuối nhưng lòng Nguyễn Đình Chiểu lúc nào cũng hướng về cách mạng, về phong trào cứu quốc. Nguyễn Đình Chiểu rời bỏ thành Gia định, chạy về Cần giuộc nương náu. Một phần vì quê vợ, một phần cảm kích tấm lòng kiên trung của Trương Định. Từ đấy, trong những ngày kháng Pháp, Nguyễn Đình Chiểu và Trương Định ý hiệp tâm đầu, Nguyễn Đình Chiểu bày mưu lập kế cho nghĩa quân. Nguyễn Đình Chiểu tuy đuối nhưng lòng lúc nào cũng hậm hực cái nhục mất nước. Sau này khi nghe Trương Định bỏ mình vì nghĩa cả, Nguyễn Đình Chiểu đã ngậm ngùi luyến tiếc :

Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ

Cái ấn bình tây đất vội chôn

Nỡ khiến anh hùng rơi giọt lụy

Lâm râm ba chữ diều linh hồn.

Lòng ngậm ngùi thương tiếc những con người « sống cũng vì dân, chết cũng vì dân » đã làm cho Nguyễn Đình Chiểu thấy được trong trí não cảnh đốn đau của toàn dân nhận được tin Trương Định bỏ mình vì nước :

Sông Cần giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng

Chợ Trường bình, già trẻ hai hàng lệ nhỏ.

Lời ai điều quá tr thăm thía, rót lọt vào tâm can, chẳng những người đương thời mà ngày nay, chúng ta đọc lại, tự dưng cũng cảm thấy lòng mình lâng lâng, bùi ngùi. Càng thăm thía khi nghe nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu điệu cụ Phan Thanh Giản :

Trạm bắc ngày chiều tin điệp vắng

Thành nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.

Trong đêm dài, những ai lo nghĩ nhiều cho việc nước vẫn thấy lòng mình tươi sáng lại bởi cái hình ảnh tương lai rực rỡ của đất nước. Nhưng không ! Nước mỗi ngày một đắm chìm trong khói lửa. Tiếng quyên sầu cũng không còn nghe vắng vắng đâu đây. Chỉ còn vọng lại từ xa tiếng súng của thực dân đánh chiếm ba tỉnh miền Tây. Một lần nữa, Nguyễn Đình Chiểu từ bỏ Cần giuộc, lên đĩnh trên ghe mà hướng về Ba tri.

Một phương thà tránh đường gai góc

Trăm tuổi cho tròn phận tóc da.

Nguyễn Đình Chiểu về Ba tri, không còn nghe thấy cảnh nước nhà đổ nát trước sức tàn phá của thực dân. Tuy về ở tận xa tít mù mà lòng lúc nào cũng gắn liền với quốc sự. Mỗi lần toàn dân đứng lên là mỗi lần nghe tiếng nói trung hậu của Nguyễn Đình Chiểu.

Lời thơ bình dị đã làm rung động tất cả mọi người. Nó đi sâu vào lòng, kêu gọi lòng nhớ quê hương, nhớ ông cha ruộng vườn. Lời thơ ấy là chất liệu xây sườn dựng cột cho phong trào bình Tây sát tã.

Nguyễn Đình Chiểu tuy đuối mà tấm lòng lúc nào cũng trong trắng, không thâu nhận một vết nhơ nào liên kết với bọn tay sai bán nước. Mấy lần thực dân đến nhà thăm viếng, mấy lần nhà thơ tỏ ra đứng đưng trước những lời mời mọc đường mật của bọn quan Pháp.

Gặp cơn trời tối thà đi

Khỏi gay con mắt lại nuôi đặng lòng.

Giữa lúc hàng vạn nghĩa quân đứng lên, chọn cái chết để tỏ thắm miền Đồng nai những ý niệm tự do, dân chủ, độc lập thì Nguyễn Đình Chiểu giữ tiết tháo của nhà Nho chân chính.

Sĩ khí miền Nam đúc kết lại trong tấm lòng tru ái của nhà nghệ sĩ biết chọn nếp sống đạm bạc. Cho nên nhà thơ khóc, tiếng khóc ấy chẳng những trực thuộc cá nhân Nguyễn Đình Chiểu mà còn là tiếng khóc của toàn dân khích cảm những anh hùng mặt lộ, dùng gương giáo và trí não chống lại súng đạn tối tân, biết chọn cái chết đề trọn nghĩa với dân với nước.

*Còn đánh giặc, mắt cũng đánh giặc
Linh hồn theo giúp cơ binh
Muôn kiếp nguyện được trả thù kia.*

Đông nước mắt phát xuất từ tấm lòng ngưỡng mộ, truyền cảm cho những thế hệ sau nối gót trên con đường khởi nghĩa chống xâm lăng.

*Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo
Thương vì hai chữ thiên dân
Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm
Cám bởi một cây vương thổ.*

Nguyễn Đình Chiểu vì mù lòa, cho nên không gia nhập vào đoàn nghĩa quân được. Nhưng cụ đã dùng lời thơ bộc bạch tấm lòng yêu nước mến dân của nhà nghệ sĩ mù.

*Đã cam thẹn với non sông
Cứu thời hai chữ lương trông thuở nào
Nói ra thời nước mắt trào
Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi.*

Nguyễn Đình Chiểu, một chiến sĩ! Chiến sĩ của văn hóa dân tộc, của truyền thống bất khuất của sĩ phu miền Nam. Truyền thống ấy đã chan hòa vào lời thơ bình dị của nhà thơ cách mạng đề nối tiếp mãi mãi trối vào mảnh đất miền Nam một niềm tin yêu đánh thép vào trường tồn dân tộc trong công cuộc trường kỳ chống ngoại xâm. Cho nên đã đến lúc cần khơi dậy lại tinh thần Nguyễn Đình Chiểu, một tinh thần không đánh đi ngòi bút để làm tay sai cho bọn người man trá bán nước hại dân, một tấm gương trong sáng soi rọi những thế hệ sau trên con đường dựng nước.

PHẠM LONG ĐIỀN

Bàn về

HIỆN-TƯỢNG SÁCH BÁO

CUA SƠN-NAM

Từ hai năm nay, phong-trào xuất-bản sách báo đã trở nên ồ-ạt lạ thường : đủ loại báo, từ những đặc-san về tư-pháp, vô tuyến-diện đến loại báo nhi-dồng ; đủ loại sách, từ sách nghiên-cứu chuyên-môn đến tiểu-thuyết tình-cảm, kiếm-hiệp, trinh-thám. Nhìn vào cách trình-bày, chúng ta thấy ranh-giới trở nên mơ-hồ. Nhiều loại báo chủ-trương đăng-tải truyện ngắn, khảo-cứu (khảo-cứu tiểu-thuyết-hóa) và tiểu-thuyết. Một đôi bài xã-luận được đăng vào lấy lệ, cho ra vẻ là báo nhưng thật ra đó là tuyển tập truyện ngắn và tiểu-thuyết. Trong khi đó, nhiều quyển tiểu-thuyết chỉ có tánh-chất phóng-sự vì bố-cục lỏng-lẻo. cách diễn-tả thiếu phần sâu-sắc — tuy linh-động. Sách nhi-dồng « lành-mạnh » lắm khi chỉ phù-hợp với cảm-quan của bọn người lớn. Và sách nào được nhi-dồng thi nhau mua đọc thì người lớn lại xem đó như loại thuốc độc đối với mầm non !

Về nội-dụng sách báo, mỗi người phê-phán một cách khác nhau. Có loại được xem như tai-hại, vô-ích nhưng lắm độc-giả lại cho rằng đọc hấp-dẫn, chẳng gây tai-hại gì cả. Có loại sách được xem như lành-mạnh nhưng thật ra độc-giả của sách đó — và luôn cả người phê-bình — dường như gồm toàn là những ông thụ-động thích hưởng-nhàn, sống ích-kỷ hơn ai hết.

Ảnh-hưởng của sách báo như thế nào? Có câu gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Trong thực-tế, chúng ta thấy qua các phong-trào tranh-đấu (thí-dụ như phong-trào lật-đổ bạo quyền Ngô-Đình-Diệm) những người tham-gia nhiệt-liệt chưa ắt là độc-giả của loại sách báo « lạnh-mạnh », hoặc của tiểu-thuyết đung-đắn. Sự phê-phán về sách báo lắm khi nêu ra quá vội-vàng, xuất-phát từ những người tuy biết chữ, có bằng-cấp cao, có chức-vị trong xã-hội nhưng tiếc thay, lắm khi mấy vị này chỉ nghe lóm, chẳng bao giờ đọc thật-sự. Còn gì buồn cho bằng-nhiều người lầm lẫn tác-giả này với tác-giả khác hoặc có thành-kiến cho rằng đa-số tuồng cải-lương hiện nay đều đáng liệt vào loại nhảm-nhi, thiếu xây-dựng. Hoặc bảo rằng kẻ thích đọc kiểm-hiệp thì luôn luôn xa thực-tế! Còn ai nhìn sự đời qua cặp mắt thực-tế bằng bà chủ nợ cho vay bạc góp, hoặc anh phu xích-lò đập. Họ thích xem cải-lương rung cảm trước những sự-kiện giả tạo trên sân-khấu, họ xem kiểm-hiệp, truyện Phong-Thần, truyện ma quái.

Những hiện-tượng « tréo cẳng ngỗng » ấy làm sao giải-thích được? Chẳng lẽ khóc to tiếng hoặc ngồi đàm-đạo với bạn bè, than dài thở vắn cho cái nền « văn-minh Đông-Á trời thu sạch! ».

Thiết-tưởng chúng ta nên bình-tĩnh để phân-tách vấn-đề, đừng bi-quan, đừng lạc-quan.



Từ khoảng năm 1960 đến nay, hiện-tượng « đại-chúng-hóa » lần lần lan-tràn đến xã-hội ta. Chúng tôi tạm dùng tiếng « đại-chúng-hóa » để ám-chỉ sự phổ-biến đến đa-số dân-chúng những tiện-nghi, những món ăn tinh-thần, những tập-tục bấy lâu chỉ dành riêng cho thiểu-số phong-lưu trưởng-giả. Thời Pháp thuộc, mặc áo vét, thắt cà-vạt là ưu-quyền của một vài giới mà thôi. Lúc bấy giờ, người ta thường chế-điều kẻ bận đồ tây mà chẳng biết nói tiếng tây.

A lè, có son hơi rinh.

Bạn bộ đồ xinh mà hồng biết tiếng Tây.

Đồ xinh tức là « xinh-tô » (paletot).

Nói chi đến áo đầm, giày cao gót, phấn son, áo lót quần lót của đàn bà. Thời ấy, phụ-nữ theo giới trung-lưu thích xài dầu dừa. Ai mặc áo rằn-ri thì bị liệt vào hạng dĩ điếm « có ba rằn-ri ». Bây giờ đây, gái gánh nước mặc áo đầm dạo phố và kẻ lông mày tô son theo sắc diện của nữ-hoàng Monaco, của minh-tinh Brigitte Bardot. Rượu « xăm-banh » còn giữ địa-vị riêng nhưng sữa bò, rượu mạnh, lave, bơ, phó-mách đã phổ-biến quá mức rồi, đến đôi chân-chê.

Ngược lại, cá lóc nướng trui, mắm lòng, cá rô chiên, nước mắm hòn (hòn Phú-Quốc, hòn Sơn-Rái) trở thành xa-xi-phẩm.

Sách báo cũng thế.

Quý bạn độc-giả tuổi trên 40 hẳn còn nhớ lại cái thuở học-trò của mình để so-sánh với học-trò thời nay. Thuở ấy, sắm viết máy Kaolo đã là xa-xi-phẩm, tiểu-thuyết Tự-Lực Văn-Đoàn, Phổ-Thông Bản Nguyệt-san, Tiểu-Thuyết Thứ-Bảy, báo Mai, báo Tân-Văn, báo Lục-Tĩnh Tân-Văn thật khó kiếm. Ở tỉnh-ly mà trong nhà có Phổ-Thông Bản Nguyệt-San đã là sang-trọng lắm rồi, nói chi đến Nam-Phong.

Tất cả đều trở thành món hàng. Người sản-xuất hàng-hóa, từ Âu-Mỹ, tìm cách tung ra thị-trường những món hàng mới để mọi người, đông chừng nào tốt chừng nấy, xung phong... tiêu-thụ dùm. Các bạn trai gái, già trẻ đều có thể tạo cho mình một hình-thức trưởng-già, qui-tộc tùy theo túi tiền. Hàng-hóa sản-xuất ra nhiều, sản-xuất mãi mãi. Mỗi người đều trở thành một tiêu-thụ-viên (consommateur) tự-nguyện và bất-đắc-dĩ để theo kịp thiên-hạ. Vì như trên đã nói, với mọi túi tiền, ai cũng tìm được món ăn vật-chất và tinh-thần.

Máy in, giấy, mực đen, mực màu được sản-xuất nhiều từ các nước kỹ-nghệ mở-mang, đem sang nước ta. Như vậy là « kỹ-nghệ sách báo » được phát-triển, trên cơ-sở vật-chất sẵn có. Và khi sách báo ra quá nhiều thì số thi-sĩ, văn-sĩ, nhà khảo-cứu cũng tùy theo đó mà lạm-phát, tha-hồ sáng-tác, tha-hồ suy-tôn. Chúng tôi nhớ có một đạo, vài nhà phê-bình đã căn-cứ theo hơi-hướm của từng ngòi bút mà phong địa-vị văn-sĩ Xoài giống như Marcel Proust, nữ sĩ Mit như Françoise Sagan.

Sách báo muốn sống được, muốn cạnh-tranh trên thị-trường thì cần được bán nhiều, càng nhiều càng hay. Muốn bán được nhiều, còn gì tốt cho bằng nhà sản-xuất cứ theo con đường kinh-doanh đã có sẵn từ Âu-Mỹ : giúp món ăn tinh-thần cho mỗi người có cảm-giác rằng mình là... trưởng-giả, ăn không ngời rồi. Chị nấu bếp tha-hồ hòa tâm-hồn vào đời tình-ái của nữ-hoàng Soraya hoặc công-chúa Margaret. Anh phu xích-lô, lúc rảnh-rang, nằm bên gốc me tha-hồ qua núi Phú-Sĩ, ngắm tuyết và hoa anh đào. Những mối tình tan-vỡ đều lần lần được hàn gắn nhờ bàn tay nhiệm-mầu của tiểu-thuyết-gia. Cô gái giặt lụa, bán hàng rong lắm khi trở-thành một bà chủ xuất-nhập-cảng qua bao nhiêu đờ võ rồi hàn gắn « xây dựng » về đường tình ái.

Tóm lại, tuy là chuyện dài, chuyện thật đời người nhưng nó không có dính-dáng gì đến đời, đến tình-hình chánh-trị cả. Người đọc-giả nhàn-rỗi này không ưa chánh-trị. Tuy là chuyện ngắn mới nhứt, đăng tải trên số báo mới ra lò nóng hổi, màu sắc tân-kỳ nhứt nhưng nó không khác gì truyện ngắn, hồi 25 năm về trước, hoặc truyện ngắn tâm-tinh ở Ba-Lê, Luân-Đôn. Mời mà cũ, đời mà không đời. Mua vui một vài trống canh.

Còn loại sách khảo-cứu ?

Chúng tôi xin thưa : nó có công-dụng riêng để trau-đồi học-vấn để chưng-bày trong tủ sách gia-đình, để làm

tài-liệu ăn nói khi gặp bạn-bè, khi hành-nghề, tùy người, tùy cảnh.

Mỗi người đứng ở nhiều tư thế, tùy hoàn-cảnh. Ở nhà, ông x và bà y đóng vai vợ chồng, cha mẹ để điều-khiển đàn con. Ra đường, ông hay bà ấy lại đóng vai người đứng-dẫn, có giáo-duc, dư ăn dư mặc. Các cậu các cô còn trẻ thì ưa đóng vai « con nhà giàu, học giỏi, thả phây phây ngoài phố rồi về nhà cũng có cơm ăn ». Các ông các bà khi vào quán sang-trọng thì đóng vai người đứng-dẫn, ăn cho vui, không hấp-tấp. Khi nhậu rượu, lại có vai trò của khách hào-hoa phong-nhã. Và khi rầy tới-tớ, khi nói chuyện làm ăn với nhân-viên tùy-thuộc thì ra vẻ một bạo-chúa, một nhà kinh-doanh... lạnh như tiền. Lẽ dĩ-nhiên, khi muốn làm chánh-khách thì lại nói đến... con HỒNG cháu Lạc.



Bởi vậy, theo ý chúng tôi, trước hiện-trạng sách báo tuy ồ-ạt trên thị-trường, chúng ta nên vững lòng tin.

Loại sách báo thiên về vuốt-ve tình-cảm với những câu chuyện nửa hư nửa thật (gọi là tình-cảm gia-đình xã-hội hoặc... tranh-đấu), loại sách phiêu-lưu, kiếm-hiệp, ma-quái đang chiếm phần ưu-thế, bán chạy, đó là sự thật. Chúng ta không nên buồn-bực hoặc tìm cách loại-trừ. Làm sao loại-trừ được ? Tìm cách loại-trừ tức là làm chuyện điên-rồ. Bên các nước Âu-Mỹ, loại sách này càng ngày càng bán chạy, bán nhiều gấp trăm lần loại tiểu-thuyết có luận-đề, có nội-dung triết-học.

Đó là loại kẹo ngọt, loại bông hường bằng ny-lon, loại... ba món ăn chơi. Độc-giả tiêu-thụ hấp-tấp, đọc để tìm hiểu cốt chuyện, không câu-nệ về cách hành-văn hoặc chính-tả, cách chấm câu. Đọc rồi là họ quên ngay, quên cả tựa quyền sách và đôi khi họ chỉ nhớ mang-máng tên tác-giả. Họ bỏ quên quyền sách, sẵn-sàng « bán ve chai » (vì vậy mà loại sách này được cho mượn, lắm người dư ăn dư mặc

mà cứ mượn sách. Họ xem đó là vật phù-du). Hơn nữa, họ đọc để giải-khuây, quên cuộc tranh sống mà họ phải tham-gia trong vài giờ sắp tới. Đời họ đã gặp quá nhiều cay-dắng, gặp nạn thất-nghiệp hoặc con túng bần không lối thoát. Còn gì ngây thơ cho bằng khi chúng ta nhận-xét : hang độc-giả này chỉ ăn không ngồi rồi. Sự thật lắm khi đảo ngược lại : kẻ ham-mê quốc-hồn quốc-túy theo lối thủ-cựu mới là ăn không ngồi rồi, bàn-bạc quốc-hồn lúc trà dư tửu hậu.

Không nên căn cứ vào tiểu-thuyết, truyện ngắn đăng trong nhật báo, tuần báo (loại bán chạy) để khóc lóc, kêu than : văn-hóa đã suy đồi. Muốn hiểu văn-hóa có suy-đồi hay không, tiểu-thuyết có tiến hay thụt lùi thì tốt hơn nên đọc loại tiểu-thuyết in thành sách, loại văn-tập do vài tác-giả nào đó sáng-tác chủ-trương. Muốn tìm bạn thân thì nên gõ đúng cửa.

Trẻ con thích đọc sách phiêu-lưu, thần-thoại. Đó là năng-khiếu trời sanh. Chúng nó đọc qua loa đề theo dõi cốt truyện, tìm niềm vui, phút nguy-hiêm, sự biến-hóa ly-kỳ. Bắt buộc trẻ con đọc loại sách luân-lý khô-khan (thiếu tánh chất phiêu-lưu thần-thoại) tức là uốn mẫn như uốn cây tre già. Đốt lửa quá nhiều thì coi chừng mẫn héo.

Đọc sách là sở-thích riêng, từng người. Nhiều người không ưa đọc sách nhưng thích xem tranh, đánh đàn. Nhiều người sành văn thơ nhưng dốt về hội-họa, phim ảnh. Thiết-tưởng chúng ta không nên đánh giá quá thấp những người không đọc sách.

Nói chung, loại sách báo bán chạy, xây-dựng hạnh-phúc, mơ-hồ mà đa-số phụ-nữ ưa thích đều có hậu. Kẻ gian-ác rốt cuộc rồi thì bị hại hoặc gặp bão. Người hiền lành rốt cuộc được sung-sướng... nhờ sự tinh-cờ. Tuổing cải-lương sống dai nhờ nắm vững nguyên-tắc thiện ác đảo đầu chung hữu báo nói trên. Nguyên-tắc ấy cần được đào sâu, áp-dụng tinh-vi hơn.

SƠN-NAM

Một nho-sĩ miền Nam :



CỤ LÊ LƯƠNG-TRI

(1893 - 1963)

NGUYỄN-VĂN-Y viết

(TIẾP THEO)

TÂM TÍNH

Trong một bài thơ thất-ngôn bát-cú, cụ Lê Lương-Tri có làm hai câu kết như sau :

« Tự lấy lương-tri tìm lẽ đạo,
Lương-tri ngoài nữa học đi gì ? »

Ý hai câu ấy lấy ở câu nói của Vương Dương-Minh, một Nho-gia cự-phách đời Minh :

« Ngoài cái lương-tri ra, không cái gì đáng biết ; ngoài trí-tri ra, không cái gì là học ; ngoài lương-tri để cầu biết, là sự biết tà vọng ; ngoài trí-tri để cầu học là học về dị-doan ».

Mấy câu thơ trên đã cho ta thấy rõ phần nào tại sao cụ chọn bút-hiệu Lương-Tri. Xét lại cuộc đời cụ, chúng tôi thấy quả thật cụ không hổ với bút hiệu ấy chút nào.

Có người đọc qua tiểu-sử, thấy cụ đã có lần ra làm làng với chức Thôn-trưởng, chưa hề có hành-động nào tích-cực chống thực-dân Pháp thì tỏ vẻ hoài-nghi tác-phong đạo-đức của cụ và vội cho rằng cụ chỉ là một nho-sĩ tầm-thường, không có tâm-chi tốt đẹp.

Sự thật, cụ ra làm làng không phải để « vinh thân phì gia », để « sâu dân một nước » như bao nhiêu kẻ vị-kỷ khác trong thời Pháp-thuộc. Cụ đã từng nói với con cháu và những người thân-thích rằng : « Ta ra làm Thôn-trưởng chỉ là việc trả nợ sưu-dịch trong hai năm, để cho bọn thế-lực trong làng trong xã không làm khó dễ đến gia-đình ta mà thôi ? » Bởi vậy sau hai năm làm làng, cụ từ-chức về làm ruộng, không hề cộng-tác với thực-dân lần nào nữa. Đức-liêm-khiết ngay thẳng của cụ đã được dân làng kính mến, đến đổi sau khi cụ thôi làm làng, dân chúng còn ước mong cụ tiếp-tục ra làm việc công. Trong khi còn làm Thôn-trưởng cụ không bao giờ có thái-độ hách-dịch đối với hạng chon lăm tay bùn, luôn luôn dễ-dãi với mọi người đến đóng thuế và mỗi khi dư một đồng xu cụ cũng trả lại cho dân, không chịu vơ-vét làm của riêng.

Đoạn văn sau đây trích trong « Lê-gia thế phở » đã cho ta thấy rõ tấm lòng liêm-khiết nhân-tử của cụ như thế nào :

«... riêng chi tộc ta không có người hiển-đạt vị-thứ trong đời Pháp-thuộc. Tưởng cũng là điều hạnh-phúc cho ta sau này. Vì ta thấy kẻ quyền quý trong thời ấy phần nhiều hà lạm, mất cả liêm-khiết, lại có người ỷ thế sử oai ; rồi những con cháu của ông cha ấy vẫn đặt mình là dòng-dõi kim-chi ngọc-diệp, lên mặt cao cả kiêu-căng, không lo học-hành, không tập nghề-nghiệp, lại nhiễm đủ thói hư nết xấu, quyền oai của ông cha đã hết, thì sự-nghiệp gia-đình hào-phú kia cũng mất theo, vì kiêu-căng xa-xỉ đã quen. Lại không biết nghề gì lương-thiện để mưu-sanh, thì đâm ra làm những việc gian-trá lừa lặn, và các chuyện tồi phong bại tục ».

Qua lời nói cũng như việc làm, cụ đã chứng-tỏ cho ta thấy cụ không phải là kẻ thiếu lòng thương dân thương nước, mặc dù trong đời đã có lần lãnh chức Thôn-trưởng giữ nhiệm-vụ thu thuế. Nếu có ai còn ngờ-vực tâm-hồn cao-khiết ấy, chúng tôi xin dẫn-chứng một chuyện sau đây :

Nhà văn Hồ-Biểu-Chánh, tức Đốc-phủ-sứ Hồ-văn-Trung, một người từng làm lợi cho chánh-sách thực-dân trên đất nước này, cõ làm một bài thơ tựa là « Đi chiến-thuyền trông về quê cảm-tác » như sau :

*« Chiến thuyền vượt biển gió hiu hiu,
Cùng bạn hoang-mang luận đủ điều.
Trước mặt nước xanh phơi chí cả,
Quanh mình sóng bạc giồn trời chiều.
Thị-phi cười trẻ giành khôn dại,
Nhơn-nghĩa riêng ta giữ ít nhiều.
Quê cũ trông vời còn lý-thú,
Tấm lòng thơ-thời, tri tiêu-diêu ».*

Nội-dung bài thơ ấy cho thấy cái tâm-địa không mấy tốt đẹp của viên quan họ Hồ. Ông ta đánh « thơ thời », « tiêu diêu » một mình trong lúc muôn vạn thẳng dân Việt-Nam còn đang quẫn-quai trong cảnh nô-lệ lầm-than. Vậy mà ông ta cũng tự cho mình là kẻ giữ được ít nhiều nhơn-nghĩa, nghĩ cũng nực cười !

Cụ Lê Lương-Tri không bằng lòng thái-độ thản-nhiên, hưởng-thụ hoan-lạc một mình của người trí-thức đồng-hương mà thiếu lòng thương nước mến dân như vậy, cho nên cụ đã làm ngay một bài họa lại :

*« Nhà quê tình-cảnh luống buồn hiu,
Ngồi nghĩ vu-vơ nghĩ lắm điều.
Đồng chày đã kinh cơn nắng sớm,
Cây khô khôn đợi đám mưa chiều.
Ấm no vui-vẻ điềm còn ít,
Rách rưới lầm-than thấy đã nhiều.
Cùng sống chung nhau trong xứ sở,
Riêng mình không nở tự tiêu-diêu ».*

Ở trên bài thơ họa vận ấy cụ còn viết mấy hàng mai-mĩa gần xa :

« Họa bài của cụ HỒ-văn-Trung nhơn đi tàu chiến (1) ở Cap về ngõ Tân-phước Tân-thành (2), ngài có cảm-hứng. Nhưng mình đâu có đi biển mà có cảm, vậy ở nhà quê đương lúc nắng hạn mạ chết, họ giao ruộng, buồn quá, nên lấy cảnh nhà quê của mình mà họa lại văn của ngài ».

Thiệt-tưởng chúng tôi khỏi cần giải-nghĩa dài dòng, độc-giả chắc đều nhận thấy cái ý-từ sâu xa bóng gió của tám câu thơ ấy. Bấy nhiêu đó chẳng đủ cho ta nhận ra cụ là một người nặng lòng thương dân sao? Trong nhiều bài thơ khác, tấm lòng thương dân mến nước của cụ cũng hiện ra rõ lắm. Chúng tôi xin chép lại một bài đường-luật mà đầu đề mượn ở hai câu ca-đao « Nhiều điều phú lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng » :

*« Giá gương còn phủ nhiều điều thay,
Hướng một non sông một giống loài.
Kết mối đồng-tâm chung góp sức,
Nối dây đoàn thể xúm nghiêng vai.
Da vàng Hồng-lạc còn xinh sắc,
Máu đỏ Rồng tiên há dợt phai.
Giúp-đỡ chung nhau con hoạn-nạn,
Nam, Trung, Bắc, cõi Việt-bang này ».*

Theo lời nhiều vị bô-lão hiện còn sống, vốn là bạn thơ của cụ Lê Lương-Tri, thì cụ là người khiêm-tốn điềm-dạm trong những buổi họp mặt của các hội-viên trong Tao-đàn Gò-Công, cụ không hay nói nhiều như phần đông các vị khác.

Từ đời thân-phụ cụ cho đến đời cụ, gia-đình cụ nổi tiếng là hiếu-khách (3). Thường có nhiều văn-nhơn thi-sĩ

(1) Đó là chiếc Dumont-Duroville của Pháp.

(2) Hai làng thuộc tỉnh Gò-Công.

(3) Cái truyền-thống hiếu-khách tốt đẹp ấy cho đến bây giờ người con trưởng-nam của cụ cũng vẫn còn giữ được. Nhân tiện, chúng tôi xin tỏ lòng tri ân ông Lê-văn-Triệu, người đã tiếp-đãi chúng tôi trong lần gặp-gỡ đầu tiên với tất cả cảm-tình nồng-hậu chân-thật và giúp cho chúng tôi đầy-đủ tài-liệu để viết bài này.

đến ở nhà cụ vài ba hôm để cùng nhau bàn-luận văn-chương xướng-họa thi-văn. Tỉnh-thoảng nhiều nhà cách-mạng Việt-Nam từ miền Bắc, miền Trung trốn lười tập-nã của thực-dân Pháp đến trú-ngụ, ẩn thân ở nhà cụ. Cụ không từ-chối một ai, dù già dù trẻ, miễn là những người đến ăn ở trong nhà cụ phải là những người ưa chuộng văn-chương hay có chút lòng thương nòi thương giống, dám xả thân vì dân-tộc.

Đối với láng giềng, bạn-bè, thân-nhích, cụ bao giờ cũng giữ tấm lòng trung-hậu, ngay-thẳng nên ai cũng có dạ kính yêu. Vốn là con nhà Nho, am hiểu đạo làm người theo luân-lý Khổng-Mạnh, cho nên đối với cha mẹ cụ tỏ ra là người con hiếu-thảo. Nhưng cụ không bao giờ vô-ngực tự cho mình là người hoàn-toàn chí hiếu, khoe-khoang trên đầu môi chót lưỡi như những kẻ đạo-đức giả. Trong « Lê gia thế-phổ », cụ đã viết :

« Ta tự xét làm con đối với cha mẹ vẫn không khỏi điều lỗi lầm, làm cho cha mẹ phải giận. Nhưng không đến điều gì ngộ-nghịch, làm cho cha mẹ phải rầu buồn ».

Đối với cụ, những ai sống phi luân-lý đều bị cụ chỉ-trích, xa lánh dù người đó, ở trong cương-vị nào cũng mặc. Chính vì vậy mà trong bài thơ họa « Điều-Thuyền vu quy » (1), cụ tỏ ý chê Đồng-Trác. Cụ cho Đồng-Trác cư-xử không đúng với đạo làm cha, nên cụ gọi họ Đồng là « đờn cha ». Nhiều bạn-bè của cụ đề-nghị chữa lại là « lão cha » cho có lễ-độ hơn. Cụ từ-chối và nói rằng : « Cha mà hành-động vô luân như Đồng-Trác, đi cướp vợ của con, đâu đáng gọi là cha. Đó chỉ là « đờn » làm bại-hoại luân-thường đạo-lý mà thôi ! »

Chúng tôi xin chép lại nguyên-văn bài thơ ấy như dưới đây :

(1) Bài thơ xướng của Ông cò-mi Chàng.

« Ngọc chuốt vàng trau đẹp chói lòa,
 Điêu-Thuyền kia lúc khoác màn ra.
 Nghiêng vai với Đồng (1), Tiên cầm-hận,
 Liếc mắt cùng Tiên (2), Đồng ngả sa.
 On nước nợ nhà liều nát ngọc,
 Thù cha oán chúa sá tàn-hoa.
 Dem con sòng sắc chôn loài nịnh,
 Mượn sức thẳng con giết đũa cha ».

Trong số những nhà Nho miền Nam còn sót lại ở khoảng đầu thế-kỷ 20, cụ Lê Lương-Tri xứng-dáng tiêu-biểu cho hạng Nho-sĩ có học-thức, có khí-tiết còn giữ được trong mạch máu cái truyền-thống tốt đẹp của con người Á-Đông xuất-thân nơi cửa Khổng sân Trình. Tính-tình, tư-trởng và hành-động của cụ hơn 70 năm sống trên cõi đời này đã để lại cho bọn hậu-sinh chúng ta một tấm gương sáng mà những ai muốn nối tiếp cái dĩ-vãng tốt đẹp của giống nòi không thể không biết đến được.

(KỶ TÓI : Sở học và tác-phẩm của cụ Lê Lương-Tri)

NGUYỄN VĂN-Y

(1) Đồng-Trác.

(2) Lữ-phụng-Tiên, tức Lữ-Bổ.

HÃNG HIỆP - HÒA

393, đại lộ Trần Hưng Đạo, Saigon

Điện-thoại : 24.447

Chuyên bán vật liệu xây cất

Ciment. Ván ép. Giấy ép. Formica. Fibro-ciment
 Gỗ xẻ.

CAM-TƯƠNG CỦA MỘT NGƯỜI HAM SÁCH

Câu chuyện bắt quàng từ tác-phẩm của cụ Đồ Chiểu đến đĩa « Mớ Rận »

Của VƯƠNG HỒNG-SÈN

Về tác-phẩm cụ Đồ Chiểu, người đời nay khai-thác đã nhiều. Tôi chậm-lục có tiếng, mới biết góp gì vào tập Đồng-Nai kỷ-niệm Cụ Đồ ? Thôi thì xin bàn chút về cảm-tưởng của một người ham sách.

Trong các bản Lục-Vân-Tiên tôi được biết, in từ xưa đến nay và từ Paris trải qua Saigon lên Hà-nội rồi Huế, tôi ngót quá vì sao nhiều thế ? Nếu Cụ Đồ sống lại, cũng phân-vấn không biết câu văn nào của mình tìm được năm xưa. Bây giờ đếm thử có trên hai mươi bản, tôi không dám chê bản nào vì đã mang danh là con một sách, bản nào là không phải « giấy ăn được » ? Duy khi giữ lại vào tủ, thì còn lại năm ba sẽ kê sau đây cũng đã chật rồi. Mỗi bản, xét lại đều có chỗ hay riêng, nhứt là về phần chú-thích, không thể lấy ra so-sánh và quả-quyết bản nào xài được, bản nào quá dư. Các bản gộp lại đều hữu-ích cho người ham chơi sách, đừng nói khi nghiên-cứu thì các bản bổ-túc cho nhau, khá đến. Nếu chớ tôi tỷ-dụ, tôi sẽ nói không khác nào hiện nay, ta chưa có một bộ tự-diễn V.N. thống-nhứt, hoàn-toàn, thì các bộ dic-xio-ne cũ đều cần phải có trong nhà. Ai có tiền dư mua sắm được còn hơn sắm vàng y Kim-Tin. Vừa

chung rôm nhà thêm được không sợ bao giờ bị phá giá. Những khi ngồi rỗi, rảnh-rang, tôi lại thích ôm ra, đổi chỗ, nhìn ngắm và rờ rẫm như khi còn « chì mó » con bài mặt-chuộc. Tôi mân-mê mà không đọc chữ nào. Tôi ước-ao sau này sẽ có người biết chơi sách, sẽ có sáng-kiến xuất-bản giùm tôi hai bộ Lục-Vân-Tiên đặc-sắc :

Một bộ *in thật đẹp, nhưng không cần chú-thích*, miễn sao chữ cho thật hết sức sắc-sảo cho đừng xốn mắt già, giấy vừa nhẹ cầm trên tay không mỏi, vừa vui mắt với mấy lần mây lộng dưới hàng mực rõ, để mỗi khi nằm võng, sẽ ngân-nga ca-kệ nhớ cảnh Cụ Đồ tìm vần đọc lại cho học-trò chép ; bản này như đã nói chỉ in đủ các câu lục-bát L.V.T. để mọi người tự mình đọc và hướng-dẫn lấy mình theo sức học, biết L.V.T. theo trí nhớ ên, bản sách in chỉ có đề nhắc chừng mình thôi. Tiếp theo đó sẽ nhớ xuất-bản một bộ *L.V.T. cho thật đầy-đủ, phần trên* lựa nguyên-văn một bản tỹ-dụ bản in Trương-vĩnh-Kỷ lúc Cụ Đồ còn sanh tiền, và đến bản in thống-nhứt L.V.T. này thì đừng tiếc tiền, phải sưu-tập đủ các bản cũ có lương-tâm rồi tuyển người có học-thức và kinh-nghiem làm việc này là *phần dưới* in nhiều kiểu chữ, đủ các câu văn mỗi bản và đủ câu chú-thích, luôn cả những điển-tích, cũng chép luôn cho thật đừng sơ-sốt, những dị-bản biến-văn (Pháp gọi variantes) có chú-dẫn kỹ của các bản Nam-Trung-Bắc, cần nhắc và nêu rõ câu nào dám chắc gần nguyên-văn.Cụ Đồ, câu nào là của các cha « sửa mũ mấn » hay giỏi hơn tác-giả nên đã thêm thắc thì là cà-cuống, quẻ-đổ, mắu tòm vào văn Cụ Đồ.

Hiện nay chưa có bản đẹp cho người chơi sách và bản riêng cho người nghiên-cứu, hiện nay khi phải tra-tầm thì bắt-chấp bản nào, đều nên cầu-cứu và thận-trọng không khác việc tra-cứu những tự-vị tự-diễn có sẵn. Tôi biết dư đề bụng là rất nhiều bản L.V.T. cũng như rất nhiều bộ dictionnaire, vẫn là cộp chép các bản in cũ và tôi cũng đã có rồi, nhưng thú thật mỗi khi có dịp xuống Sài-

Gòn và đi ngang hàng sách, đồng tiền hư-tỷ-lệ thì không đủ điểm-tám hằng ngày, tiền chợ ngày mai cũng cạn, nhưng mấy xấp bạc của thằng bạn quá tin giữ-giùm, sao nó cứ muốn chạy qua tú kết của cô bán sách, những khi ấy nếu có ai giỏi bắt mạch tôi, sẽ thấy bộ-tướng tôi di-kỳ, mắt lé tay run, chơn bước không vững, và những khi ấy tôi thường tự bào-chữa ên là đề-phòng vọp bẻ, chuột rút, tôi đã chun tót vào hàng sách, dẫu không tiền mua cũng được ngắm, ngắm cho thỏa lòng « đề sách », vì cái tuổi đôi mươi ngắm hoa biết nói đã qua rồi !

1.— Kể về Lục-vân-Tiên tôi đã có rồi, thì đây là những bản gặt máu :

Les poèmes de l'Annam

LỤC-VÂN-TIÊN

ca diễn

Texte en caractères figuratifs

Transcription en caractères latins et traduction

par

ABEL DES MICHELS

Professeur à l'école des langues orientales vivantes
Paris

Ernest Leroux, éditeur

Libraire de la Société Asiatique

de l'École des langues orientales vivantes, etc.

28, rue Bonaparte, 28

1883

sách cỡ 18 × 27, gồm phần trước 305 trang in bản L.V.T. và đối chiếu in bản dịch ra Pháp-văn, và phần sau 85 trang in lại bản nôm L.V.T., do nhà khắc bản vienne.— Typ. Adolphe Holzhausen, imprimeur de la Cour I. R. et de l'Université.

Cũng nên nói luôn, đồng một lượt với bản Lục-vân-Tiên này, Ông Abel des Michels lại có phiên-dịch và in ra luôn những bộ sau đây :

a) *Kim-Vân-Kiều tân truyện* (1884) gồm 299 trang in chữ quốc-ngữ và chữ Pháp, và 165 trang chữ nôm (theo bản này có ghi, có cả thấy 3255 câu Kiều).

b) *Tam-tự-kinh* (livre des phrases de trois caractères) (1882) gồm 271 trang, chưa kể phần chú-thích đánh số riêng.

c) *Les six intonations chez les Annamites*, 1869.

d) *Chữ Nôm Annam. Petit dictionnaire pratique à l'usage du cours d'annamite*, 1877.

e) Đại-Nam quốc-sử diễn-ca } *rao soạn gần xong*
f) Thạch-Sanh Lý-Thông thơ } *nhưng như không*
g) Chuyện đời xưa } *thấy xuất-bản.*

Trở lại bản *Lục-vân-Tiên* này được thêm cái quí lạ là bìa đóng cũ kỹ nọí gáy in 1883, tức đóng cùng một năm xuất-bản, Pháp gọi « reliure de l'époque », nếu chơi sách gàn như tôi thì tu-bổ giữ-gìn chớ không nên đóng lại mới.

Phần chữ nôm này có giá-trị nhiều cho việc tra-tầm khảo-cứu vì tương-đối đây là bản in lúc Cụ Đờ còn sanh tiền. Trong bài tựa bản này, có nhắc công-phu của Abel des Michels phải nhờ sức Ông Trần Nguơn-Hanh dịch từ bản Pháp-văn *Lục-vân-Tiên* của học-giả Janneaux ra chữ nôm để tiện cho hai người làm việc đối chiếu và kiểm những chỗ sai-lạc đối với nguyên-văn. Ông Trần Nguơn-Hanh là ai ? Xin thưa đó là một học-giả miền Nam, lối 1883 người Pháp tuyển qua Paris cho làm giảng-sư ở Trường « sinh-ngữ Đông-Phương » (Écoles des langues orientales vivantes) sau này nhờ ở Pháp ông học thêm rồi đậu tẩn-sĩ luật về mở văn-phòng làm ông trạng-sư đầu tiên tại Sài-Gòn, nhưng tiếc thay vào thời ấy, ông không có thân-chủ nhiều, vì chung đồng-bào tạ từ xưa cho đến thuở nào vẫn ưa xài « đũa tở » hay « đồ Tây » và không thích mấy đồ lô-canh bản-xứ. Ngộ nhưt, buồn cười nhưt là bản L.V.T. đã tam sao thất bản từ năm 1864 lối đó, vì Janneaux nghe đọc *Lục-Vân-Tiên* mà chép lại

hay mượn người sao chép bản nôm *Lục-vân-Tiên*, chớ làm sao có được bản chữ chép tay của Cụ Đờ là người đã mù lòa thêm điếc nặng từ lâu. Cụ Đờ không viết ên chữ nào và nguyên-văn *Lục-vân-Tiên* không khi nào có. Có thể nói bản nôm in kèm bộ 1883 của Abel des Michels là có thể tin cậy nhiều nhưt, vì sao chép trong buổi sinh thời Cụ Đờ, do một túc-nho thuở ấy làm việc dưới quyền coi sóc của học-giả Trương-Vĩnh-Ký là người đã gởi cho ông Abel des Michels thêm được một học-giả khác là ông Trần Nguơn-Hanh ở tại Paris phụ-lực giúp đọc những chữ khó hiểu trong bản chép tay kia và Ông Trương-Vĩnh-Ký là người từng thấy nhiều bản L.V.T. chép tay hơn ai hết cả.

Ông Abel des Michels vào thuở ấy làm việc một cách hết sức khoa-học và có phương-pháp hẳn-hoi. Trong tay ông có đến ba bản L. V. T. để đối- chiếu.

— Một bản chép tay chữ nôm của Ông có sẵn, nhưng theo ông bản này chứa nhiều sai lầm và ông không mấy tin lắm, vì có lẽ không phải do chánh gốc của Cụ Đờ trao ra.

— Một bản L.V.T. mộc bản, chữ nôm, nhưng theo ông cũng chưa đúng nguyên-văn của Cụ Đờ.

— Một bản-dịch ngược từ Pháp-văn trở lại Việt-văn, như đã nói do Ông Trần Nguơn-Hanh đổi từ chữ Pháp ra tiếng nôm để dò cho biết học-giả Janneaux đã dịch sát ý Cụ Đờ cùng chăng. Sở-dĩ dựa theo bản Janneaux vì ông này từng làm quan bên nước Nam, từng biết Cụ Đờ. Tôi lại biết bản *Lục-vân-Tiên* do Abel des Michels dịch này, có phần phụ sức của học-giả Trương-Vĩnh-Ký coi lại từ Sài-Gòn nên có phần kể gần nguyên-văn Cụ Đờ hơn các bản khác.

Trong bản Abel des Michels, tr. 2, tôi thấy rõ-ràng chép:

Hỡi ai ! Lắng-lặng mà nghe !

Giữ răn việc trước, lánh dè thân sau !

Ô vous, qui que vous soyiez, faites silence, écoutez !
Tirez du passé ses enseignements, pour éviter les malheurs
de l'avenir !

Trong bản Tân-Việt Sài-Gòn, in lần thứ ba, thấy ghi
rằng sửa đúng theo bản của Ông Trương-Vĩnh-Ký in năm
1889 (Cụ Đồ đã mất năm 1888) thì lại chép :

Hỡi ai lắng-lắng mà nghe,

Dữ răn việc trước, LÁNH dè thân sau (2)

dưới có câu chú-thích y như vậy :

(2) Câu này vẫn có nhiều bản L.V.T. chép là :

« Mà răn... lãnh... sau »

Câu « Dữ... lãnh... » này e do người sau đã thiên tiện
sửa-đổi rõ-ràng. Vì mạch-lạc của câu không xuôi, mặc
dẫu muốn cho nghĩa-lý « rườm » hơn. Dữ (thì) răn việc
trước (đã trót làm) (còn kể ăn ở) lãnh (thì cũng nên xem
đó) dè (đặt) thân sau (tức là cái ta sẽ tới, cũng như thân
trước là cái ta đã trải qua). Tuy nhiên, xét một lẽ cụ Đồ
Chiều mù, đặt thềm rồi đọc ra cho các học-trò chép,
trong khi đặt đề, có lẽ Cụ đã có hứng văn xuôi mạch, nên
đọc trơn-tru :

« mà nghe,

« Mà răn việc trước lãnh dè thân sau.

Hai chữ *mà*, một câu ở trên, một câu ở dưới, làm
cho câu thơ xuôi mạch thuận dòng tư-tưởng. Vậy mới
thuận-lý. Còn câu : « Dữ... lãnh... » rõ ra có vẻ tiểu-xảo quá,
ắt hẳn có bản tay người khác nhúng vào, nhưng sửa mà
không hay hơn, lại cắt đứt mạch văn ! Có bản lại chép :
giữ... lãnh...

Chữ giữ lại càng yếu, cũng cắt đứt mạch ! nên tầy !

(*Lục-vân-Tiên Tân-Việt, tr. 16*)

Thiệt nghe mà mệt và ngã lòng quá : Hỡi văn Corneille,
Victor Hugo, Racine, từ Anh, Tàu, Mỹ, Nhật, có ai dám
xen vô sửa đổi chữ nào ? Tại sao văn Cụ Đồ cách nay

chưa hơn trăm năm, văn cụ Tiên-Điền cũng vậy, mà nhiều
tây « sửa mũ mấn » quá !

Muốn viết sao thì viết, muốn đọc sao thì đọc, muốn
in sao thì in !

2.— Một bản L.V.T. khác nữa là bản do Eugène
Bajot dịch ra thơ tự-do Pháp :

Histoire du Grand Lettré Louc Vian Té-ian

Poème populaire annamite

Traduction libre en vers français par Eug. Bajot

Paris Challanel Ainée, éditeur

Librairie Coloniale, 5 Rue Jacob et 2 rue Furstenberg

1887

Sách dày 230 trang, khổ 13×20. Dịch văn nôm L.V.T.
ra văn xuôi Pháp không mà thôi, còn e dịch không hết ý,
huống hồ dịch bằng lối thơ tự do, thảo nào ngày nay bản
này chỉ là loại sách để lờ tay chơi sách hiệu kỳ.

3.— Bản thứ ba L.V.T. tôi có khác, là sách cho, sách
tặng không tốn một xu mua, mà nay là sách khó sắm nhứt.
Đó là bản do nhà thuốc Tây G. Renoux xuất bản năm 1913
tại Sài-Gòn, khổ 15×23, sách dày 142 trang, bản thơ lục-
bát xen kẽ với những bài quảng-cáo thuốc tẩm chó đến
thuốc trị thận hư, lậu ké. Có in hình ngộ ngộ. Bản đầu do
nhà thuốc Renoux xuất-bản. Ông là kế-nghiệp của nhà
thuốc Holbé tức Ông được-sư sưu-tập gia nổi tiếng đã để
lại trọn-bộ sưu-tập của Ông cho viện bảo-tàng quốc-gia
ngày nay ở vườn Bách-Thảo Saigon — của đáng trăm triệu
năm 1927 Holbé mất, con cháu nhượng với giá bạc năm
1927 là 45.000 đồng. Bản này cũng có người gọi bản Lục-vân-
Tiên nhà thuốc Solirène, quên rằng lão Solirène là người
kế-nghiệp cho G. Renoux và nhà thuốc của họ xưa là lớn
nhứt, ở góc đường Tự-do ngay trước nhà Văn-Hóa và nhà
Continental, đó là tiệm kem Givral vậy. Bản này tôi quý
nhứt vì người coi ấn-hành có lẽ là một học-giả khiêm-
tốn thất thời giữ churn thư-ký cho hội Cổ-học Ấn-Hoa

(Société des Etudes Indochinoises) nếu tôi không lầm, đó là Ông Nguyễn-Hữu-Sanh từng xuất-bản nhiều bộ truyện Tàu đã làm tôi say-sưa từ nhỏ. Bản này càng quý vì của mẹ tôi để lại. Bản it sai nhưt.

4.— Bản thứ tư là Lục-vân-Tiên, Tân-Việt xuất-bản kỳ ba, 159 trang khổ giấy 14 × 21,5, có ghi rằng sửa-chữa đúng theo bản Trương-Vĩnh-Ký năm 1889. Tuy mua sắm mới đây nhưng tôi trân-trọng đặc-biệt vì Ba tôi đã từng dùng cuốn này nhiều năm trước khi từ-trần. Tôi ân-hận không được ở gần Ba tôi lúc sau này, chớ trước ngày lâm-chung Ba tôi thích đọc Lục-vân-Tiên là sách gối đầu nằm khi Ba tôi còn học chữ nho và chữ nôm với một ông Nhiều ở Sóc-trăng.

5.— Bản thứ 5 là bản Lục-vân-Tiên do Nghiêm-Liễn dịch ra Pháp-văn, có bài tựa cụ Ưng-Hòa Nguyễn-văn-Tổ và minh-họa của Nguyễn-Đình-Chi, sách dày 321 trang khổ 17,5 x 26, do Lê-văn-Tân Hà-Nội in năm 1927. Bản này có chứa nhiều câu không có trong các bản miền Nam và đây là một bằng-chứng văn Cụ Đồ đã bị các cụ Bắc chế-hóa. Bản Tân-Việt ghi Lục-vân-Tiên có 21 đoạn gồm 2076 câu. Bản Nghiêm-Liễn có cả thảy 321 trang, bớt phần dịch chữ Tây cũng dư bộn bộn những câu không phải nguyên-văn Cụ Đồ đặt và hồi đời đó, tác-giả không chia ra 21 đoạn nào cả và chỉ có những câu sáu tám kể tiếp nhau luông-tuông !

Ngoài năm bản Lục-vân-Tiên này ra, kể về tác-phẩm khác của Cụ Đồ, tôi lại có những « sách chơi » sau đây :

6.— Cuốn « *Nỗi lòng Đồ-Chiều* » (Tân-Việt có tái-bản), do Phan-văn-Hùm soạn. Sách dày 116 trang 14 x 20. Bản in Đỗ-Phương-Quế 1938. Cuốn này tình cờ tôi gặp tại Chợ Trội và mua năm chục bạc. Khi đem về nhà thì có gì vui bằng thấy trong sách nơi trang đầu có chữ ký và thủ bút của tác-giả để tặng một văn-sĩ khác :

« *Kính tặng ông bạn Bùi-Thế-Mỹ,
nhà văn lại là nhà ngôn luận có biệt tài.
Tinh thần ái của tác giả :*

HÙM».

Cái vui của nhà chơi sách là vậy. Bất ngờ mà gặp chữ viết và chữ ký của người mến-mộ xưa nay. Đố ai động được cuốn này với tôi bây giờ ?

7.— *Hạnh-Phúc* : Số đặc-biệt kỷ-niệm cụ Đồ. Tạp chí mang số 52 in ngày 16 Juin 1943 — Xuất-bản tại Saigon — 18 trang ; giấy đời Nhựt-Bồn đồ bộ Đông-Dương, màu hồng sậm, loại giấy gói đồ. Nhưng bản Hạnh-Phúc này đã khó kiếm lắm, chứa nhiều tài-liệu xác-đáng chứng tỏ người Nam đã biết ơn và tìm hiểu văn Cụ Đồ từ lâu.

8.— *Báo xuân Tây-Đô* .— Tạp kỷ-yếu Hội Khuyến-Học ở Cần-Thơ, 42 trang khổ 20 x 26, phát-hành năm Giáp-Thân (1944) giữa cơn khói lửa Đệ-nhi chiến-tranh. Sách thuộc loại khó kiếm đánh dấu công dày của nhóm thi-sĩ Thuần-Phong, Cát-sĩ, Dr Ngôn, vừa học thêm vừa vun-bồi văn-chương nước nhà nơi tỉnh sông trong nước ngọt Cần-Thơ — xứng danh Tây-Đô Nam-Việt.

9.— Ngoài ra còn nhiều bản con con, nay kiếm đồ mắt không ra, vì nhỏ bé nên không ai xem trọng, giả thử cho in lại cũng không tốn kém là bao, đó là :

Đơn Nguyệt-Nga kêu oan cho Bùi-Kiệm.— 7 trang cỡ 13 × 18, in lần nhưt tại nhà in de l'Union Nguyễn-văn-Cửa, Catinat, năm 1915, giá đề 0\$06. Tác-giả viết tên tắt là Đ.T.B. và Đ.T.S. Đ.T.S., tôi biết rồi, đó là Ông Đình-Thái-Son biệt hiệu là Phát-Toán, nhà xuất-bản kỳ-cựu trong Nam, nay kế-nghiệp là nhà in Nguyễn-văn-Viết đường Nguyễn-văn-Thinh. Còn Đ.T.B, tôi định là Ông Đăng-Thái-Bình, vì đây là bài về giọng giễu-cợt nên không đề tên đủ chữ.

10.— Cuốn thứ 10 loại hiếm có là :

Đơn Bùi-Kiệm kiện Võ Phi-Loan, cũng do hai ông Đ.T.B.

và Đ.T.S. xuất-bản. Sách 8 trang 13×18 — bản in kỹ nhưt của nhà de l'Union, năm 1915. — Giá bán sáu xu (0\$06). Sáu xu thời đó, nay nếu ló mặt ở chợ Trời, các cha chém mình mười lăm tỷ là ít! Nhơn-đạo lắm vì thi-hành câu chữ « Nhứt bỗn vạn lợi ».

11. — Cuốn thứ 11 là *Thơ Bùi-Kiệm dậm*, do Nguyễn-văn-Tròn xuất-bản. 7 trang khổ giấy 13×18.

Bản in kỹ nhì của nhà de l'Union, năm 1916.

Với bản Bùi-Kiệm dậm này (viết giặm phải hơn), tôi biết thêm được một chi-tiết quan-trọng của điệu hát Vọng-cổ trong Nam, vì « hát giặm như về Bùi-Kiệm » là một điệu nói bắt vần, theo tôi, biến chuyển từ giọng nói thơ lục-bát « Vân-Tiên » qua điệu ca vọng-cổ xưa vậy.

Theo tôi, ba tập nhỏ này: *Đơn Nguyệt-Nga kêu oan cho Bùi-Kiệm*, *đơn Bùi-Kiệm kiện Võ-Phi-Loan* và *thơ Bùi-Kiệm dậm* này, nếu đánh máy và in ronéo thì không mấy chốc. Nhưng kể về giá-trị trong thú chơi sách, tôi xem chúng quý hơn vàng, vì vàng tương-đối nhiều người có dư, đến như ba tập bé con này, ngoài tủ sách lão Vương-già, hỏi có ai còn tàng-trữ? Lại nhưt là những năm tân-cư 1945—1946, tôi bỏ nhà hoang ở Sóc-Trăng lên tạm ở Sài-Gòn, thế mà chừng trở về, sách vở vẫn còn đủ với những đồ xưa lữ-khữ, người đồn họ Vương có thần-tái giữ của, không lầm!

Với ba cuốn sách nhỏ này, tôi thấy tội xã-hội ta bất kính cổ-nhân không phải mới có đây, và xét lại những đĩ-tàn-thời chế-nhạo vua Đường Thế-Dân phát-nguyên cũng vì lòng dè nén uất-ức từ thuở nào, không nói ra được, vả lại mãi nói thơ Vân-Tiên điệu cổ-điệu quá nó cũng nhảm, cho nên bày nói bắt quàng chơi, viết về viết câu hát giặm, thét rồi sa đà quá trớn áp-dụng qua các điệu hát đúng-dắn mà cũng không thấy ai cảnh-cáo biểu thời, nên càng làm tôi!

Tôi có một bản chép tay về *Bùi-Kiệm* do một vị lão thành là ông Nguyễn-viên-Kiều (biệt-hiệu Lão-Ngạc) soạn, bản chép theo bản in Huỳnh-kim-Danh năm 1923. không kể tôi có bản ca *Vọng-cổ điệu Bạc-Liêu, tích Nguyệt-Nga gặp Bùi-Kiệm*, tác-giả là Nguyễn thành-Long, Cần-thơ, in tại nhà Đức-Luu-Phương Saigon. Mấy phen tôi định không để cuốn này trong tủ sách vì nhảm-nhi quá, nhưng mỗi lần lấy ra tôi thấy hình bìa Cô Năm-Phỉ, tôi lại cất vô tủ như xưa!

Còn vài cuốn nữa, về Đồ-Chiều, tôi phải mua để dành trong tủ, như:

Nguyễn-Đình-Chiều. — Thái-Bạch phê-bình, nhà Sống Mới xuất-bản 1957.

Nguyễn-Đình-Chiều. — Nguyễn-Bá-Thế phê-bình — Tân-Việt xuất-bản 1957.

Sương-Nguyệt-Anh. Trần-Kim-Phụng, Trần-Ngọc-Lầu — Bản Nam-xuân-Thọ, do Tân-Việt xuất-bản năm 1957.

Một vài nhận-xét về Lục-vân-Tiên — Bùi-Giang, Tân-Việt 1957.

Luận về Nguyễn-Đình-Chiều và Lục-vân-Tiên của Tạ-văn-Ru, Thăng-Long 1953.

Lục-vân-Tiên của Vũ-thành-Nhơn dân-giải và Lý-thị-Nguyệt-Ánh hiệu-định, xuất-bản nhà 149/3A đường Ngô-tùng-Châu (Saigon).

Những sách kể trên, không đáng để dành, không phải vì vô giá-trị nhưng vì nhà không có chỗ. Nhưng tôi cho đó là loại sách phải có, vì đề-phòng người ưa mượn sách, họ đến nhà hỏi, không lẽ chối-từ, nên cho mượn mấy cuốn này, dầu có mất, cũng không tiếc!

Sau rốt, còn hai quyển có giá-trị:

Dương-Từ Hà-Mậu, do Nguyễn-Đình-Chiều để lại, Phan-văn-Hùm hiệu-định, nhà Khai-Trí xuất-bản năm 1964, mới đây. Đó là cuốn sách sau hết của tác-phẩm Cụ Đờ.

Nghệ-thuật chơi sách không đâu là bờ bến. Chơi vọc vạch thì tạm gọi cho là mình vui với « *Thú chơi sách* ». Lên cao một bậc là « *Nghệ-thuật chơi-sách* », hồ để có mấy ai ?

Và cuốn chót khóa sổ bài này trong loại tác-phẩm Đồ Chiểu là cuốn :

Ngư-Tiêu vấn-đáp và y-thuật của Nguyễn-Đình-Chiêu do Phan-văn-Hùm hiệu-định và chú-thích, thêm có Nhượng-Tống tặng bình và bồ-chú. — Sách dày 406 trang cỡ 14×23 do nhà Tân-Việt xuất-bản năm 1952. Nội hai danh Phan-văn-Hùm và Nhượng-Tống đủ đảm-bảo cho số tiền 60 đồng xuất ra. Nhưng đó chưa phải là một bi-quyết, bi-quyết đáng kể, tôi dành cho một bài nữa, sẽ in tập sau, đó là đĩa cổ đời Tây-Son, trên có đề câu thơ nôm :

*Mô rạn luận chơi thời-sự
vân vân, không nói hết...*

Kỳ sau sẽ tiếp

Vân-Đường (Gia-Định) 25-7-1966
VƯƠNG HỒNG-SẼN

Đông-Nai Văn-Tập
nhiệt-liệt giới-thiệu với Độc-giả :

tuần báo
BUỔI SÁNG

Chủ-nhiệm : Tam Mộc. Chủ-bút : Nguyễn Lý

Giám-đốc trị-sự : Nguyễn Linh Tấnh.

Nói lên tiếng nói của người Việt hiện nay.

CỔ-TÍCH ĐÔNG-NAI

ÔNG THẦN VÀ BÀ HÒA

của Nguyễn-thị-Đức

Ngày xưa có một vị Thần rất linh-thiên, hay giúp ích người đời, khi họ cầu-nguyện van-vái đều được như ý, nên nhà vua sẵn-sàng hiến cho Ngài một mẫu đất để lấy huê-lợi sửa-sang đình miếu.

Hôm nọ có anh nông-dân đến xin mượn đất, ông Thần lên đồng gạn hỏi :

— Người mượn ruộng ta mỗi năm tính sao ?

— Thưa ngài, tôi nghèo quá xin ngài thương tình mỗi năm cho tôi trả bằng cách cúng Ngài một con heo.

Ông Thần bằng lòng ngay.

Đến mãn năm anh dẫn con heo lại đình, đốt nhang vái lạy khẩn rằng :

— Hôm nay là mãn năm giao kết, tôi xin cúng ngài con heo. Tôi đề nguyện heo sống dâng tùy ngài muốn làm món ăn quay, luộc, nướng, xào chi chi cho vừa ý ngài..

Khấn xong và về, con heo cũng lót tót chạy về theo chủ.

Ông Thần tức giận, đập đồng lên, đòi lấy ruộng lại cho chỗ khác mượn, vì anh ta mưu-chước ngược-ngạo, ngài không ưa... Va bèn năn-nỉ :

— Xin ngài mở lòng quảng-dại tha thứ cho tôi một lần, chỉ vì tôi thiệt tình quá chớ không có lòng tham-lam chi cả. Vạy xin ngài cho tôi mượn một mùa nữa, tôi trồng rồi chia hai, ngài phân nửa, tôi phân nửa.

Ông Thần hết giận, và bằng lòng.

Năm sau va cấy lúa. Đến mùa lúa chín, va gặt hết chỉ chừa gốc rạ cho Ông Thần. Rồi va lại đình vái rằng :

— Hôm nay đến mùa, tôi xin trả lễ ngài phân nửa phần dưới ruộng đó !

Ông Thần giận quá, đập đồng lên đòi ruộng nữa. Va lại năn-nỉ :

— Xin ngài bớt giận, để phen này ngài cho tôi mượn, năm sau tôi đền ngon cho ngài hết, tôi ăn gốc cho.

Thế là ông Thần vui lòng hỉ xả.

Năm sau va trồng khoai mì. Đến ngày va nhổ lấy củ hết trội, còn ngon nó vác đem lại đình cho ông Thần.

Ông Thần giận lắm, đập đồng lên đòi ruộng lại nữa. Nó lại khấn-khoản van lơn :

— Xin ngài bớt giận, vì gia-đình tôi nghèo khổ, nhờ ngài chăm-chế tôi nhờ. Năm tới này, trồng được bao nhiêu tôi xin đền gốc để ngon hết cho ngài, được đền bù lại mấy mùa qua.

Nghe nói có lợi nhiều, ông Thần bằng lòng ngay. Thế là nó được mượn thêm một mùa nữa. Năm sau va trồng bắp. Tới ngày nó bẻ trái hết, xong va lại đình khấn rằng :

— Thưa ngài, tôi xin giao ruộng cho ngài, ngon gốc huê lợi gì tôi cũng xin giao cả lại ngài, cho trọn lời tôi đã hứa !

Ông Thần tức giận tràn-trề mà không nói gì được với nó. Ông bèn tìm bà Hỏa để than-thở :

— Chị Hỏa ơi ! ở thế-gian sao mà có người xảo quá, tôi ghê sợ rồi chị à. Chị có kế chi bày biểu dạng tôi sửa trị họ, coi chị ?

Bà Hỏa tươi cười rằng :

— Ồi có gì đâu mà lo, tôi sẵn có cái vòng « kim cô » hễ trồng lên đầu thì nhúc đầu đến chết được. Vậy tôi cho anh mượn đem về xiềng đầu nó được trả thù. Mà chỗ tình bạn tôi mới cho anh mượn chớ vật quý lắm đó, anh giữ khéo kẻo hư. Nếu hư, tôi buồn lắm đa.

Ông Thần lãnh vòng Kim-cô đem về rình chụp lên đầu nó. Ôi thôi, nhúc đầu quá, va rên la inh-ỏi. Va kêu vợ nói :

— Mày đem búa đây tao búa xem cái gì mà nhúc dữ vậy nè !

Ông Thần hoảng-hồn lấy vòng « Kim cô » lại vì ông nhớ lời căn dặn của Bà Hỏa sợ bề vòng quý, mịch lòng. Ông chạy tìm bà Hỏa thuật tự sự :

— Chị Hỏa ơi ! nó dữ quá, may thôi nó búa vòng bề rồi. Tôi lệ tay giựt chạy về đây trả chị nè !

Bà Hỏa tức giận nói :

— Anh đừng tưởng xem sao !

Bà Hỏa đến giữa lúc va đang ngồi ăn cơm với vợ. Bà đứng rình xem chớ thuận cơ-hội là niền liền lên đầu va. Lúc ấy vợ va « xì » cái bộp lại cười nói :

— Anh tẹ, xì um-sùm đó hè !

Va buột miệng :

— Bà Hỏa mà xì chớ ai xì !...

Bà Hỏa hoảng-hồn chạy về kêu ông Thần :

— Thôi anh ơi ! nó hay quá mà. Tôi đứng rình định trồng « Kim-cô » lên đầu nó. Ai dè nó thấy, nó còn nói ngạo tôi nữa anh ơi ! Thôi thôi tôi ngán thế-gian rồi, tôi khuyên anh đừng biết đến họ nữa chi cho nhọc.

NGUYỄN-THỊ-ĐỨC
(Bến Tre)

XIN ĐỊNH-CHÁNH

TRONG ĐỒNG NAI VĂN TẬP, TẬP 6

CÂU-CHUYỆN LỊCH-SỬ

- *Trương 100, ngôi trừ nhi sửa lại là ngôi trừ nhi.*
- *Trương 100, việc ấy là việc Bệ-hạ sửa lại là việc ấy là việc nhà của Bệ-hạ.*
- *Trương 102, giáo thổ từ cầu tàu hanh sửa lại là giáo thổ từ cầu tàu phanh.*
- *Trương 105, vua gắt giọng thức hồi sửa lại là vua gắt giọng, thức hồi.*
- *Trương 105, gột tuyết năm sưng sửa lại là gột tuyết năm sưng.*
- *Trương 104, cái hộp vừa bỏ trâu cao sửa lại là cái hộp vừa bỏ trâu cau.*
- *Trương 103, năm 1833 là năm ngài qui vị sửa lại là năm 1832 là năm ngài qui vị.*

MƯA ĐÊM NAY

(Một chuyện thật viết dưới hình-thức truyện ngắn)

★ của PHẠM LONG-ĐIỀN

Bệnh-viện Saigon. Phòng trực vào một chiều chủ-nhật. Yên lặng bao-trùm cả bệnh-viện. Người y-tá trạc bốn mươi kéo cửa bước vào phòng, nói với một giọng trầm buồn :

— Thưa bác-sĩ, người đàn-bà chiều hôm qua xe cứu-cấp đô-thành chở vào đây, đã tắt thở.

Ngừng trong giây lát, ông tiếp :

— Uống thuốc ngủ nhiều quá, lại thấm vào máu. Rửa ruột mấy lần không cứu nổi. Tội nghiệp ! Không biết cô ấy có thân-nhơn gì không ? Trước khi chết, cô ấy ú ớ nghe không rõ. Hình như cô gọi tên Dung, Phước, Minh, chắc là tên con của cô. Cô chết, đôi mắt còn mở trao trao.

Người y-tá nhú mày, tỏ vẻ trầm-ngâm. Đối với bệnh-viện Đô-thành, các cô các cậu lứa tuổi đôi mươi uống thuốc ngủ là chuyện thường. Các bệnh-nhơn được đưa vào đây, thường có gia-đình bà con bu-quanh. Còn người đàn-bà chiều hôm qua chở vào đây trên chiếc xe bát-bùng, sơn màu xanh ; chiếc băng ca khiêng vào phòng trực theo sau là một anh cảnh-sát mũ trắng, lạnh-lùng cầm cuốn sổ và cây viết nguyên-tử xanh.

Như chợt nhớ ra điều gì, người y-tá móc trong túi áo bờ-lu ra một bao thơ trao cho bác-sĩ :

— Thưa bác-sĩ, trong túi áo người chết, có cái thơ, nét mực xem chừng mới viết độ vài ngày. Ngoài bao thơ đề : Kính gửi Bà Hội-trưởng Hội bảo-vệ nhân-phẩm và quyền-lợi phụ-nữ Việt-Nam. Bác-sĩ thử xem cô ấy nói gì ?

Tân-định, ngày 5-8-66

Kính thưa Cô Năm,

Đêm nay ngoài trời mưa lất-phất, từng cơn gió lạnh thổi về, tạt qua mấy hàng cửa kiến của một cái bi-đinh trong thành-phố Saigon. Con cảm thấy lòng con rộn-rã, nhớ đến Cô Năm— người thầy cũ đã dạy con môn quốc-văn trong suốt hai lớp Năm thứ nhứt và Năm thứ hai trường Gia-Long. Thời-gian thấm-thoát mười lăm năm có lẽ. Đêm nay nằm trơ trọi trong căn-phòng này, đầy-đủ tiện-nghi nhưng lòng con thấy cô-đơn quá sau khi đọc bài diên-văn của cô Năm in lại đầy-đủ trên một tờ tuần-báo. Mười lăm năm ấy trôi qua, chắc bây giờ cô Năm già lắm, đầu tóc bạc phơ. Cô Năm đâu còn nhớ đứa học trò nhỏ bé, loắt-choắt, được cô Năm ban khen cái tài làm văn và diễn-kịch. Đêm nay, con tự dưng thấy chán-nản, vứt bỏ tất cả và suốt đêm con khóc khô nước mắt. Con đọc bài cô Năm, giọng con nức-nở bao nhiêu thì con lại nhớ mười lăm năm về trước, giọng cô Năm sang-sảng mỗi khi giảng bài. Con làm sao quên được câu cô Năm thường lặp đi lặp lại với chúng con trong giờ quốc-văn : « Các con cố học đề mai sau làm được cái gì giúp cho nước, cho nhà. » Câu nói ấy âm vang mãi trong lòng con mỗi một lúc sa chân vào con đường tội-lỗi. Mười lăm năm ấy, cuộc đời của một người học trò cũ của cô Năm đầy đau thương và nước mắt. Mấy lần con cố ngoi lên nhưng đều thất-bại, xã-hội trọng giàu sang đã quật-ngả con và đưa con vào cái cảnh trơ-trọi đêm nay.

Kính thưa cô Năm,

Hồi ấy vào khoảng cuối tháng sáu tây, giữa lúc chị em cùng lớp đang lo tổ-chức lễ bãi trường, con đi xe đạp lên tận Hòa-hưng đề từ biệt cô Năm. Con xin thôi học, nhà con đã hết tiền. Ba con bị Tây bắn chết trong một cuộc ruồng-bỏ. Mẹ con không dám ở trong ruộng, đành-dựng một số tiền đem bốn em con ra tỉnh. Mẹ con buôn-bán chạy ngược chạy xuôi, ngõ kiếm đủ tiền nuôi đứa con gái đầu lòng học hết năm thì đíp-lôm. Gia-đình mỗi ngày một lụn bại. Con đành gạt nước mắt thôi học, về giúp mẹ nuôi em. Buổi trưa hôm đó, con khóc với các chị cùng phòng nội-trú. Con muốn học nữa nhưng tiền không có xu ten. Cô

Năm khuyên con nên vững-dạ về quê làm ăn, nuôi em cho chúng nó học. Tối đến, chị em nội-trú xúm xít bày tiệc dưới gốc cây mít tiễn đưa con xa trường, xa bạn, xa cô Năm. Đêm nay viết những hàng này gửi cho cô Năm, con như còn nghe đầu dây tiếng gõ lanh-lảnh vào thanh-tre của gánh mì khuya trên các nẻo đường vắng lạnh chạy quanh khu trường.

Về tình sống với gia-đình được vài năm, con đứng tuổi xin làm cô giáo phụ-khuyết tại một làng hẻo-lánh. Từ đây con bước vào đời một cô giáo phụ khuyết với số lương một ngàn bảy một tháng. Ngày hai buổi chăm-sóc lũ học trò lớp Năm làm con quên đi những bạn-bè, thầy cô cũ. Nhờ số lương ấy, các em con đi học và con luôn luôn mong-mỏi chúng cố học đề sau này nhờ tấm thân.

Cuộc đời đâu có dễ dàng như mình tưởng. Làm cô giáo phụ-khuyết ở một làng hẻo-lánh phải chịu trăm cay ngàn đắng, hết anh lính này chộc thì đến ông trưởng-ty nọ ghé mắt. Con lại có nhan-sắc, lại hát hay, diễn-kịch giỏi. Dạy học được một năm, năm sau, con được giấy gọi về ty tiểu-học tỉnh, gia-nhập vào đoàn văn-ngệ lưu-động, đem tiếng hát câu ca mua vui thiên-hạ đề tháng tháng có lương. Con được lòng mọi người. Mỗi lần con ra sân-khấu là mỗi lần được tiếng vỗ tay vang dậy. Lòng ngưỡng-mộ ấy làm cho đời con bước sang một ngã rẽ mới mà hình-ảnh không bao giờ xóa nhòa trong tâm-khảm con.

Từ cuộc đời cô giáo phụ-khuyết lên đến diễn-viên trong đoàn hát lưu-động, bây giờ con lại được cất nhắc làm thơ-ký cho phòng hành-chánh Phó tỉnh-trưởng trước sự kinh-ngạc của mọi người. Số là mấy tháng trước, Sơn — tên ông Phó tỉnh-trưởng — đến ve vãn con và hứa hẹn đủ điều. Lúc đầu con còn kháng-cự. Con nào dám nghĩ trèo đèo. Ông ấy vợ con đề-huê. Trước sự từ-khước của con, ông làm tội làm tình, ông đòi sa-thải con bởi vì con ăn lương công nhứt. Sự tình biết ngỏ cùng ai khi mình chỉ là một con cá nhỏ bị nhốt trong chậu kín? Dầu có kêu la, ai sẽ can-thiệp cho mình? Thôi thì liều nhắm mắt đưa con chọi dòng đời xuôi chảy. Cuối cùng con phải hy-sanh

cái gì cao quý nhứt của đời người con gái cho Sơn. Sơn đem con về làm thơ-ký riêng. Cả ngày không có việc gì làm, con đến văn phòng giũa móng tay. Những lúc nhàn-nhã ấy, con không còn nhớ đến bạn-bè, đến trường cũ, đến cô Năm, đến những lời chỉ giáo của cô Năm. Con sống lén lút với Sơn, sanh được ba mụn con. Những đứa con kháu-khỉnh, dễ thương là nguồn vui sướng và lấp đi cái cảnh tủi nhục của đời con. Nhờ tiền bạc của Sơn, gia đình con khá lên đôi chút. Các đứa em con được gửi lên Saigon học. Mẹ con bớt lo âu về cái cảnh quần bách. Cuộc đời như thế kể ra cũng chấp nhận được phần nào. Một tin sét đánh bên tai. Sơn đã bị hạ-sát trên đường từ Saigon về tỉnh. Thế là từ đây con lại bơ-vơ một lần nữa. Người chồng không chánh-thức ấy chết đi để lại cho con một gánh nặng : ba đứa con. Con trở lại đời cô giáo phụ-khuyết. Lần này bị đỏi qua một làng nằm kế cận thành-phố Vũng-tàu.

Nói đến thành-phố Vũng-tàu tức là nói đến kiếp sống giả tạo, lấy đạo-đức che đậy cái thú-tha, dơ bẩn trong các ngõ hẻm tối om hay trong những dãy nhà lâu khang-trang. Người ta đến Vũng-tàu để bày bao nhiêu trò dã-man, thô bỉ.

Cuộc sống giàu sang, vung tiền ra như nước của bọn đàn ông không đem lại một chút hy-vọng nào cho những người con gái phải bán thân nuôi miệng. Tiền chưa cải-hóa được nếp sống đau thương của hàng ngàn chị em phụ-nữ phải gạt nước mắt đi làm cái nghề dơ bẩn, hạ tiện. Con cũng biết làm đi sẽ bị mọi người chê-bại. Nhưng mà cô Năm thử nghĩ giữa lúc vật-giá tăng lên vùn-vụt, gạo củi không tìm đủ nuôi ba đứa con và một mẹ già, trong lúc ấy con vẫn ăn lương cô giáo phụ-khuyết : hai ngàn hai một tháng. Nội tiền gạo chạy ăn cũng thấy gần tròn úp lương tháng. Trong cái cảnh túng cùng, thương các con nheo-nhóc, thương mẹ già đã khổ lụy nhiều cho đứa con gái đầu lòng, chị em trong xóm tập tành cho con đi rước lính Mỹ. Ban ngày đi dạy, ban đêm rước Mỹ để phụ thêm tiền lương cô giáo. Ban ngày dạy trẻ, thước gỗ nhíp « lành cho sạch, rách cho thơm », nhưng ban đêm thì mình lại bán rẻ tâm-hồn trạc chác đôi ba trăm bạc.

Kính thưa Cô Năm,

Con cũng biết lấy Mỹ là xấu, là có hại cho quốc thể. Nhưng mà đời sống của ba đứa con không được ai đảm-bảo cho. Cũng như hàng vạn bà mẹ khác, con cũng muốn cho chúng nó ăn uống no nê, da mặt hồng-hào, đi học đê mai sau chúng nó đừng bán rẻ lương-tâm như mẹ nó. Con biết làm sao hơn có tiền cho con ăn học? Thôi thì đành lấy cái đau-đớn tủi-nhục của mình mà đòi lấy chén cơm manh áo cho các con. Giữa lúc ấy, con gặp Johny. Johny hiền lành, dễ thương. Nó mua cho con một căn nhà. Con để ba đứa con sống với bà ngoại trong căn nhà này. Còn con và Johny ở riêng. Con không bao giờ muốn cho các con của con biết mẹ chúng nó làm đi. Con phải giữ thể diện làm mẹ. Có lần đứa con gái lớn của con, năm nay lên năm tuổi, hỏi: «Mẹ đi đâu lâu về quá làm chúng con nhớ.» Lòng con quặn đau, con mím môi lại mà trả lời trong nụ cười chua chát: «Dạo này mẹ đi làm xa lắm, các con ở nhà với bà ngoại.» Rồi con chìa cho mỗi đứa con một gói kẹo. Chúng nó hí-hôn, bi-bô, có biết đâu rằng mẹ chúng nó có những đêm buồn khóc trong cô quạnh cho cái đời bán miệng dưới nuôi miệng trên.

Johny sống với con được một năm thì về Mỹ. Con có được một số tiền dành-dựm mấy tháng qua. Ngày đưa Johny lên máy bay, con không thấy buồn, con lại vui vì từ đây con quyết trở lại con đường tốt đẹp, đem tiền ra lập tiệm buôn-bán nuôi con.

Đã quen sống trong nhung lụa, con ra buôn-bán được mấy tháng, lỗ lỗ gần hết vốn. Căn nhà lúc trước cũng bán luôn. Tiền bạc gần hết sạch. Các con mỗi ngày một lớn lên, sức ăn của chúng tăng lên gấp ba, bốn lần. Trong cơn cùng quẫn, con không biết chạy mượn ai. Một lần đã trót thì ngàn lần cũng xin đi vào con đường sa ngã. Chị em lại rủ lên Saigon làm ăn. Con rời bỏ Vũng-tàu, để ba đứa con lại cho bà ngoại chúng nó chăm sóc như thuở nào.

Saigon với nhà lầu, với bi-đình. Saigon với xe hơi, với xe tắc-xi chạy nườm-nượp. Nhưng Saigon của tụi chúng con là những con đường hẻm đầy sinh lầy, tối thui, muỗi mòng. Saigon

của tụi chúng con gồm toàn nước mắt. Nước mắt khóc cho bất-công xã-hội, nước mắt khóc cho đời tủi-nhục.

Kính thưa cô Năm,

Đêm nay, Saigon mưa lê-thê, đường phố vắng khách, mấy cột lồng đèn đứng lơ lửng, con nằm trên căn phòng nhỏ hẹp này chờ khách. Khách không đến. Phần trời mưa. Phần con đã già quá sau mấy năm lận-đận với đời. Con bây giờ đâu còn hương sắc ngày xưa! Một người mẹ ba con với cái tuổi trên ba mươi! Giờ này có những bà mẹ trạc tuổi con đang âu yếm dạy con học. Con giờ này lại nằm đây chờ khách từng phút từng ngày; mỗi một bước giầy nhẹ trên cầu thang đủ làm cho lòng con bết tẻ lạnh. Nhưng tất cả đêm nay đối với con đều vô nghĩa! Trong cái cảnh bơ-vơ, trống rỗng đêm nay, con cảm thấy thương các con của con quá. Không biết giờ này chúng đang làm gì với bà ngoại? Các con có nhớ mẹ không? Đêm nay, mẹ thôi khóc bởi vì mẹ khóc quá nhiều. Mẹ chỉ mong có tiền nuôi các con ăn học, mai sau các con đừng dấn thân như mẹ vào cảnh đời ngang trái hôm nay.

Kính thưa cô Năm,

Đêm nay, giữa bốn bức tường khô lạnh của gian phòng thứ mười này, con đọc bài của cô Năm. Con nhớ lại hình ảnh cô Năm ngày xưa. Mang kiến, giọng nói sang-sảng. Lời nói lúc nào cũng đượm đầy tình thương và bao dung. Nhưng những lời nói ấy chưa giúp cho con, cho bao nhiêu cô gái như con đang cần sống. Con tự-nghĩ rằng người đời chỉ chưởi, chỉ nhục-mạ, chỉ kết-tội những cô gái làm đi với số bạc năm trăm, một ngàn nhưng còn những ai làm đi với số bạc muôn, ức, triệu thì không biết người đời có nói đến hay không, thưa cô Năm.

Con muốn viết cho Cô Năm dài nữa. Nhưng con cảm thấy mệt lã người, nét chữ bắt đầu run run.

Con kính chào cô Năm.

Một người học-trò cũ của cô Năm
NGOC-LAN

TB. Có lẽ khi lá thư này đến tay cô Năm thì con đã về bên kia thế-giới. Sau khi con trút hơi thở cuối cùng, con cảm thấy cuộc đời đơn lạnh quá. Máy đưa con của con và bà ngoại của chúng có biết tin hay không đề lên Saigon, vào nhà xác vượt mặt mẹ chúng nó.

Con chết đi, có ai nuôi giùm ba đứa trẻ? Con chỉ mong chúng có đủ cơm ăn để lớn. Chúng không cần học nhiều. Mẹ van-vái các con sau này đừng theo gót mẹ, con Dung đừng đi lấy Mỹ, thằng Phước, thằng Minh đừng đi làm đầy tớ cho một ai, tận-lực mà nuôi lấy thân.



Vị bác-sĩ xem xong thư, gấp lại bỏ vào phong bì. Ông đứng dậy lấy kiến mát ra mang mặc đầu trong phòng trực chỉ có ánh đèn êm dịu của một ngọn nê-ông. Lần đầu tiên trong đời hành nghề, ông mới thấy một nỗi buồn ray-rút, thấm-thía.

PHẠM LONG-ĐIỀN

8-8-66

XIN ĐÍNH-CHÁNH :

TRONG ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP, TẬP 6 BÀI TÌM HIỂU BÁ-ĐA-LỘC

- Tất cả những tiếng « *Tabonlet* » sửa lại là *Taboulet*.
- *Trương 45*, dòng 21, Á-Đông cũng kiến sửa lại là Á-Đông cũng kiến.
- *Trương 46*, dòng 13, cộng-sản quốc-gia sửa lại là công-sản quốc-gia.
- *Trương 55*, dòng 12, hăng cùm cùm sửa lại là hăng cốp cùm.
- *Trương 54*, dòng 13, đòi con trẻ cho mà dạy đó sửa lại là đòi con trẻ cho mà dạy đó.
- *Trương 56*, dòng 22, sửa trước trời mong... sửa lại là sửa trước trời mong...
- *Trương 57*, dòng 26, ab illustrissimo sửa lại là ab illustrissimo.

VÀI NHẬN-XÉT VỀ

TỪ-NGỮ BẮC NAM

của Trọng-Toàn NGUYỄN-VĂN-KIỆM

(Tiếp theo)

CHƯƠNG III

NHỮNG TIẾNG GIỐNG NHAU

CÁI

- b** — *Cái kiến*. — Con ong, cái kiến kêu gì được oan. (*Kiều*)
- n** — Con kiến, con ong. Cái nhà, cái bếp, cái tô, cái chén. Anh hùng cái thế. Sông cái, bờ cái, ngã ba đường cái. Thợ cái (thợ làm đầu). Làm cái (trong sông cờ-bạc). Ngã dây thép cái (sở bưu-diện trung-ương ở Saigon).



CÁ

- b** — Thừa rằng lượng cả bao dong, Tấn-duong được thấy mây rồng có phen. (*Kiều*) Ông già bà cả truyền rằng : Lúa là người làng Phú lại.

(*Giáo-dục tạp-chí, Septembre, Octobre 1942*)

n — Cả mô là đồ làm biếng. — Cả gan.

Ở Hón còn nhiều trương cột cả (*Tôn Thọ-Tường*)

Ông cả, ông chủ.

Anh cả, thầy cả.



CĂM

b — Phần cảm nổi khách, phần dơ nổi mình (*Kiều*).

n — Giận cảm gan.

Giận cảm gan, muốn phá tan hoang sự-nghiệp,

Sợ thế-gian cười.

(*Một câu ca*)



CHÁC

b — Bỗng không mua nảo chác sầu, nghĩ sao. (*Kiều*)

Đời chác xưa nay cũng nực cười,

Vốn đã không mất lại thêm lời. (*Hoàng-Cao-Khai*)

n — Đời chác, bán chác, cho chác.

THÍ DỤ : Chút đỉnh cau tươi, anh đem về dùng, không bán chác gì.



CHÁN

b — Chán, chán tai, no chán.

THÍ DỤ : Dặn tôi đứng lại một bên,

Chán tai rồi mới bước lên trên lầu. (*Kiều*)

n — Chán chê, chán ngán.



CHẶN

b — Chặn là mền.

n — Chặn là chặn tằm.

n — Chưa chặn gối cũng vợ chồng. (*Kiều*)



CHÈ

b — Chè tươi, vườn chè ; trong bát chè nhà (*Báo Ngày nay*)

n — Rót cho một chén nước chè. (*Lời của ông già bà cả*)

Sanh tạt rượu chè (một tiếng rất phổ thông trong Nam)

Ở Chợ Lớn hay dùng trà tàu, ở Thủ (tức là Thủ Dầu Một) hay dùng trà Huế.

(*Còn tiếp*)

TRỌNG TOÀN

Vì nhiều bài Kỷ-niệm Nguyễn Đình-Chiều, xin gác lại số tới :

— Nam-Kỳ Phong-tục Nhơn-vật điển-ca

của NGUYỄN LIÊN-PHONG.

— Nhà thơ ăn-danh TRẦN MINH-ĐỨC

— Anh-hùng-ca và văn-học Việt-Nam của AN-CU*

— Dịch Úc-traí thi-tập và Trung-quốc Triết-học sử

(Phùng Hữu-Lan) của AN-CU*

— Phê-bình Khói Hương (Từ-Ngọc)

của TIÊU THÁNH-THÁN

CÂU-CHUYỆN LỊCH-SỬ

★ của TRẦN-VĂN-QUẾ ★

(Tiếp theo)

NHỮNG MẪU CHUYỆN VỀ THƯỢNG-CÔNG LÊ VĂN DUYỆT

V) SỰ BẤT-ĐỒNG Ý-KIỆN VỚI TRIỀU-ĐÌNH HUẾ VỀ VIỆC PHÉ-TRƯỞNG LẬP-THỨ, SAU KHI VUA GIA-LONG THĂNG-HÀ

Như đoạn trên đã nói, sau khi lên ngôi Hoàng-đế tại Phú-xuân được một thời-gian thì vua Gia-long cùng với bề tôi khai quốc bàn về vấn-đề lập ngôi « trừ nhị ». Đại-điện cho các văn quan, Lê bộ Thượng-thor Trịnh Hoài-Đức tâu xin đề vấn-đề ấy cho nhà vua quyết-định viện lẽ rằng : « biết con không ai bằng cha » và đó là « việc nhà của nhà vua ».

Các võ tướng khai quốc thì đề-nghị : « dich-tôn thừa-trọng » và như vậy gián-tiếp đề-nghị lập con của cố Đông-cung Cảnh.

Vua không ưng và đáp lại bằng câu : « phụ trái tử hoàn ».

Sau đó khá lâu, không thấy vua nói đến việc ấy nữa. Thấy thế, các tướng võ có nhắc lại thì vua làm thinh. Các tướng đều lấy làm lo.

Đến khi vua Gia-long thăng-hà, trong di-chiếu việc ấy mới được giải-quyết dứt khoát. Ông hoàng được chỉ-định lên ngôi là con thứ tư của nhà vua, hoàng-tử Đem hay Đam tinh đến năm 1820 đã được 30 tuổi rồi.

Thấy vậy, Thượng-công lấy làm bực vì đã từ lâu rồi ngài ngậm che-chở con của cố Đông-cung Cảnh. Theo nghi-lễ và thủ-tục, thì vị này phải lên ngôi cứu ngũ mới đúng.

Khi vua Gia-long tuyệt khí, thì Lê Thượng-công đã có mặt tại Huế với một đạo binh hùng-hậu đóng ở ngoại ô hoàng-thành.

Tại sao có sự-kiện ấy ? Không lẽ Lê Thượng-công đem binh ra, sau khi được tin vua đã thăng-hà là vì từ Gia-định thành ra đến Huế phải trải qua bảy mươi hai trạm-dịch và phải mất ít nhất là nửa tháng mới đến nơi (khoảng đường đó hiện giờ có đến 1.100 cây số ngàn). Vậy chỉ còn giả-thuyết này là hợp-lý là vua Gia-long không thăng-hà một cách đột-ngột như vua Quang-trung trước kia. Trước ngày thờ hơi cuối cùng, nhà vua lẽ phải trải qua một thời-gian suy-yếu và ngoại binh khá lâu. Có lẽ vì hay tin binh vua ngày một trầm-trọng và đề ngăn-cản mọi sự đã rồi trái với ý muốn của ngài, nên Lê Thượng-công mới đem binh ra ứng trực ở Huế.

Trước sự kinh-ngạc của bá quan văn võ, Lê Thượng-công thâu nhận ấn kiếm rồi ra về tư dinh, không một lời giải-thích nào với Triều-đình !!

Về đến dinh Tả-quân ở Kinh-thành, Lê Thượng-công để hai bảo-vật ấy vào một nơi kín-đáo rồi truyền cho hai quan-hầu thân-tin là Hoàn và Trầm cất quân canh giữ nghiêm-nhật với chỉ-thị là chém đầu bất-cứ ai đến đòi hỏi lời-thôi, ngoại trừ cụ Trịnh Hoài-Đức, Thượng-thor Bộ Lễ.

Ba ngày trôi qua, bên dinh Tả-quân Lê Quận-công ăn ngủ không yên, đêm nào cũng thức luôn cho đến sáng. Có lẽ sau khi nhận-định hậu-quả tối quan-trọng việc của ngài làm, lương-tâm của ngài cắn-rứt ! ? !

Bên phía Triều-đình, thì cũng không hơn gì ! Từ trên xuống dưới ai nấy đều xôn-xao, điên đầu ! Không biết rồi đây công-việc sẽ đi đến đâu !

Cử-chỉ quá mạnh của Lê Thượng-công làm cho văn võ bá quan hết sức bất-bình, nhưng không một ai dám hở môi là vì quân đội của ngài đang đông ngoài hoàng-thành, chờ xem động tĩnh. Ngài là vị chỉ-huy duy-nhứt các đạo binh tại kinh-đô, sau khi các vị Đô-thống chường phủ-sự khác đã qui tiên.

Lại nữa ngài có quyền « tiền trảm hậu tấu » vả lại là cha nuôi của hoàng tử Đềm sắp lên ngôi nay mai.

Ba ngày trôi qua mà lễ Phát-tang không thể cử-hành được vì thiếu vị đứng chủ lễ. Vị ấy theo nghi-lễ phải là vị tân-quân. Mà muốn có vị tân-quân đúng phép, thì phải có lễ Đăng-quang hay là lễ Tức-vị. Nhưng ẩn kiểm không có thì làm sao mà tổ-chức lễ Đăng-quang được. Rốt cuộc mọi việc đều qui về việc đòi lại ấn kiểm hiện nay ở trong tay Lê Thượng-công.

Sau khi đã bàn qua tính lại, Triều-đình đều đồng ý cử quan Lễ Bộ Thượng-thor Trịnh Hoài-Đức sang dinh Tả-quân đòi lại hai bảo vật ấy, vì Lễ Bộ là đứng đầu Lục Bộ. Lại nữa Trịnh Thượng-thor là người làng Tân-triều thuộc Biên-hùng trấn, không xa lạ chi với Tả-quân.

Phụng mạng Triều-đình, Trịnh Thượng-thor ung-dung đến trước dinh Tả-quân. Biết rõ là ngài, hai tùy-tướng Hoàn và Trầm bèn lật-dật rước ngài nhập nội. Quân-hầu vào báo, Lê Tả-quân lật-dật ra khách. Thấy bạn vừa là đồng-hương vừa là cố-giao tới, Lê Thượng-công vui-vẻ hỏi : « Sao chú ? Mấy hôm nay, bên ấy việc như thế nào ? ». Thừa dịp, Trịnh Thượng-thor khéo-léo tấn-công ngay : « Thôi đi anh ! Mấy hôm nay, ai nấy đều điên đầu vì anh. Anh vừa vừa chớ anh quá lắm thì không ai chịu nổi và cuối cùng sẽ không tha thứ được ! »

Lời nói thẳng-thắn ấy, vừa có vẻ thần-mật, vừa trách khéo và đồng-thời đe-dọa luôn. Nghe nói đến đó, Lê Thượng-công hơi nao-núng phần nào và hỏi tiếp : « Hôm rày, chú có nghe quân lính và dân-chúng bàn-tán ra sao về vụ này không ? » Trịnh Thượng-thor đáp : « Mỗi đêm tôi trá hình đi ra ngoài, trà-trộn vào trong quân lính và đàm thường-dân để tìm nghe dư-luận. Đi tới đâu, thiên-hạ tụ năm, tụ ba đồng nói rằng Lê Quận-công sẽ làm vua ». Nghe nói đến đó, Lê Thượng-công hết sức chột dạ, bèn ngắt ngang với giọng vừa bất-bình vừa đĩnh-chánh rằng : « Chúng nó nói tầm-bậy ! Làm gì có việc như thế ». Trịnh Thượng-thor nói tiếp : « Xét ra họ nói như vậy cũng phải, anh à ! Nếu anh không muốn làm vua thì anh đem ấn kiểm về bên này làm gì ? ».

Lê Thượng-công nín lặng một hồi lâu rồi hỏi tiếp : « Theo ý chú, thì bây giờ phải làm sao ? » Trịnh Thượng-thor đáp : « Anh cứ trả ấn kiểm lại thì mọi việc đều xong ! » Nghe vậy, Lê Thượng-công bèn mau mau vào lấy ấn kiểm ra trao cho Trịnh Thượng-thor để hoàn lại cho Triều-đình. Lê Thượng-công lại nói thêm : « Chú nên nhớ : lập đế-nghiệp là chúng mình đây nghe ».

Phỏng theo lời thuật lại của cụ Huỳnh Hữu-Chí, một nhà lão cách-mạng thuộc phong-trào Đông-du.

Theo một cụ thâm-nho thuật lại thì câu chuyện « qui hoàn ấn kiểm cho Triều-đình » có khác và được kể ra như sau :

« Khi Trịnh Thượng-thor đến dinh Tả-quân đòi lại ấn kiểm, biết không thể cưỡng lại được, Thượng-công Lê văn Duyệt đành phải trả lại hai vật ấy. Nhưng nghĩ đến vấn-đề phở trưởng lập thứ mà đã từ lâu mình cực-lực phản-đối và nay phải mặc nhiên công-nhận thì ngài uất-ức đến cực độ và trong cơn giận dữ, sẵn có hai món ấy trong tay ngài bèn quăng mạnh xuống nền gạch và nói to lên một câu cho hả hơi...»

Quả ấn bằng vàng y bị quăng xuống nền gạch quá mạnh, đã phải bị móp hết một góc. Câu chuyện vừa nói, sử sách không có ghi và ít người biết được vì nó quá ư bạo.

Rốt cuộc, nhờ tài giao-thiệp khéo-léo của Thượng-thư Bộ Lễ mà cuộc khủng-hoảng thật trầm-trọng nói trên được giảm xếp êm đẹp. Nhờ vậy mà lễ Đăng-quang đã được tổ-chức long-trọng. Lễ tất nhiên Lê Tả-quân phải được mời dự và phải có mặt. Về cuộc lễ này, nhà lão cách-mạng Huỳnh Hữu-Chí có thêm một đoạn sau đây : « Trong suốt buổi lễ, tân quân (vua Minh-Mạng) mặc y-phục đại-trào ngồi trên ngai vàng giữa điện Thái-hòa. Các quan văn võ đều vào sân châu lạy mừng. Tới phiên Thượng-công Lê văn Duyệt (không thấy nói ngai có lạy năm lạy như các quan hay không) thì ngai từ sân châu tiến vào gần sập ngự. Thấy ngai đi gần tới, tân quân đang ngự trên ngai bỗng đứng phắc lên, nép lại một bên ngai, hai tay khoanh lại và xếp xụ xuống tỏ vẻ hoặc là chí kính hoặc là sợ hãi ».

Sau lễ Đăng-quang, thì các cuộc lễ khác như lễ Phát-tang hay Thành-phục và lễ Ninh-lãng (đi chôn) vua Gia-long đều được diễn ra theo đúng triều-nghi và không có việc gì trở-ngại xảy ra.

Sau các cuộc lễ ấy, Lê Thượng-Công bện vào bài mạng nhà vua và lên đường về Nam, giữ chức Gia-dịnh thành Tổng-trấn như trước.

KỶ TỐI : VI) Vụ Tổng-binh Huỳnh Công-Lý bị án tử hình.

TRẦN VĂN QUẾ



MỘT BÀI VĂN-TẾ CÓ TÍNH - CÁCH SỬ - LIỆU

● của LÊ-NGỌC-TRỤ

Dưới đây là bài « Văn-tế vong-hồn mộ nghĩa » trích trong quyển « Gia lễ. Dọn bốn lễ đầu cùng lễ phép học trò công tư thông-dụng » (1) của Hoàng-Tĩnh Paulus Của, Đốc-phủ-sứ, trang 28 và 29.

Trên bài văn-tế có dẫn một câu Hán-văn :

« Tự-Đức thập tứ niên, thập nhứt ngoat, thập ngũ
« nhựt chi dạ, Thống quản (Bùi-Quang-Mô) suất tương
« nghĩa-binh tựu Cần-Giuộc công phá đương-huyện, thiêu
« đắc đương di đạo đờng, đạo-quán, thích trúng đương
« quan tri huyện, tịnh Chà-và Ma-ni đặng. Nghĩa-binh trận
« vong, cai thập ngũ danh. Kỳ Tú-tài Nguyễn-Đình-Chiều
« phụ tế văn ».

Đại ý nghĩa là : « Đem rằm tháng mười một, năm Tự-Đức thứ 14 (tức là đêm 16 tháng 12 năm 1861 dương-lich) Thống quản (Bùi-Quang-Mô) đốc-suất dân nghĩa-binh tựu tại Cần-Giuộc đánh phá « huyện của Tây », đốt được nhà thờ nhà giảng của chúng, đâm trúng « tri huyện Pháp » cùng với một số lính Chà-và và Ma-ni.

« Nghĩa-binh chết trận gồm mười lăm người. Nhờ Tú-tài Nguyễn-Đình-Chiều làm bài văn phụ tế ».

(1) Sách in tại Saigon. Bản in nhà hàng Rey et Curiol, 1886, tr. 28-29.

Bài văn-tế này là một tài-liệu lịch-sử giúp ta hiểu thời-cuộc đã xảy ra lúc bấy giờ mà tài-liệu của sách Pháp chỉ ghi tóm-tắt, đồng thời cũng nêu một nghi-vấn về thời-giờ xảy ra cuộc tập-kích ấy.

Thêm vào nghi-vấn ấy, người sưu-tầm sử-liệu phải thắc-mắc vì lời chú-thích của học-giả Phan-Văn-Hùm và nhà sử học Lê-Thọ-Xuân.

Thật vậy, trong quyển *Nỗi lòng Đờ Chiểu* (do nhà xuất-bản Đỗ phương-Quế (Chợ Lớn) phát-hành năm 1938, nhưng bị cấm; nhà xuất-bản Tân-Việt mới tái-bản năm 1958). Ông Phan-văn-Hùm có trích-lục một phần bài văn-tế, rút trong sách *Quốc-âm thi tập* của Paulus Của (Saigon 1907) và ghi lời chú như sau :

« Ngày mười ba tháng mười một năm Tân Dậu (14-12-1861) đồng thời ba nơi Cần-Giuộc, Tân-An và Gò-Công bị contre-amiral Bonard đánh úp ».

« Trong bài văn-tế thuật rằng hai hôm sau qua đêm rằm, nghĩa-binh Việt-Nam lên đến Cần-Giuộc đánh phá « trả hờn ».

Đọc đoạn chú văn-tắt này, ta có thể hiểu rằng ba xứ Cần-Giuộc, Tân-An và Gò-Công trước ngày 13 tháng mười một (tức 14-12-1861) còn do quân Việt-Nam trấn giữ và bị quân-sĩ của thủy-sư đề-đốc Bonard đánh úp.

Vì vậy nên mới có trận đánh « trả hờn » của nghĩa-binh hai ngày sau đó, tức là ngày rằm, nhằm 16 tháng mười hai 1861 dương-lịch.

Nhưng theo sử, sau khi chiếm-cứ Mỹ-Tho (14-4-1861) quân Pháp liền lo đặt đồn bót tại các vùng ở giữa khoảng hai sông Cửu-Long và Soai-Ráp, như Gia-Thạnh (Tân-An), Chợ Gạo (Mỹ-Tho) và Gò-Công. Vì vậy nên ông huyện Đờ-Trinh-Thoại (người Pháp viết là Huyện Toại), ông Trương-Công-Định mới đánh phá Gò-Công vào ngày 22 và 24 tháng 6 dương-lịch. Trận đầu thì Vial bị hỏa hổ Việt-quân xít cháy một con mắt và bị đâm hai mũi giáo, ông Huyện

Thoại bị chết trận; trận sau, thiếu-tướng Lebris phải đổ bộ thêm quân tiếp-viện mới đánh lui được Trương-Công-Định; sau vì nghĩa quân đánh phá mãi đến cuối tháng 9 dương-lịch quân Pháp mới lập được thế vững chắc ở Gò-Công. Như vậy, Gò-Công đã bị chiếm trước lâu rồi, thì Bonard sao lại còn phải « đánh úp » vào ngày 14 tháng 12 dương-lịch? Chúng tôi rất phân-vấn...

Tìm đọc đoạn tiểu-sử cụ Nguyễn-Đình-Chiêu của Ông Lê-Thọ-Xuân đăng trong số đặc-biệt « Lễ kỷ-niệm Nguyễn-Đình-Chiêu » của *Nam-kỳ tuần-báo* (26-6-1943), nơi trang 40, gặp được tài-liệu liên-quan đến bài văn-tế như vậy :

« »

« Chắc-chắn là ông (Nguyễn-Đình-Chiêu) về Thanh-Ba khi Sài-gòn vừa bị hạ, vì theo đạo công-văn của Gia-Định Tuần phủ Đờ-Quang thì năm Tự-Đức thứ 14, ông đã có tại đó rồi.

« Năm này, ngày 13 tháng 11 annam (14-12-1861), cả ba xứ Cần-Giuộc, Tân-An, Gò-Công bị Bonard đánh úp, Hai hôm sau, hơn đêm rằm, nghĩa-quân ba xứ này nhứt tề ừng khởi.

« Về trận này, trong « *Quốc âm thi tập* » Paulus Của nói nghĩa-binh chết 15 người, còn trong công-văn, Đờ-Quang nội 27 người. Sau trận này Đờ-Quang dạy Bùi-quang Diệu điều-tế nghĩa-quân bị « tử-trận »; vì vậy mà có bài văn « Tế-nghĩa-sĩ Cần-Giuộc » của Đờ Chiểu.

« Bài này chẳng những chỉ được chạy cùng miền Cần-Giuộc mà còn bay khắp cả các tỉnh trong nước do bộ Lễ ở Huế truyền đi.»

Đoạn văn ấy giúp ta thêm tài-liệu quý giá : Thống-quản không phải Bùi-Quang (Mô) mà là Đờ-Quang; Bùi-Quang-Diệu lo việc điều-tế, nhờ cụ Đờ Chiểu làm bài văn-tế. Nhưng về chỗ mà chúng tôi phân-vấn « cả ba xứ Cần-Giuộc, Tân-An, Gò-Công bị Bonard đánh úp » vào ngày 13 tháng mười một (14-12-1861) thì nhà sử học cũng viết đúng

y như học-giá Phan-văn-Mùm. Chúng tôi làm chẳng ? Nhưng khi khảo-cứu các sách Pháp viết về giai-đoạn lịch-sử này, thì đại để đều y như lời của Alfred Schrenier đã dùng tài-liệu viết trong quyển *Abrégé de l'histoire d'Annam*, xuất-bản năm 1906. Nơi trang 224, có đoạn liên-quan đến trận « đánh úp » ấy, xin lược dịch như sau :

« Cuộc đánh úp liêu-lĩnh của nghĩa-binh Việt (tức là vụ Nguyễn-Trung-Trực đốt tàu *Espérance* tại sông Nhứt-Tảo trưa ngày 10-12-1861) dường như là triệu-chứng cho cuộc tổng tấn-công các đồn bót Pháp. Các đồn này được lính tích-cực giữ thế-thủ, trong khi Bonard đã rút bớt quân lính để tập trung lực-lượng lo đánh chiếm Biên-Hòa.

« Lần này công-tác của nghĩa-binh Việt không phải rời-rạc; tất cả đều dường như đã tính-toán ăn rập nhau, nhứt tề đánh úp để lợi-dụng sự rút bớt quân-sĩ tại các đồn bót Pháp, từ ngày 14 đến 30 tháng mười hai năm 1861 dương-lịch, phần lớn các đồn bót đều bị đánh phá dữ-dội, nhưng tất cả quân binh công-hãm đều phải rút lui với sự tổn-thất lớn lao. Tân-An (do Avezard cai-quản), Gò-Công (do d'Arfeuille), Cần-Giuộc (do Dumont) đều bị tấn-công ngày 14 tháng mười hai; Gia-Thạnh (do Robinet và Pineau) ngày 18; Cái-Bè (do Botter và Gonon), ngày 20 và 25; Rạch Gầm (do Rolz de Couzalaz) ngày 29; Rạch Cà-Hôn (do Thouroude), ngày 30 tháng mười hai ».

« Ce coup de main des partisans annamites fut comme le prélude de l'attaque générale de presque tous les postes français, auxquels l'amiral avait envoyé des instructions pour rester strictement sur la défensive pendant qu'il allait porter toutes ses forces sur Biên-Hòa. Cette fois, il n'y eut pas de décousu dans les mouvements des annamites, tout semble avoir été combiné pour profiter de la réduction momentanée des effectifs dans l'intérieur. Du 14 au 30 Décembre 1861, la plupart des postes furent énergiquement attaqués, mais partout les assaillants durent se retirer avec de grandes pertes. Tân-An (M. Avezard), Gò-Công

(M. d'Arfeuille), Cần-Giuộc (M. Dumont) furent attaqués le 14 décembre; Gia-Thạnh (MM. Robinet et Pineau) le 18; Cái-Bè (MM. Botter et Gonon) le 20 et 25; Rạch-Gầm (M. Rolz de Couzalaz) le 29; Rạch Cà-Hôn (M. Thouroude) le 30 ».

Theo tài-liệu này thì « cả ba xứ Tân-An, Gò-Công, Cần-Giuộc bị nghĩa-quân Việt đánh úp dữ-dội », chớ chẳng phải bị quân-sĩ của Bonard tập-kích. Mà Cần-Giuộc bị đánh ngày 14 décembre tức là 13 tháng mười một âm-lịch, lại không phù hợp với ngày giờ nêu trong bài văn-tế.

Alfred Schreiner có chép sai thời giờ của mấy nơi bị đánh phá không? Chắc là không, vì « thời giờ và mấy nơi bị tập-kích dẫn trên, Schreiner chép đúng theo đoạn văn của Lucien de Grammont viết nơi trang 291 trong quyển *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine*, in năm 1863 tại Pháp, nghĩa là cách hai năm, sau khi xảy ra các vụ công-hãm ấy.

Lucien de Grammont còn viết rằng Dumont bị thương tích tại Phước-Lộc (tức là Cần-Giuộc). Bài văn-tế thì ghi rằng nghĩa-quân đóng tại chùa Lão-Ngộ đánh đồn Tây-đương vào đêm rằm và « chém đặng đầu quan hai nọ ». Nhưng chắc chắn là Dumont chỉ bị thương mà thôi, vì do theo danh-sách quân-sĩ Pháp tử trận trong năm 1861 (1) không thấy tên Dumont; vả chẳng, nơi đoạn dẫn bằng Hán-văn của bài văn-tế, nói « đâm trúng » chớ không « giết được ».

CHÚT ÍT LỊCH-SỬ...

Để hiểu cận-nhân của trận Cần-Giuộc, do đó có bài văn-tế này, xin tóm tắt giai-đoạn lịch-sử nước nhà trong thời ấy.

Đầu thế-kỷ XIX, đế-quốc Tây-phương chia tay nhau đi kiếm thị-trường và chiếm « thuộc địa » ở vùng Đông-Nam-Á, để bảo-đảm chắc-chắn thị-trường và tìm nguyên-liệu.

(1) Xem *Leopold Pallu de la Barrière: Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861. Paris, Berger. Leoraull 1888, tr. 305-362.*

Anh gây cuộc Nha-phiến chiến-tranh với Trung-Hoa (1839), chiếm Miến-Điện (1852), và ký hiệp-ước với Xiêm (1858). Pháp lấy cơ triều-đình Huế cấm đạo Da-Tô và xử-tử linh-mục, nên bắt đầu bắn thị oai trước Cửa Hàn (25-2-1843). Và sau mấy lượt thị oai, cuối cùng quân Pháp bắn tan chiến-thuyền Việt-Nam, và Rigault de Genouilly chiếm Cửa Hàn (1-9-1858). Nhưng hơn bốn tháng sau, lại quay mũi chiến-thuyền chiếm miền Nam phi-nhiều và được địa-thế hơn : đánh lấy cửa Cần-Giờ (11-12-1858) và hạ « Thành Gia-Định » (17-2-1859).

Kể từ quân Pháp « tanh hồi » vào miền Nam đến trận Cần-Giuộc được gần ba năm, nên trong bài văn-tế có câu :

« Mùi tinh chiến vấy-và đã ba năm, .

« Ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ ! ».

Chiếm thành Gia-Định, quân Pháp chưa đủ lực-lượng để mở rộng khu thế-lực. Trong lúc ấy, triều-đình Huế biết được tình-thế, bèn đánh phá Cửa Hàn, nên R. de Genouilly phải trở ra Đà-Nẵng (20-4-1859). Liên-quân Pháp, Tây-Ban-Nha lới 3.000 quân, phải chia ở Cửa Hàn, mà bị chết trận, và phải hiệp với quân Anh dự vào chiến-tranh Trung-quốc, nên yếu lực-lượng ở Saigon, và bị vây từ tháng tư 1859 đến tháng hai dương-lich 1861.

Việt-quân, sau khi vị thống-lãnh Võ-Duy-Ninh tử trận, thất-thủ thành Gia-Định, bèn rút về Cây-Mai và Kiềng-Phước (Cholón) tổ-chức lại hàng ngũ, và lần hồi bao vây quân Pháp với quân số 12.000 binh. Rất tiếc là Việt-quân không đủ lực-lượng tấn-công quân-dịch, đoạt lại thành Gia-Định, để dây-dừa cho chúng có viện-binh giải vây. Quân Pháp tuy bị vây, nhưng nhờ có tàu chiến, nên làm chủ đường thủy, từ sông Saigon đến cửa biển Vũng-Tàu.

Chiến-tranh Trung-quốc kết-liều (hiệp-ước Bắc-Kinh ngày 25-10-1860), quân Pháp được rảnh tay, trở lại thành Gia-Định. Đồng thời Thủy-sư Đô-đốc Charner được lệnh

Napoléon III phái quân tiếp-viện, và tháng février 1861, đổ bộ lên Saigon.

Triều-đình Huế thấy tình-thế khẩn-trương, cử Kinh-lược Nguyễn-Tri-Phương vào điều-khiển quân tình. Trong khi ấy, quân Pháp đánh chiếm Kiềng-Phước, và đồn Cây-Mai, và từ đồn Cây-Mai, với thủy quân yểm-trợ, tấn công và hạ đồn Chi-Hòa (25-2-1861), và tiện đường, hạ đồn Thuận-Kiều, Hóc-Môn, Rạch-Tra... Kinh-lược Nguyễn-Tri-Phương bị thương phải về Phan-Rí điều-trị ; quan quân lui về cố-thủ Biên-Hòa. Chiến tranh tàn-khốc, dân-chúng lo âu và trông ngóng tin-tức của triều-đình :

« Tiếng phong hạc pháp-phồng hơn mười tháng,

(kể từ trận Chi-Hòa đến cuộc tập-kích Cần-Giuộc).

« Trông tin quan như trời hạn trông mưa. »

Charner sau khi thắng trận Chi-Hòa, thấy chưa thể quản-suất được Nam-Kỳ, vì còn năm tỉnh ở trông tay quan quân Việt, nên dự-định tấn-công Định-Tường và Biên-Hòa, để làm chủ ba tỉnh miền Đông, hầu cắt đứt liên-lạc giữa triều-đình Huế với quan quân ba tỉnh miền Tây.

Về chiến-lược quân-sự, lo mở rộng khu thế-lực ; dưới sông, tàu thuyền chạy đi do thám các sông rạch, Page chỉ-huy đoàn tàu từ sông Saigon chạy ra Soai-Rạp và ngược sông Đồng-Nai. Bourdais điều-khiển vài chiếc tàu thám-thình vùng Bến-Lức Tân-An. Và sau khi chiếm được Mỹ-Tho (14-4-1861), đặt tàu chiến canh chừng ven biển gần Cap Saint-Jacques, phong-tỏa cửa sông Soai-Rạp và một nhánh sông Đồng-Nai lưu-thông với Biên-Hòa, chỉ mở đường vùng hạ-lưu sông Đồng-Nai để tiện bề giao-thông với ngoại-quốc. Cuộc nội-thương chở thổ-sản từ Mỹ-Tho lên Gia-Định, thì ghe tàu vận-tải theo con sông Rạch-Cát và rạch Bảo-Định-Hạ : thương-gia Tàu được thủ-lợi nhiều trong thời-kỳ này.

Tại mấy nơi ngã ba sông lớn, thì đặt đồn bót cho tàu tuần-tiêu luôn-luôn : mấy chỗ quan-trọng thì túc-trực tàu trấn giữ, như vàm sông Rạch-Cát, Bến-Lức, chỗ Bến-Lức giáp nước với Vàm-Cỏ-Tây, vàm Nhứt-Tảo, Chợ-Đệm...

« Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan,
« Ngày xem ống khói chạy đen xi, muốn ra cắn cỏ... »

Tại Saigòn — Chợlớn, từ tháng Mars, quân Pháp lo sắp-đặt việc hành-chánh, đặt ra chức thống-lý để cai-trị, mở-mang đường giao-thông, đặt trạm thơ. Mở trường đào-tạo thông-ngôn, tuyển-dụng « cai tổng » coi việc hành-chánh hương-thôn, mộ quân lính trong xứ làm « thân binh » để canh gác đồn bót.

Trong tháng ba 1861, Charner đã lập bốn toán lính ma-tà....

« Sống làm chi ở lính ma-tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ ».

Về lính ma-tà, theo Vial trong quyển *Les premières années de la Cochinchine* (in năm 1874), thì trong trận đốt tàu *Espérance* ở Nhứt-Tảo, có lối vài chục « thân-binh » trú đóng trên bộ, trước mặt chiếc *Espérance*, đều bị nghĩa-quân Việt tàn-sát hết.

Những quận huyện mà quan quân Việt bỏ trống thì họ đặt quan cai-trị, cũng tại mấy địa-diểm ấy, và trí thêm đồn bót, như Cây-Mai, Thuận-Kiều, Rạch-Tra, Trảng-Bàng... tất cả đến cuối năm 1861, là 25 đồn.

Qua tháng tư dương-lich (1861), Charner định tấn-công Định-Tường. Tàu Pháp thám-thính các vùng Bến-Lức, Tân-An, và theo rạch Bảo-Định-Hạ, sông Vàm-Cỏ tiến lần xuống Mỹ-Tho, sau khi đã cực nhọc phá-hủy những cơ-quan phòng thủ trên sông, những « khúc hàn » do Việt quân dựng lên. Đổ bộ Trung-Lương ngày 11-4-61, Tướng Bourdais bị tử-trận tại phòng-tuyến Bảo-Định-Hạ. Quân Pháp vây hãm Mỹ-Tho và chiếm cứ ngày 14-4-61, trong khi Đô-đốc Nguyễn-Công-Nhàn đã bỏ thành rút lui.

Thắng Mỹ-Tho, họ lần-lượt đánh chiếm luôn vùng phi-nhiều ở khoảng giữa sông Vàm-Cỏ và Tiền-giang : Chợ-Gao, Rạch-Gầm, Cai-Lậy, Cai-Bè (vùng Mỹ-Tho); Tân-An, Thuộc-Nhiều, Gia-Thạnh, Gò-Công (vùng Tân-An); Cần-Giuộc, Rạch-Kiến (vùng Phước-Lộc)...

Vì phải phân-tán lực-lượng canh giữ mấy đồn bót, và chẳng bị Việt-quân không ngọt tập kích, Charner phải hoãn việc tấn-công Biên-Hòa, để lo sắp đặt việc cai-trị, cho địa-vị được củng-cố.

Bên phía Việt-Nam, sau trận Chi-Hòa, quan quân rút về cố-thủ Biên-Hòa. Triều-đình cử Nguyễn-Bá-Nghi thay thế Nguyễn-Tri-Phương để điều-khiển cuộc chống Pháp. Ông đến Biên-Hòa vào lúc Mỹ-Tho thất-thủ. Nhận thấy tình thế không thể thắng, ông mưu tính giảng-hòa với Pháp, nhưng đô-đốc Charner buộc phải tiếp-nhận 12 điều gắt-gao, làm cho vua Tự-Đức và triều-đình không ai ưng chịu : nghị-hòa thất-bại... Đồng thời vua Tự-Đức ban chỉ-dụ ngày mồng ba tháng ba Tân-Dậu (12-4-1861), kêu gọi dân-chúng Lục-Tĩnh đứng lên chống Pháp. Từ chỉ-dụ đại-khai như vậy :

« Người Lang-Sa đến tại xứ Gia-Định đã đặng ba năm làm rồi cho Trẫm, chúng nó triệt-hạ thành, bắn phá quân cố thủ. Bởi đó các kẻ trung-thần và trẫm đều giận quá sức, nhất là nhân-dân Nam-Kỳ là người Trẫm tưởng hết thấy đều sẵn lòng hiệp cùng binh-sĩ trẫm báo thù chung.

« Người Lang-Sa không phải đồng-loại với chúng ta, họ muốn hà-khắc chúng ta và hãm-hiếp thế-tử chúng ta. Vậy những người nào xem việc ấy là sỉ-nhục, hãy theo ta.

« Mỗi người trung-thần nghe lời trẫm khuyên, hãy giục dân chỗi dậy và lập ra các đạo-binh theo cách này... » (*)

Phong trào khởi-nghĩa nổi lên khắp nơi, nhứt là sau vụ thất-thủ Định-Tường, vùng Gò-Công là nơi ngoại-thích của nhà vua, bị chiếm-cứ : ông Huyện Thoại với

Trương-Công-Định ở Gò-Công, ông Phủ Cậu ở Mỹ-Quý. Chịu mạng-lệnh ở Biên-Hòa và Vĩnh-Long, nghĩa-quân hoạt-động đánh phá vùng tứ giác Chợ-Lớn, Tân-An, Mỹ-Tho, Gò-Công.

Ông Trương-Công-Định mộ quân ứng-nghĩa, một mặt đắp đập hàn sông, phá đường giao-thông, một mặt truy-nã bọn theo giặc, đi lính hoặc làm « quan » cho Pháp, nhiều vị « cai tổng » xu thời bị ám-sát. Từ tháng sáu đến tháng mười một dương-lịch, nghĩa là trong thời-kỳ chỉ-huy của Charner, nhiều trận tập-kích tiếp-diễn không ngớt khiến quân giặc phải mệt công chống đỡ, tuần tiễu đêm ngày, và khiến Charner phải ký nghị-định ngày 22-8-1861 giải-tán đồn-diên trong nông-thôn của triều-đình mà quân Pháp mới chiếm cứ làm chủ.

Trận mãnh-liệt nhất là trận Gò-Công. Rạng ngày 22 Juin 1861, ông Huyện Đổ-Trình-Thoại với 600 nghĩa-quân vây đánh Vial đóng căn-cứ tại một cái đình. Vial nhờ có thám-tử mật báo nên đề-phòng được; tuy vậy y cũng bị thương và bị hỏa hổ Việt quân xẹt cháy một con mắt, ông Huyện Thoại bị tử-trận.

Qua ngày 24 Juin, ông Trương-Công-Định tiếp đánh trả thù dữ-dội; thiếu-tướng Lebris phải cho đồ-bộ thêm quân mới đánh lui được.

Tại Mỹ-Tho, ông Phủ Cậu đóng căn-cứ ở Mỹ-Quý đánh phá Cai-Lậy ngày 29-8 và ngày 15-9 dương-lịch; đồn Bourdais ở Bảo-Định-Hạ bị tập-kích ngày 4-9; Rạch Gầm bị đánh phá ngày 30-10 và 3-11 dương-lịch...

Cuối tháng 11 dương-lịch, Phó Đô-đốc Bonard chở thêm quân tiếp-viện và thay thế Charner. Chiến-lược của ông là phải thực-hiện việc đánh chiếm Biên-Hòa và Bà-Rịa nghĩa là làm chủ ba tỉnh miền Đông để chặn đường liên-lạc giữa triều-đình với quan quân ba tỉnh miền Tây, và củng-cố thế-lực của quân Pháp hầu thôn-tính trọn Nam-Kỳ. Vì vậy, ông lo rút bớt quân lính các đồn bót để chuẩn-

bị tấn-công Biên-Hòa. Trước tiên, ngày 9-12-1861, phái Lespès chỉ-huy chiếc tàu Norzagaray ra chiếm đảo Côn-Nôn, vì sợ nước Anh đến giành, lấy cớ là gần Singapore.

Trong lúc ấy, Việt-quân thám thính biết được mưu-lược của Bonard nên quan quân ở Biên-Hòa lo xây đắp thêm chiến-lũy và đập hàn sông. Nghĩa-quân thì ráo-riết hoạt-động. Trưa ngày 10 tháng 12 dương-lịch, Ông Nguyễn-Trung-Trực sắp đặt mưu-kế, giả làm ghe thương-hồ, can-đảm tiến gần tàu *Esperance* đậu tại Nhứt-Tảo, và xuất kỳ bất ý chém giết quân giặc, đốt được tàu, quân Pháp chỉ có năm người thoát thân được (2 lính Pháp, 3 lính tagals). Quân Pháp trả thù đốt làng Nhứt-Tảo...

Chiến-công oanh-liệt này vang dội khắp xứ « *Hỏa-hồng Nhứt-Tảo oanh thiên-địa* » làm phấn-khởi nghĩa-quân. Và thừa lúc quân Pháp rút bớt binh lính, Việt-quân mới đánh úp các đồn, theo như lời của Schreiner viết mà chúng tôi lược dịch ở đoạn trên.

Bởi mấy cận-nhân ấy mới có trận Cần-Giuộc và bài văn-tế của Cu Đờ Chiêu tế « vọng hồn mộ nghĩa ». Có điều khác là, như đã nói ở trước, theo sách Pháp thì trận Cần-Giuộc, (Tân-An, Gò-Công) do Việt-quân đánh úp, xảy ra ngày 14-12-1861, tức là ngày 13 tháng 11 năm Tự-Đức thứ 14, mà trong bài văn-tế lại đề là đêm rằm.

Chánh rạng đông ngày 14-12-1861 ấy, Bonard xuất binh, chỉ-huy bốn đạo quân, do hai đường thủy và bộ tiến đánh Biên-Hòa: làng Gò-Công thuộc quận Thủ-Đức bị chiếm; và sau hai ngày công-hãm khó nhọc, ngày 16 và 17-12, bị sức chống trả mãnh-liệt của Việt-quân dưới quyền chỉ huy của Lê-Khắc-Cần, Bonard mới chiếm được Biên-Hòa.

(Phải chăng việc Bonard đánh chiếm làng Gò-Công, có rạch Gò-Công, thuộc quận Thủ-Đức vào ngày 14-12-1861 khiến hai học-giả chúng ta lầm lẫn là Bonard đánh Gò-công (tỉnh-ly) ?

Tóm lại, theo mấy tài-liệu dẫn ra, chúng ta có thể hiểu như thế này. Việt-quân do biết Phó đô-đốc Bonard vừa thay thế Đô-đốc Charner, cho lệnh rút bớt quân lính các đồn để chuẩn-bị đánh chiếm Biên-Hòa hầu chặn đường liên-lạc giữa triều-đình với nghĩa-quân miền Tây. Lợi-dụng việc bớt quân ấy của Pháp, Việt-quân tổ-chức cuộc tập-kích, được phần-khởi sau vụ đốt tàu *Espérance* ở sông Nhứt-Tảo (10-12-1861). Thừa lúc Bonard xuất binh đi đánh Biên-Hòa hồi 5 giờ sáng ngày 14-12-1861 thì tối đêm ấy nghĩa-quân nhất tề đánh phá Tân-An, Gò-Công (sách Pháp không nói lúc ban ngày hay ban đêm vì thuật tóm lược nên ghi luôn Cần-Giuộc). Và theo lời ghi chú và lời văn trong bài văn-tế thì trận Cần-Giuộc có thể xảy vào đêm rằm tháng 11 năm Tân-Dậu (16-12-1861), cũng như trận Gia-Thạnh ngày 18-12...

Có điều việc diều-tế không biết cử hành tại đâu và vào ngày nào ?

VĂN-TẾ VONG HỒN MỘ NGHĨA

Tự Đức thập-tứ niên, thập nhứt nguyệt, thập ngũ nhứt chi dạ. Thống quân (Bùi Quang Mỗ) suất trưng nghĩa-binh tỵ Cần-Giuộc công phá dương huyện, thiêu đặc dương di đạo đường, đạo quán, thích trúng dương quan tri huyện, tỉnh Chà-và Ma-ni đặng; nghĩa binh trận vong, cai thập ngũ danh. Kỳ Tú-Tài Nguyễn-Đình-Chiều phụ tế văn :

- 1.— *Súng giặc đất rền, Lòng dân trời tỏ :*
- 2.— *Mười năm công võ ruộng, xưa ắt còn, danh nổi như phao.*
Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất, tiếng vang như mõ (a)
- 3.— *Nhớ linh xưa !*
Cui cút làm ăn, Riêng lo nghèo khó.
- 4.— *Chưa quen cung ngựa, đưa tới trường nhung (1),*
Chỉ biết ruộng trâu, ở theo làng hộ.

- 5.— *Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm ;*
Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.
- 6.— *Tiếng phong hạc (2) pháp-phòng (2) hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ;*
Mùi tình chiến vấy-vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.
- 7.— *Bừa thấy bông bong (3) che trắng lớp, muốn tới ăn gan ;*
Ngày xem ống khói chạy đen xi (b), muốn ra cắn cỏ.
- 8.— *Một mối xa-thơ (4) đồ sộ, há để ai chém rắn đuôi hươu ;*
Hai vàng Nhứt nguyệt chói lòà, đầu dung lũ treo dê bán chó.
- 9.— *Nào đợi ai đòi ai bắt ; phen này xin ra sức đoạn kình.*
Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc (c) ra tay bộ hổ.
- 10.— *Khá thương thay !*
Vốn chẳng phải quân cơ (d) quân vệ, theo dòng (đ) ở linh diên binh,
Chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ (e).
- 11.— *Mười tám ban võ-nghệ, nào đợi tập rèn (g) ;*
Chín chục trận binh-thơ, không chờ bày-bố (h) ;
- 12.— *Ngoài cật có (i) một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi (õ) ;*
Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu nón gõ.

- 13.— Hỏa mai đánh bằng rom con cui, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia,
Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém đặng (k) đầu quan hai nọ.
- 14.— Chi nhọc quan quân gióng trống kị, trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không.
Nào sợ người (k) Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.
- 15.— Kể đăm ngang, người chém ngược, làm cho ma-tà ma-ni hồn kinh ;
Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng, súng nổ.
- 16.— Những lăm lòng nghĩa sau dùng (l), đâu biết xác phàm vội bỏ,
- 17.— Một chắc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay yên ngựa chở thầy (m) ;
Trăm năm âm phủ ấy chữ quy, nào đợi gươm hùm treo mộ.
- 18.— Đoái sông Cần-Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ;
Nhìn chợ Trường-Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.
- 19.— Chẳng phải án cướp án gian (n) đầy tới, mà vì binh đánh giặc cho cam tâm ;
Vốn không giữ thành, giữ bảo (o) bỏ đi, mà hiệu-lực (ô) theo quân cho đáng số.
- 20.— Những nghĩ rằng :
Tấc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta,
Bát cơm manh áo của (p) đời, mắc mớ chi ông cha nó.
- 21.— Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương ;
Vì ai xui đồn-lũy tan-tành, xiêu mưa ngã gió.

- 22.— Sống làm chi theo quân khác loại (q), quặng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn.
Sống làm chi ở lính ma-tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.
- 23.— Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tồ-phụ cùng vinh ;
Chẳng thà hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man-di rất khổ.
- 24.— Ôi thôi thôi !
Chùa Lão Ngộ (7) (r) năm canh ửng đông lạnh, tám lòng son gởi lại bóng trắng rằm.
Đồn Tây-dương một khắc đặng trả hồn (s), tủi phận bạc trôi theo dòng nước đổ.
- 25.— Đau-đớn bấy mẹ già trông con trẻ (t), ngọn đèn khuya leo-lét trong lầu ;
Nào-nồng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật-dờ trước ngõ.
- 26.— Ôi !
Một trận khói tan, ngàn năm tiết rõ (u),
- 27.— Binh tướng nó hãy đóng sông Bến-Nghé, làm cho bốn phía mây đen.
Ông cha ta còn ở đất Đồng-Nai, ai cứu đặng một phương con đỏ.
- 28.— Thác mà trả nước non rồi nợ (v), danh thơm đồn sáu tỉnh, chúng đều khen ;
Thác mà ửng đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời, ai cũng mộ.
- 29.— Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc (x), linh-hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;
Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã đánh-rành, một chữ ăm đủ đền công (z) đó.

30.— Nước mắt anh-hùng lau chẳng ráo, thương vì hai
chữ thiên dân (8)

Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thom, cảm bởi một
câu vương thổ.

Hỡi ôi!

Có linh xin hưởng.

(*) Trích một đoạn bản dịch của Nguyễn-Bảo-Hóa,
Nam bộ chiến sử (Saigon, Lửa Sống 1949), tr. 97.

a) Có bản chép : *Mấy năm công võ ruộng, ở đất Vua
sống chẳng quên ơn. — Một trận nghĩa đánh Tây,
đền nợ nước thác coi như ngủ.*

b) Có bản chép : *Đêm đêm thấy bóng bong che trắng
lốt...*

Ngày ngày xem ống khói chạy đen xi...

c) Có bản chép : *quyết.*

d) Có bản chép : *Nào phải thiệt quân cơ*

đ) Có bản chép : *theo vòng*

e) Có bản chép : *Gốc thật ròng là dân ấp, dân lân, ra
ừng nghĩa làm quân chiêu mộ.*

g) Có bản chép : *chưa kịp tập rèn*

h) Có bản chép : *Mấy mươi trận binh thơ, khôn chờ
bày-bổ.*

i) Có bản chép : *Ngoài cột che một manh...*

k) Có bản chép : *cũng chém rớt đầu...*

k') Có bản chép : *Nào sợ thắng Tây*

l) Có bản chép : *lòng nghĩa lâu dùng.*

m) Có bản chép : *da ngựa bọc thây.*

n) Có bản chép : *Chẳng phải ăn cướp, ăn gian...*

o) Có bản chép : *giữ thành, giữ lũy.*

p) Có bản chép : *manh áo ở đời.*

q) Có bản chép : *theo quân tả đạo.*

r) Có bản chép : *chùa Tân-Thạnh*

s) Có bản chép : *Đồn Lang-sa một phút đứng trả hồn,
chúng phận bạc...*

t) Có bản chép : *mẹ già ngồi khóc trẻ*

u) Có bản chép : *ngán năm tiết rở*

v) Có bản chép : *Thác mà nước non rồi nợ*

x) Có bản chép : *Còn đánh giặc, mắt cũng đánh giặc.*

z) Có bản chép : *đền ơn đó.*



(1) *trường nhung* : chỗ đánh giặc, chiến-trường.

(2) *tiếng phong hạc* : « Phong hạc » do câu « *phong thanh
hạc lệ* » là « tiếng gió thổi, tiếng hạc kêu », dùng chỉ khi có
điều gì nghi sợ thái quá, nghe tiếng gì cũng phấp-phồng.
Lấy tích : « quân của Phù-Kiên đời Tấn liệt binh trăm vạn
ở sông Phi-Thủy. Tạ-Huyền bèn đem tám ngàn quân vượt
qua sông; quân của Phù-Kiên vỡ chạy, quăng bỏ khí giáp
chạy trốn, ban đêm nghe « tiếng gió thổi, tiếng hạc kêu »
đều ngỡ là quân giặc đuổi theo.

(3) *bóng bong* : vải hoặc đệm buồm may để che nắng;
đây là nhà lều bằng bố của lính Pháp.

(4) *xa thơ* : « xe và sách » do câu « *Kim thiên hạ xa
đồng quỹ, thư đồng-văn* » (ngày nay trong thiên-hạ, xe
cùng một thứ trục, một cách thức, sách cùng một thứ chữ).
Ý nói đất nước được « nhứt thống » thành-vương, đâu phải
khổ-khắc như đời Tần-thủy-Hoàng, mà chịu để cho Lưu-
Bang chém rắn đuổi hươu (nhà Tần).

(5) *Bao tẩu, bầu ngòi* : bao đựng mã tẩu, dao tu của
lính, bầu đựng ngòi thuốc súng, vì phía bên Việt quân
dùng súng « hỏa-mai » bắn « hỏa hổ ».

(6) *Hiệu-lực* : vì có tội, phải tòng quân mà chuộc tội.

(7) Chùa Lão Ngộ là ngôi chùa ở trên đường Mỹ-Lộc từ
Cần-Giuộc qua Rạch-Kiến.

(8) *Thiên dân* là nhân-dân, dân đen.

Xuân CANH TÝ (1960)

LÊ-NGỌC-TRỤ

(sao lục và giải-thích)

ĐIỀM SÁCH :

« ÁO ĐỎ ÁO ĐEN »

Trần-Thúc-Linh — Thời Mới xuất-bản
Saigon 1965 — Khổ 13 x 19 — 188, trang giá 48\$

★ bài của BÙI HOÀNG-THU

LỜI NGƯỜI VIẾT: Trong khi đi tìm một cuốn sách để điềem cho Đồng-Nai Văn-Tập theo lời ướm ý của Giáo-sư An-Cư chủ biên thì cuốn « Áo đỏ Áo đen » đập vào mắt làm tôi chú ý. Liền đấy tôi nhất-định chọn cuốn này, bởi 3 lý do :

1) *Loại kịch rất hiếm.* — Theo bài biên-khảo của Học-giả Nguyễn Hiến-Lê đăng trong Tin Sách số 44 tháng 2 năm 1966 tổng kết các tác-phẩm văn-nghệ xuất-bản năm 1965, thì tác-phẩm thuộc bộ môn Kịch rất hiếm. Ở đời cái gì hiếm vẫn quý.

2) *Thăm-phán viết « Văn »...* Chữ « văn » ở đây nên hiểu theo nghĩa « văn-nghệ ». Còn riêng tác-giả « Áo đỏ Áo đen » thì ai cũng biết ông đã viết nhiều sách cho « nghề » Tư-pháp của ông rồi. Cho nên đó cũng là một điều quý nữa.

3) *Công-lý phải được tôn-trọng ở bất cứ thời-đại nào.* — Ngày nay, Pháp-đình phải trả lại cho các ông quan tòa. Các quan tòa phải có lương tri « độc-lập » vô tư. Đừng vì áp-lực của nhà nước, của kẻ cầm quyền, hay một tôn-giáo, một phe nhóm hoặc bè-phái nào... để đến nỗi công-lý bị vo tròn, bóp méo...

Đó là lý do mà tôi muốn đọc cuốn : « Áo đỏ Áo đen ».



Cốt chuyện :

... Văn-Thanh là biện-lý tòa-án tại một tỉnh nhỏ nọ. Ông là một quan tòa thông-minh, ngay thẳng và vị dân. Chính vì sự ngay thẳng, vị dân đó mà ông bị chậm trễ trong việc thăng chức Hội-thẩm. Điều này làm cho bà Văn-Thanh rầu-rĩ mỗi khi nhìn tập công-báo, mục thăng thưởng mà không thấy tên chồng...

Cả gia-đình Văn-Thanh (bà vợ và con gái) đang lo-lắng về vụ án giết người vừa xảy ra tại Xóm Mới. Nội vụ như sau : một ông già 95 tuổi bị giết ngay tại nhà y, trên giường y thường ngủ.

Tòa-án tỉnh đang truy-tố gắt-gao thủ-phạm. Có hai phe : phe dự-thăm Đỗ-Lang suy-đoán thì thủ-phạm nhất-định nằm trong bọn thanh-niên du-đảng. Còn phe Mai-Dương thì cho là chính Tư Bền, một con nợ của ông già bị giết là sát-nhân.

Số là Tư Bền có bán-độ cho ông già Xóm Mới cái trại của y từ 15 năm nay. Năm nào y cũng phải trả tiền mướn trại cho ông già. Điều y cho là đau khổ : đất của mình lại do mình mướn, sau hàng chục năm mà không chuộc về được. Ngoài ra Tư Bền còn mang bốn tiền án về tội cố tình đả thương...

Do đó mà phe Mai-Dương nhất-định đồ giết cho Tư Bền là thủ-phạm. Bởi lẽ y sẵn mang căm-thù với ông già nên ngày cúng ông Táo, y nhậu say rồi giết ông già. Đó là nguyên-cớ để mấy quan tòa buộc tội Tư Bền là tên sát-nhân. Duy chỉ có Văn-Thanh, biện-lý phiên tòa hình hôm đó, vì công-tâm biết rõ nỗi oan của bị can. Ông nhất-định dùng tài hùng-biện để tha bổng cho y. Bởi vì, ông nghĩ rằng : tha tha lắm cho 10 người có tội, còn hơn tuyên-án một kẻ vô-tội.



Rất tiếc là tác-giả không nêu ra những điểm then-chốt để chứng-minh Tư Bền vô-tội. Ông biện-lý Văn-Thanh đại-diện Công-tổ-viện đáng lý buộc tội « bị can » lại biện minh rất hùng-hồn được ông chánh-án khen hay. Chính ông biện-lý tìm thấy những lẽ sơ-suất mà luật-sư bị can không tìm thấy. Và lại chính ông tha cho bị can.

Như vậy có phải là điều « thiếu sót » không ? hay đó là kỹ-thuật viết của tác-giả Brieux trong « Robe rouge » hay của dịch giả ?

Nói rằng : luật-sư bị can có điều « dở » mà lại không trưng ra cái dở ấy thì điều hay của kẻ giỏi và điều dở của người kém vẫn không có bằng cớ. Công-lý phiên tòa hình trong vụ án Tư Bền được tha bổng vẫn chưa sáng tỏ.

Chúng tôi tin rằng : một vị quan tòa như Văn-Thanh có đầy-đủ kinh-nghiệm nghề-nghiệp tìm ra lý lẽ xác-đáng gỡ tội cho bị can hơn một luật-sư. Nhất là luật-sư mới ra « lò ».

Ở đây, tôi không muốn bàn đến kỹ-thuật bố-cục và xây-dựng cốt chuyện. Bởi vì đây là một kịch-phẩm phóng-tác. Nếu có sơ sót dĩ-nhiên không phải lỗi ở dịch-giả mà lỗi ở tác-giả nguyên-tác nhiều hơn. Chúng tôi chỉ muốn nói đến tính-chất « kịch » trong « Áo đỏ Áo đen » mà thôi.

Nếu hỏi rằng : thế nào là kịch ? Thì câu trả lời rất dễ.

Kịch là việc xảy ra cách bất-thường trong đời sống. Ví-dụ : kéo tấm màn sân-khấu lên, một người cầm gậy gõ xuống sàn ba cái thật mạnh kịch ! kịch ! kịch ! ... Đó cũng là kịch vậy.

Vậy thì việc tác-giả mô tả những phiên tòa hình một bên có quan tòa, bên có bị cáo, nhân-chứng v.v... thì đúng là « kịch » rồi.

Và nhất là vở kịch « Áo đỏ Áo đen » lại có mục-đích phơi ra ánh-sáng những tiểu-xảo, gian-ngoa của một số

tri-thức. Mặc dù đó là thành-phần qua ba tòa « ông lo » thì tác-phẩm quả đã thành-công mỹ-mãn.

Sau đây chúng ta hãy nghe lối đồ tội cho một tên dân đen Tư Bền của dự-thảm Mai-Dương :

« ... Danh-dự của nghề-nghiệp đâu cho làm thế... Nhưng thiếu gì bọn khổ rách áo ôm, nhà què vợ vằn... phạm-phép nước. Truy-tố bọn đó, ai mà can-thiệp đến. Còn thống-kê, thì ai cấm đưa vào báo-cáo những số án-lệnh phê đơn... Thật thà như bác (tức Văn-Thanh) mình thua cả các tòa hạng bét ở Phú-Quốc... » (trang 51, cảnh 6, Hồi 1).

Thật là mỉa-mai, thà rằng ông đừng nêu chữ « danh-dự » phủ đầu còn hơn nói ra mà không biết ngượng miệng. Chữ « nhưng... » ở đây thật tai hại, chua cay và qui-quyết... Thì ra cái ông dự-thảm học-thức kia, kẻ đã hiểu thế nào là danh-dự công-bằng, lương-tâm chức-nghiệp... Chưa kể đến lời « tuyên-thệ » trước khi vào nghề... Thế mà ông đã nhắm mắt làm ngoi hết mọi điều đáng qui để sẵn-sàng « vu khống » cho một dân lành. Đê-hèn nhất là câu : « ... Truy-tố bọn đó ai mà can-thiệp ». Thật là bỉ ổi ! Thật là gian-manh qui-quyết ! Không những một mình « tội lỗi », Mai-Dương còn dụ Văn-Thanh, một con người ngay-thẳng, chỉ nghĩ đến lương-tâm, danh-dự, lời thề vào con đường bất-nhân của y nữa.

Ở cảnh khác chúng ta hãy nghe Tư Bền, một dân lành ngu chữ, nhưng đã có giọng nói thông-minh, châm-biếm đập vào mặt Mai-Dương như sau :

« ... A quan lớn lại tìm thêm cách khai-thác vợ tôi. Quan lớn xui nó nói, quan lớn dạy nó đem lũ con tôi ra lung-lạc tôi... Tôi không rõ quan lớn dạy nó nói ra sao, nhưng chắc-chắn quan lớn làm nó tin rằng tôi là quân giết người. Quan lớn mong rằng nó đem lũ con tôi ra để đưa tôi lên máy chém. Quan lớn biết rằng, tôi thương vợ, thương con... Quan lớn mình lắm » (trang 111, cảnh mười, Hồi II).

Thật chí-lý, người thường nói : vỏ quít dày có móng tay nhọn... Nó lú thì chú nó khôn. Kẻ trí-thức xui kẻ trí-thức buộc tội cho dân đen. Bây giờ y còn xui vợ « khuyển » chồng nhận tội là kẻ sát-nhân. Thật là bỉ ổi, bất-nhân vô cùng.

Nên nhớ rằng : Mai-Dương đã có thành-tích « chơi bò » đã bị Ông Tỉnh-trưởng địa-phương cho vào sổ « đen ». Y còn bị ông chủ-ông-ly đề-nghị thuyên-chuyển đi chỗ khác.

Nhưng y đã « chạy chọt » với nghị Hà. Nghị Hà dùng thủ-đoạn « lớn » ông chủ-ông-ly để cứu Mai-Dương.

Thế mới biết : ở đời trí-thức lại « bần » hơn dân đen nhiều. Đừng tưởng chỉ có dân đen luồn cúi, đi công hậu đầu nhé. Ngay trong lớp trí-thức cũng có nhiều « vị » nịnh bợ, chơi bò, luồn cúi ra gì. Càng văn-minh, trí-thức lại càng xảo-quyệt.

Ở những nghề-nghiệp khác hoặc giai-cấp khác mà nói tôi chạy chọt, luồn cúi, sợ bị « cạo » khả dĩ còn có thể chống-chế dễ nghe... Chứ là những vị quan tòa mà cũng hèn-nhát, sợ-sệt thì thật là tai-hại, giết dân. Ví như vị chánh-thẩm sợ Bộ « nạo » nên cũng phải về phe Mai-Dương để cố buộc tội cho Tư Bền. Hãy nghe ông nói với Văn-Thanh : «... *Đề khi Bản án của tôi bị phá, Bộ sẽ cạo tôi : Hội-thẩm gì mà chủ-tòa một phiên đại-hình không xong. Thời thời xin ông bỏ cái ý hy-sanh anh em để cứu một tên lưu-manh...* » (Cảnh 8, Hồi III, trang 157).

Trở lại cốt chuyện của vở kịch. Tuy là một câu chuyện rất thường nhưng có tác-dụng tế-nhị. Tôi nói rất thương. Bởi vì ngày nay người ta giết nhau như « bõn ». Giết nhau vì mấy chục bạc. Giết nhau để đoạt cái đồng-hồ, chiếc xe máy. Giết nhau vì tình. Biết bao vụ giết người thường xảy ra mà báo chí đã đăng tải. Mới đây, một vụ giết người kinh-lỗm nhất xảy ra ở Chicago. Trong một đêm, tám nữ-

sinh-viên điều-dưỡng trở thành thầy ma bởi bàn tay của một tên cuồng dâm.

Vụ án Tư Bền có thể là sự cảnh-tỉnh một số « quan tòa » đã lãng quên nhiệm vụ...

Tác-phẩm « Áo đỏ Áo đen » ra đời có thể coi là thật đúng lúc. Bởi vì từ xưa tới nay có ai dám vén bức màn nhung ấy. Những bức tường cao của « ba tòa ông lớn » đã che kín và cách-biệt giai-cấp này với nhiều giai-cấp khác. Mấy ai có thể ngờ rằng cũng có « những ông bạn đi xin cơm tù về nuôi heo nái, lấy tội nhân về chăn bò... vợ con cho vay nợ lãi... » (trang 24). Hoặc cũng có : «...nếu các ông tòa tài giỏi lại có tư cách mà cứ để những tôm tép nó cưỡi cổ thì cái gì là uy tín của Tòa Án... » (trang 23).

Nếu trong hàng ngũ các « quan tòa » của ta cũng rứa thì đây là một bài học để các vị xét lại.

Hơn nữa, như chúng tôi đã nói ở trên, Pháp-đình phải được công-ly soi sáng — các vị quan tòa phải vô-tư, ngay-thẳng. Họ phải được « độc-lập » làm việc không bị áp-lực nào chi-phối.

Tại sao lại có cái cảnh « tôm tép cưỡi cổ » những ông quan tòa giỏi, nếu không có những người ỷ lại quyền thế của cấp trên hoặc phe nhóm ?

Tại sao lại phải xử án theo chỉ-thị thượng-cấp, nếu không có những vụ lấn-áp của Hành-pháp sang Tư-pháp ; của Chính-phủ với các vị « quan tòa » ! ? ?

Xem xong vụ án Tư Bền trong « Áo đỏ Áo đen » gấp cuốn sách lại tôi cảm thấy « chua xót » rất nhiều cho một nơi tôn-nghiêm mà xưa nay vẫn gọi là « Tòa Công-ly ».

Những dữ-kiện đã xảy ra nơi pháp-đình trong « Áo đỏ Áo đen » cho chúng ta ý nghĩ : quả người ta kêu phiên không ngoa. Công-ly một chiều. Công-ly bất-công. Công-ly bị vo tròn bóp méo ở xã-hội « Cách-Mạng » ngày nay.

Những người mang danh-dự : kẻ đại-diện của thần công-lý mà chỉ biết vụ lợi, sợ thượng-cấp, vô trách-nhiệm vô lương-tâm thì xã-hội này chỉ có « Loạn ». Loạn tở như chúng ta đã thấy và đang thấy.

Có lần tôi được nghe một ông bạn nói : ở đời làm nghề quan tòa, nghề áo thụng (métier de robe), tuy ít tiền nhưng thật cao quý. Bởi vì là những người bênh-vực cho lẽ phải.

Sống ở đời, con người ai cũng sợ nhất hai tiếng « ngục thất » đúng như học giả Nguyễn Hiến-Lê nói ở đầu cuốn sách này.

Nhưng xã-hội muốn có an-ninh, pháp-luật phải được tôn trọng; công-lý phải được các vị cầm cân thăng-bằng, vô-tư, ngay-thắng. Có tội phải được xét xử công-minh, đền phạt xứng-đáng. Chứ đừng bao giờ về bè, a dua mà bỏ quên công-lý. Một khi công-lý bị bỏ quên, lương-tâm bị xếp xó, tất-nhiên khi ấy quan tòa sẽ bị lệ thuộc.

Bởi vậy, nghề quan tòa cũng có thể trở nên ti-tiện, nếu nghề ấy gây nên bất-công đồ võ cho xã-hội con người.

Nhưng chúng ta chẳng bao giờ nên thất-vọng, bởi còn có nhân-vật biết trọng công-lý, lương-tâm như Văn-Thanh trong « Áo đỏ Áo đen ». Hoặc còn có một vị thẩm-phán hiện tại chức như tác-giả Trần-Thúc-Linh có can-đảm phơi ra ánh-sáng một vài « vết nhơ » trong ngành Tư-Pháp cũng như tác-giả « Brieux » của « Robe rouge »... thì bất cứ xã-hội nào cũng còn có cơ-hội xây-dựng lại.

Tòa-án vẫn là nơi thi-hành công-lý. Pháp-luật vẫn được thi-hành nghiêm-chỉnh. Bởi vì dù « Sự Thật » có bị khuynh-đảo đến thế nào đi nữa thì muôn đời « Sự thật » vẫn tồn-tại.

Tôi nghĩ rằng, tác-giả đã có dụng-ý xây-dựng rất nhiều cho nghề-nghiệp, cho xã-hội Việt-Nam bằng cách cho ra đời một tác-phẩm vào loại hiếm có này. Không phải ông có ý bôi nhọ nghề-nghiệp của ông như một vài

người bạn của ông làm tướng. Nhưng chính là ông chủ tâm lành-mạnh-hóa, lấy lại uy-tín cho nghề và cho cả ngành Tư-pháp hiện-hữu.

Bởi vì « ... Có đem mặt trái của một nghề nào ra phơi bày, chỉ những ai không xứng-đáng với nghề mình mới cảm thấy bị chỉ-trích, chứ riêng cái nghề, làm gì có mặt phải mặt trái, nghề nào chẳng đẹp... » (Trần-Thúc-Linh).

Và quả thật, ở đời nghề nào cũng có kẻ tốt người xấu, kẻ ngay-thắng, người lưu-manh... âu là cũng là lẽ thường vậy.

BÙI HOÀNG - THU

XIN ĐÍNH-CHÁNH

TRONG ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP, TẬP 6

Bài Tinh-Thần Tiếng Việt

Trang 66 dòng 10 : Nguyễn Mô xin sửa lại : Nguyễn-Trần-Mô

Trang 67 dòng 5 : loại thừa lớn xin sửa lại : loại thừa lớn
— 15 : điều (điền + liên thiết) xin sửa lại :
điều (điền + liêu thiết)

Trang 68 dòng 17 : âm mang của xin sửa lại : âm mang
của

— 20 : quền xin sửa lại : quền

N
o
i

N
i
ê
m

V
i
ê
t

N
a
m

GỬI BÔNG-LÔNG

(sau Hiệp-định Genève 1954)

Biết tỏ sao ra chuyện đáy lòng ?
Thơ đề một lá gửi bông-lông :
Nợ duyên Nam-Bắc miên-trường chẳng ?
Máu mù Rừng-Tiên đoạn-tuyệt không ?
Nghĩa mới vừa đang nhìn ruột thịt,
Tình chưa chi đã cắt non sông.
Tờ mây nhẩn nhạt cùng ai đó :
Mưa chớ qua-phân khối Lạc-Hồng.

Thân-văn NGUYỄN VĂN QUI



MONG ĐỢI

Muốn sử bia danh có khó gì :
Phá chùa, đập bụt, sát tăng-ni.
Mấy thằng ngu-xuẩn chơi trò nghiệt,
Một ã dâm-ô trở mặt lì.
Trời giận trời quây, rung phần-nộ,
Phật rầu, Phật khóc, động từ-bi !
Lưới thưa mà đổ bầy chun lọt !
Ta đợi ngày kia thử cái khi.

Tuần-ly HUỖNH KHẮC-DỤNG

(25/10/1963, gần ngày tàn của nhà Ngô)



HỒ MÁI ĐÁY

Tần-ngần dưới bóng trăng sông
Nào gió nào sương nào thương nào chạnh
Đêm sâu đêm quạnh đêm lạnh đêm lũng
Đêm dài gói kín non sông
Con thuyền không lái trên dòng man-man.

Nữ-sĩ THANH-LIÊN

THƠ VĂN NÔM CỦA VIÊN-THÀNH ĐẠI-SU

TRONG

« LỢC-ƯỚC TÙNG-SAO »

Bài của BỬU-CÀM

Một hôm tới viếng chùa Già-lam ở Gia-định, tôi được Thượng-tọa Thích Trí-Thủ trao cho tập *Lợc-ước tùng-sao*, di-cảo của Viên-Thành Đại-su.

Thích Viên-Thành là đệ-tử của Viên-Giác Đại-su ở chùa Ba-la-mật, làng Nam-phồ (Thuận-hóa). Sau Người rời chùa Ba-la-mật đến tìm một mảnh đất gần núi Ngự-bình để dựng túp am tranh, lấy tên là Tra-am (nay là chùa Mật-son). Trước am có dòng suối trong chảy qua, trên suối bắc ngang một dịp cầu tre đơn-giản. Tra-am chủ-nhân đã đặt tên cho dòng suối ấy là Tây-bát-lưu, dịp cầu kia là Lợc-ước-kiều, những tên vừa nên thơ vừa trang-nhã.

Viên-Thành Đại-su vốn là bạn của Tiên-nghiêm, thầy của Thượng-tọa Thích Trí-Thủ và cũng là thầy của tổ-mẫu tiện-nội. Bởi vậy, tôi thường được nghe những bậc cổ-lão ở Huế nhắc nhở đến Đại-su. Người ta đã ca-tụng Đại-su về tài-năng cũng như đức-hạnh. Vì thế, tôi đã viết bài giới-thiệu Đại-su đăng trong *Văn-hóa nguyệt-san* số 38, tháng 1-2 năm 1959, trang 57-60.

Nay nhận được di-cảo của Đại-su do chính tay cao-đệ của Người trao lại, tôi rất vui mừng, xem như bắt được bảo-vật, đem về dành hẳn một ngày để đọc qua một lượt từ tờ đầu đến tờ cuối, với tất cả sự hứng-thú, say-sưa.

Lược-ước từng-sao có 83 tờ chép tay, đóng thành một tập, cỡ 16 cm X 30 cm, trong đó gồm những bài thơ, văn, câu đối bằng chữ Hán và vài bài bằng chữ nôm.

Theo tôi biết thì thơ văn nôm của Viên-Thành Đại-sư còn lại rất ít, vì hình như trước khi viên-tịch, Đại-sư đã đem những thơ văn quốc-âm của Người thiêu-hủy đi.

Bởi thế, trong bài giới-thiệu Viên-Thành Đại-sư trước đây tôi cũng chỉ có thể dẫn ra một bài tuyệt-cú và một bài lục-bát nôm của Đại-sư được người ta truyền miệng. Bây giờ, tôi cũng chỉ tìm được trong *Lược-ước từng-sao* một bài luật-thi và một bài văn xuôi nôm. Vậy xin phiên hai bài ấy ra đây để quý vị độc-giả đồng lãm.

Nhưng trước khi giới-thiệu thơ văn nôm trong *Lược-ước từng-sao*, thiết-tưởng nên dịch nghĩa bài *Tra-am ký* của cụ Nguyễn Cao-Tiêu (viết năm 1926) để quý vị có thể biết qua lai-lịch Viên-Thành Đại-sư và Tra-am là nơi Đại-sư tu-luyện.

Ba bài nói trên được trình-bày theo thứ-tự sau đây :

I — *Tra-am ký*, nguyên văn chữ Hán của Nguyễn Cao-Tiêu.

II — *Lời kính cáo việc lập chùa sư-nữ ở Huế*, bài văn xuôi chữ nôm của Viên-Thành Đại-sư.

III — *Kính đưa thầy giáo-thụ về Vĩnh-long*, bài luật-thi chữ nôm của Viên-Thành Đại-sư.



1. — TRA-AM-KÝ

Tra-am giả, Viên-Thành Thượng-nhân sở kiến dã, nhân biệt-hiệu Tra-am cố danh. Thượng-nhân nãi thân-phiên Định-viễn Quận-vương chi tôn, thiếu đam thiền chỉ, thập thất tuế xuất gia ; thời nhân Nguyễn-khoa công Viên-Giác Đại-sư khí quan quý tăng, toại tụng chi đặc kỳ y bát, trú ư Nam-phổ Ba-la-mật tự.

Dư sơ thượng Kinh thời, nhĩ kỳ danh, thường quý phòng yên. Dữ ngữ cánh nhật, thiền-học thâm thấu, vưu trường ư thi, cái cao-tăng nhi dật-sĩ dã. Dư thiết mộ yên.

Hậu văn Thượng-nhân biệt cấu am ư Ngũ-phong-sơn gian cư chi, dục cận kỳ Tiên-sư linh tháp dã. Dư dĩ quan những kỳ bạn, lữ dục trùng phỏng nhi vị quả. Kim hạ sự giản, Lạc hữu chiêu chi du, duyên hồi khê, phi lâm trấn, nãi đáo kỳ môn ; Lược-ước-kiều hoành Tây-bác-lưu thanh, mao am tàng kỳ trung, tiền phụng Phật tòa, hậu biệt khai nhất hiên, biên viết « Ngọa-vân quật », Thượng-nhân giảng kinh xứ dã. Sơn cở tuyên tân, trúc cao thạch ần, tọa đối linh nhân sinh thế ngoại tướng, cố dư chi đề thi hữu vân :-

Bất cầu tuyệt tích vô nhân đáo,

Chỉ khùng nhân danh bị thế truyền.

Ta hồ ! mang mang trần hải, hạo hạo mộng kiếp, phồ đại thiên thế-giới, hà xứ phi Phật cảnh, nhi hà xứ thị Phật cảnh tai ! Tra-am chi trú thử, dữ dư kim nhật chi du thử, ức hà sở tại hồ ? Dư vị chi tri dã, thỉnh dĩ chất chi Thượng-nhân.

(*Lược-ước từng-sao*, tờ 60 ab)

DỊCH NGHĨA :

BÀI KÝ TRA-AM

Tra-am do Viên-Thành Thượng-nhân dựng lên, do biệt-hiệu của chủ-nhân nên mới có tên như thế. Thượng-nhân là cháu của Định-viễn Quận-vương, một vị hoàng-thân. Lúc nhỏ, Thượng-nhân đã say mê tông-chỉ đạo Thiền, năm 17 tuổi xuất gia ; gặp lúc Viên-Giác Đại-sư họ Nguyễn-khoa bỏ quan đi tu, Thượng-nhân bèn theo làm đệ-tử và được truyền-thụ y bát, ở chùa Ba-la-mật tại làng Nam-phổ.

Lúc tôi mới lên Kinh-đô, được nghe danh Thượng-nhân, nên đã có lần tìm đến thăm và cùng nhau trò chuyện suốt ngày, thấy Thượng-nhân thâm-thúy Thiền-học lại có tài làm thơ, bởi vì Thượng-nhân là một vị cao-tăng kiêm dật-sĩ, lòng tôi hằng hâm-mộ.

Sau nghe Thượng-nhân dựng am riêng ở núi Ngũ-phong và tú tại đó, ý muốn được gần linh-tháp của Tiên-sư. Tôi vì bận việc quan cho nên đã nhiều lần lại muốn đến thăm Thượng-nhân nhưng chưa thực-hiện được ý-định. Mùa hạ năm nay công việc thư-thả,

các văn-hữu mời đi chơi, ven theo bờ khe quanh-co, rẽ lối rừng cây rậm-rạp, mới tìm đến cửa am của Thượng-nhân. Kìa, chiếc cầu Lược-ước bắc ngang dòng Tây-bát trong veo, phía trong là túp am tranh như ẩn như hiện : phần trước am đề thờ Phật, còn phía sau mở một mái hiên trên có biển đề « Ngọa-vân quật », ấy là nơi Thượng-nhân giảng kinh vậy. Núi xưa suối mới, đá khuất tre cao, ngòi trước cảnh đó khiến người ta phát sinh cái ý-tưởng như thoát-ly ra ngoài trần-tục, cho nên tôi đề thơ có câu :

Bất cầu tuyệt tích vô nhân đảo.

Chỉ khùng nhân danh bị thể truyền (1).

Than ôi ! kiếp mê man-mác, bề khổ minh-mông, khắp cả đại thiên thế-giới, nơi nào không phải là cảnh giới của Phật, nơi nào là cảnh-giới của Phật ? Tra-am trú ở đó, và tôi ngày nay đi chơi ở đó, chính là nơi nào vậy ? Tôi chưa biết được, xin chất chính với Thượng-nhân.

II. — LỜI KÍNH CÁO VIỆC LẬP CHÙA SƯ-NỮ Ở HUẾ

Nước ta từ khi có đạo Phật đến nay, trải Đinh, Lý, Trần, Lê, cho đến bản-triều, đã ngoài ngàn năm, trên từ các bậc đế vương, dưới đến muôn dân trăm họ, cùng những kẻ hượng-khuê tú-các, phần nhiều kính mến đạo Phật. Biết bao nhiêu chùa xưa tháp cũ, dấu tích còn truyền.

Lâu nay Bắc-kỳ Nam-kỳ đã có nhiều chùa sư-nữ, đường tu lối học cũng chẳng khác gì sư-nam.

Chốn để-thành đây, là nơi từng làm danh thắng, trong bạn nữ lưu cũng lắm người phát tâm mộ đạo, song các chùa công và tư kè có sáu bảy mươi cảnh, mà chưa thấy có một cảnh nào là lẽ lối riêng về phần sư-nữ. Xót nỗi sông mê bề khổ, biết đâu là mái thuyền từ. Nay có bà Quán-phi Trần-thị, ở chốn phòng tiêu cung quế, mà có chí tịnh-độ quy tâm, nét vẽ thiên-nhiên, hoa nởng mùi đạo, mảnh gương thanh-bạch, trắng dọi lòng thiền, sẵn lòng dất-dú cho bạn phòng khuê sớm nên cội phúc, hợp với mấy bà đồng-

(1) Nghĩa là :

*Chẳng mong ở nơi hoang vắng không có dấu chân người tới,
Chỉ sợ tiếng thanh-nhân bị miệng đời loan truyền.*

chí lập một sở chùa sư-nữ ở Huế, rước các bà vai đến ở chùa ấy cử bà nào hiểu thông kinh luật làm chủ trì đó, dạy bảo cho những kẻ mới phát tâm tu-hành ; điều gì khuyết-điểm, lại nhờ có chư sơn các vị tôn-túc về bảo cho. Cái lòng từ-thiện, đề-xướng ra được việc ấy, rất thực xứng-đáng.

Vậy xin các bậc thanh-tín sĩ nữ, cũng nên tán-thành cái hành-nguyện ấy, mau dựng viên-mãn thành-tựu, khiến cho các bạn nữ-ni có chốn an tâm niệm đạo. Mây tạnh trời quang, xe lộc-nữ sen vàng nhẹ bước ; gió thanh trăng sáng, viện Quan-âm trúc tía nên rừng. Ấy là nhờ có tấm lòng của các bậc từ-thiện giúp nên công quả vậy.

Nam-mô A-di-đà Phật.

(Lược-ước từng-sao, tờ 28a — 29a)

III. — KÍNH ĐƯA THẦY GIÁO-THỤ VỀ VĨNH-LONG

*Nửa gánh yên hà nhẹ cánh hồng,
Mấy lời tri thức nhớ hay không ?
Non cao mùi đạo trắng soi đầu,
Bề thăm ơn vua gió quạt lòng.
Bát-nhã duyên lành từ trước sẵn,
Bờ-đề quả tốt bởi xưa trồng.
Sông Hương bến Nghé tuy Nam Bắc,
Ngọn nước Tào-khê tính vẫn chung.*

(Lược-ước từng-sao, tờ 10b — 11a)



Mấy bài dẫn trên đủ cho ta thấy thơ văn nôm của Viên-Thành Đại-sư thật điêu-luyện, nhưng rất tiếc còn truyền lại chẳng bao nhiêu. Kể cả hai bài tôi đã giới-thiệu trong *Văn-hóa nguyệt-san* cũng chỉ vồn vẹn có bốn bài được công-bố. Tôi vừa nhận được một bài song-thất lục-bát gồm 56 câu bằng quốc-ngữ của Viên-Thành Đại-sư do Thượng-tọa Trí-Thủ gửi tặng ; tôi sẽ cho công bố bài này vào một dịp khác, sau khi đã chất chính với Thượng-Tọa về những điểm còn ngờ.

BỮU CẦM

Trên một giờ với... ông Lê Thọ - Xuân...

bài của AN-CU

Ngày 10-8-1966, lúc 12 giờ...

Do sự hẹn với nhau trước để đi thăm ông Lê Thọ Xuân mà chúng tôi ngỡ-ng-mộ lắm và thường bái kiến để được nghe những câu-chuyện văn-chương « không đầu không đuôi », nhưng rất lý-thú và sâu-sắc, anh Nguyễn Duy đến... Tôi lái chiếc xe nhà đưa anh đi Phú-nhuận, lại số 150, đường Nguyễn Minh-Chiếu; tại đây, người nhà ông Xuân cho biết là ông Xuân không có nhà và hiện đang ở tại « sở trồng-trỉa » của ông về miền Thủ-đức... Anh Nguyễn Duy nói láp-giáp với người nhà ông Xuân để thừa lại nào là chúng tôi có đến... nào là... Tôi vừa đứng nghe, vừa đọc cái thơ của ông Nguyễn văn Hầu từ Châu-đốc gửi tôi... Tôi chen vô và hỏi dò anh Duy : « Hay chúng mình đi Thủ-đức để thăm ông Xuân ? » và tôi không chờ anh Duy trả lời, lại hỏi người nhà ông Xuân có thể cho người nào theo để chỉ đường không ; bấy giờ anh Duy vui-vẻ nói : « Đi thì đi... ». Đưa bé gái độ mười một mười hai tuổi theo dẫn đường cho chúng tôi, hỏi ra thì là đứa nhỏ hàng xóm ở Thủ-đức, nhà nghèo mà ham học nên ông Xuân nuôi và cho đi học, hiện học lớp Đệ thất...

Xe nhắm Thủ-đức trực-chỉ, theo con đường cũ hướng cầu Bình-lợi ; tới chợ Thủ-đức, xe quẹo sang trái về ngã xã Tam-bình... Khoảng bốn cây số ngàn thì đến « sở

trồng-trỉa » nói trên... Nhưng đoạn đường này rất xấu, có rất nhiều ổ gà ; xe chỉ chạy được ở mức độ số 1 hay số 2 và đầu xe dùng-dặng lên xuống như ngựa chạy nước tế... Trời lại mưa khá lớn. Đường trở nên khá sinh-lầy.

Tới trước « Sở », anh Duy và em bé xuống xe vào nông-trại ; tôi loay-hoay một hồi lâu mới đem được chiếc xe vào cổng, đậu bên hông cái nhà cất bằng gỗ. Chủ nhà đang mặc chiếc áo thun và cái quần đùi vải sọc chấm đến đầu gối, tiếp chúng tôi thật là thân-mật. Tôi đưa mắt nhìn khắp nơi, thấy cái « sở » khá rộng, có trồng nhiều thứ cây ăn trái như cây cam, cây quít, cây dứa... Tôi hỏi chủ-nhơn có huê lợi chưa ; chủ-nhơn cho biết đã có huê lợi, nhưng chưa đủ để trả công sấn-sóc. Rồi chủ-nhơn vội-vàng đưa chúng tôi đi coi một « kỳ-quan » của sở ông ; đó là cái giếng có đặt ống xi-măng đường kính độ tám tấc, nước phun lên đến mặt đất, theo lời chủ-nhơn, rất ngọt, nhưng lạ một điều là nếu xê qua độ vài tấc tây thì nước không dùng để uống được vì rất nặng phen, và cũng đào cạn thôi, chớ xuống sâu hơn, nước cũng lại phen.

Trời còn mưa lấm-tấm. Chủ nhà đưa chúng tôi trở lên nhà trên, xách theo một chai nước thật trong của cái giếng « kỳ-quan » ; chúng tôi lại ngồi hai bên một cái bàn cũ hơi vuông, mặt bàn có vẻ lấm-lem, có lẽ dùng làm vừa bàn ăn vừa bàn viết ; cái bàn này đặt dưới mái hiên trước. Tôi ngồi cùng bên với chủ nhà, Nguyễn Duy ngồi bên đối diện với tôi. Ông Xuân kêu với xuống nhà dưới biểu pha cà-phê đãi khách.

Đã gặp ông Xuân nhiều lần rồi, nhiều lần nói chuyện với ông, không biết tại sao hôm nay bất-giác tôi muốn nhìn ông, ngắm ông : Vẻ người chắt-phác, hiền-lành, ông Lê Thọ-Xuân đúng như một nông-dân, luôn luôn khiêm-tốn, nhứt là bây giờ giữa khung cảnh sở vườn « quê mùa » này. Ông ngồi lặng-thình, đôi mắt lơ-dờ, trí như đang theo đuổi một ý-nghĩ gì ; anh Duy và tôi cũng không nói

một tiếng. Bỗng ông Xuân như được chạm ngòi, nét mặt như cười mỉm, nói với một giọng nhỏ-nhỏ... nghe xa-xôi...

Cái tiểu luận-án (mémoire) thi Cao-học Văn-Khoa được chấm ưu

Như đề phàn-nàn, mà cũng như đề phàn-bua, ông Xuân nói lúc này ông viết lách rất ít, vì người chị ruột đang đau, nên ông và bà Xuân phải thay phiên nhau có mặt ở sở để săn-sóc ba cái cây và trong năm nay Học-Hội Đông-Dương Nghiên-cứu (Société des Études Indochinoises) ở Saigon « cử ên » ông vào Ban Quản-trị và thường gửi sách cho ông đọc đặng góp lời phê-phán... Ông nói : « Họ vừa gửi cho tôi đọc cái tiểu luận-án về nghề lưới ở Nha-trang, viết bằng Pháp-văn. Tiểu luận này soạn rất công-phu để trình trước Hội-đồng chấm thi Cao-học tại Đại-học Văn-khoa Saigon và do một ông giáo-sư của Đại-học Văn-khoa Saigon, sau khi tiểu luận này được chấm đậu ưu hạng, đề-nghị cho đăng vào tập kỷ-yếu của Học-Hội. Tôi ái-ngại quá, không biết nên nói thẳng những nhận xét của mình không. Mặt khác tôi có nỗi lo, e người ngoại quốc căn-cứ vào đó làm tài-liệu, sẽ có sự hiểu sai nhận lầm nhưt là phong-tục tập-quán của dân-tộc mình ». Ông Xuân lại trầm-ngâm như bản-tánh của ông từ xưa đến nay, luôn luôn cần-nhắc, thận-trọng lời nói lắm. Tôi làm-thăm : « Chấm đồ hạng ưu ! Hạng ưu ! » vì tôi đã biết tác-phẩm này. Ông Xuân nhíp nhíp mấy ngón tay trên bàn. Nguyễn-Duy nét mặt thản-nhiên. Tôi nghĩ vợ-vần theo cái điệu nghề của cụ Thủ-tướng Trần-văn-Hương : « Bằng-cấp và cấp-bằng !!! ». Đôi mắt buồn-rầu và đau-đớn, ông Xuân nói, giọng rất trầm :

« Anh thử nghĩ ở nước ta thuở giờ đâu có « Bà Thiên-chúa » mà tác-giả đến hai lần nói về cuộc lễ « Cáo tri linh bà Thiên-chúa » ở Tháp Bà tại Nha-trang. Tôi phải suy-nghĩ luôn mấy ngày để tìm hiểu ba tiếng « Bà Thiên-chúa ». Tôi đoán chừng — xin nói rõ là tôi đoán chừng — có lẽ tại

cụ Phan Thanh-Giản và Học-bộ Thượng-thor Cao Xuân-Dục. Tôi nhớ cụ Phan có soạn bài thần-tích khắc lên bia đá dựng tại Tháp Bà (Po-Nagar) Nha-trang, rồi Cao Thượng-thor do đó mà viết « Thiên-Y cô-tháp » trong bộ Đại-Nam Nhất Thống Chí. Ở quyển 11 (tỉnh Khánh-hòa), trang 19a, ông họ Cao viết : «... nãi ư sơn thượng trúc tháp nhị tả tự Tiên chúa hữu tự Thái-tử (dịch : bên trên núi hai cái tháp : tháp bên tả thờ Bà Chúa Tiên, tháp bên hữu thờ ông Thái-tử, « chồng của Bà »)... ».

Quốc-âm Tự-Vị của Huinh Tịnh-Cửa giảng : « Bà Thiên-Y là tước Bà Chúa Ngọc. Nhưng từ trước, người ta quen gọi Bà Thiên-Y (Thiên-Y Tiên-nữ) là Bà Chúa Tiên, nên cụ Phan và Cao Thượng-thor viết ra « Tiên-chúa ». Khổ nỗi, chữ Tiên ở đây không viết theo lối thông-thường là 仙 mà viết lối mặt mờ là 僊 : Tiên-chúa 僊主. Mà chữ Tiên 僊 này ít dùng, lại giống chữ Thiên 遷, nên phải chăng vì vậy mà Tiên-chúa là Bà Chúa Tiên lại đọc thành Bà Thiên-chúa ?

Bật tiếng giây-lát, ông Lê Thọ-Xuân thông-thả tiếp : « Về nghề-nghiệp, từ trước, người Việt ta có cái tổ-chức cô-truyền gọi là « Vạn » ; vậy giới chài-lưới phải có vạn-chài, vạn-lưới, một thứ « corporation » chung lo cho nhau, tương-thân, tương-tế. Thế mà từ đầu tới cuối cuốn tiểu luận-án không thấy đá-động tới chữ « Vạn » một lần nào trong khi nhiều phen tác-giả đề-cập đến « nhóm lao-động ».

Lại chỗ khác, tác-giả bảo : « Gần đình Ông, có đình Bà. Tác-giả dịch « đình Ông » là « Résidence de Monsieur » và « đình Bà » là « Résidence de Madame ». Người ngoại-quốc nghe ra « ông với bà »... của một gia đình nào ! Kỳ thật « đình » ở đây không có nghĩa là « đình-thự », mà là miếu nhỏ, là đền thờ, là điện, như đình Cố ở Long-hải, đình Cậu ở Biên-hòa, đình Năm Ông ở Thủ-dầu-một..., có nghĩa là pagodon hay temple ; còn « ông » ở

đây là « cá ông », « ông Nam-hải » (đúng như tác-giả đã nói) và « bà » ở đây là « déesse ».

Chưa hết, nói đến lòng tin-ngưỡng của người dân miền Nam đối với sự thờ cá ông là vì cá ông đỡ ghe, đỡ thuyền của người đi biển-giả trong những cơn phong-ba, chớ đâu phải vì cá ông chỉ đi lừa cá tôm cho dân-chài bắt như tiểu luận-án đã nói. Và còn nhiều điều về sự cúng-kiếng của ta nữa...

Tôi vô-phép một cách lễ-phép cắt lời chủ nhà : « Thưa ông ! Ông sẽ cho ý-kiến như thế nào khi ông có những nhận-xét như vậy ? ». Ông Xuân, đơm đầy vẻ thiết-thả, thỏ-thê : « Khó nghĩ lắm !... Tôi đã gửi trả cuốn tiểu luận-án cho Hội và sẽ gửi những nhận-xét của tôi sau. Tôi sẽ không dám cho những điều tôi vừa vạch ra của tiểu luận-án là sai ; tôi chỉ nói « theo tôi nhận-xét là vậy đó », còn quyết-định thì tùy ở họ thôi. Và lại tôi chưa nói hết những nhận-xét của tôi, tại vì không có thì giờ... » Tôi biết tánh-tình của ông Lê Thọ-Xuân và tôi nghĩ : « Không phải vì không có thì giờ, mà vì lẽ khác... ». Bỗng nhiên, ông Xuân phá lên cười và tôi cũng hùa theo phá lên cười một cách... vô-lý với dòng nước mắt nóng chảy cuộn trên má.

Nguyễn Duy và Lê Thọ-Xuân ngó nhau, im lìm. Tôi sực nhớ lại một dạo nào đó ông Hồ Hữu-Tường diễn-thuyết về đề-tài « quốc-học » tại Thính-đường Quốc-Gia Âm-Nhạc có nói mừng-tương như sau : «...Tôi vốn học toán, và có một ít bằng-cấp về toán. Bằng-cấp này có thể cho phép tôi dạy toán. Nhưng bước sang qua địa-hạt quốc-học, tất cả bằng-cấp của tôi không có một mảnh da lừa nào đảm-bảo rằng tôi đã biết chút xiu gì về cái mà chúng ta gọi là quốc-học. Tôi nói chuyện của tôi, để tôi có thể xét lại giá-trị của những bằng-cấp. Đối với nền quốc-học thì những luận-án mà đề-tài là học-thuyết của Kant, của Hegel, của Heidegger,

của Bergson, của Husserl, là văn-chương của Conrad, của Saint-Exupéry, của Sartre, chỉ đảm-bảo cho những công-phu học hỏi về những chuyên-môn xa-lạ với nền quốc-học. Thi đối với nền quốc-học, những bằng-cấp, đầu cao đến đâu, cũng na-ná như những bằng-cấp về toán học của tôi. Nói một cách trắng-trợn, tuy chạm đến nhiều người, song là sự thật, thì trừ một ít vị đã chọn đề-tài về quốc-học của ta, tất cả chúng ta, kể cả những ông tú, ông cử, ông nghè cũng có bằng về Hán học, kể cả những ông tiến, ông thạc ở Âu-Mỹ, chúng ta thấy đều là kẻ không có bằng-cấp về quốc-học Việt-nam. Cái logique mà tôi học của Tây-phương bắt buộc tôi nói một sự đau lòng như vậy... » (Hòa-đồng, số 34 xuất-bản ngày thứ bảy 4-9-1965, trang 5, cột ba và trang 6, cột một).

Ba chúng tôi đang miên-man nghĩ, mỗi người một hướng. Ký-ức gọi lại cho tôi một vụ, cũng xảy ra tại Đại-học Văn-khoa Saigon, đó là vụ, năm nào đó, của một vị giáo-sư ra cái đề « quốc-văn hạ lối » đã làm chần-động báo chí Việt-ngữ đứng lên chề-giễu. Than ôi...

CÒN MỘT KỶ NỮA : Quyển « Nỗi lòng Đồ Chiểu » đáng lý của ai ?

AN-CU

SÁCH VĂN-HỌC

Bán tại Nhà Sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi — SAIGON

Văn học đời Lý, — Trần	Ngô-Tất-Tố	30\$
—	—	40
Văn chương quốc-âm thế-kỷ XX	Phan-Trần-Chúc	40
Lĩnh-Nam Chích-Quái	Lê-Hữu-Mục	75
Việt-Điện U Linh Tập	—	75
Thành-ngữ điển-tích	Diên-Hương	100
Phép làm thơ	—	80

Tục-ngữ phong-dao I, II	Nguyễn-văn-Ngọc	130
Hương hoa đất nước I, II	Trọng-Toàn	100
Nam Thi hợp tuyển	Nguyễn-văn-Ngọc	58
V.N. Văn-hóa sử cương	Đào-Duy-Anh	77
Tân-Đà vận văn I, II	Nguyễn-khắc-Hiếu	120
Nhà văn hiện đại I, II, III, IV, V	Vũ-Ngọc-Phan	390
V.N. Văn-hóa toàn thư I, II	Hoàng-Trọng-Miên	200
Đại-Cương văn học sử Trung-Quốc		
I, II, III	Nguyễn-Hiến-Lê	225
V.N. Văn học sử giản yếu I, II, III	Ph. Thế-Ngữ	490
Thơ Đường I, II	Trần-Trọng-San	190
V.N. Văn học giản bình	Phạm-văn-Diêu	160
Văn học Việt-Nam	—	200
V.N. Văn học nghị luận	Nguyễn-sĩ-Tế	45
Đường thi	Ngô-Tất-Tố	40
Những khuynh hướng trong thi ca		
V.N.	Minh-Huy	80
Những nhà thơ hôm nay	—	100
Luật thơ mới	—	38
Nguyên-tắc sáng-tác thi ca	Vũ-văn-Thanh	30
Kỹ-thuật sáng-tác thơ	Trương-Linh-Tử	35
Quan-niệm sáng-tác thơ	Đoàn-Thêm	75
Việt Thi	Trần-Trọng-Kim	42
Văn phạm Việt	Nguyễn-Quý-Hùng	250
Khảo luận về ngữ pháp V.N.	Nguyễn-Hiến-Lê	250
Lược khảo về ngữ pháp V.N.	Doãn-Quốc-Sĩ	90
Luyện văn I, II, III	Nguyễn-Hiến-Lê	165
Hương sắc trong vườn văn	—	100
Khảo luận về tiểu-thuyết Trung Hoa	Nguyễn-H-Khánh	50
Nghệ thuật làm văn và đọc văn	Vũ-Ký	120
Khảo luận Đoạn Trường Tân Thanh	Nguyễn-Khoa	60
— về Đoạn-tuyệt	Lê-Hữu-Mục	40
Lịch sử văn học Công-giáo V.N.	Võ-Long-Tê	60
Mai Đình Mộng Kỳ	Hoàng-Xuân-Hân	22
Bích câu kỳ ngộ	—	75

Xưởng Kỹ-nghệ

CHẦN - NGUYỄN

số 817, đường Nguyễn-Trãi (Chợ lớn)

ĐIỆN-THOẠI : SỐ 37.197

Chuyên làm

GIÀY

BẰNG NHỰA HÓA HỌC

đủ cỡ từ trẻ con đến người lớn

Kiểu đẹp — Bền tốt — Giá rẻ

Địa-chi liên-lạc :

Ông AN CƯ

393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo

— SAIGON —